

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

ĐỀ ÁN
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO HỆ CHÍNH QUY
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH

Mã số ngành: 7380102

NGHỆ AN - 2024

MỤC LỤC

I	GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO	2
1	Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Vinh	2
2	Giới thiệu về Trường KHXH&NV thuộc Trường Đại học Vinh	4
II	SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	9
1	Giới thiệu về ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	9
2	Nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	11
3	Sự phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường Đại học Vinh	13
4	Sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, xu thế phát triển của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế	14
III	TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	15
1	Nguồn lực cán bộ tham gia thực hiện Chương trình đào tạo	15
2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình	27
3	Hoạt động nghiên cứu khoa học	37
4	Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	38
IV	TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	38
1	Giới thiệu khái quát về Chương trình đào tạo	38
2	Mục tiêu chương trình đào tạo	39
3	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	40
4	Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp	41
5	Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	45
6	Các dịch vụ hỗ trợ người học	45
7	Kế hoạch đào tạo	51
V	CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	51
1	Tổng quan về chương trình dạy học	51
2	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo	52
3	Khung Chương trình dạy học	54
4	Phương pháp giảng dạy và học tập	56
5	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	57
6	Mô tả tóm tắt các học phần	62
VI	TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	97
1	Giải pháp và lộ trình thực hiện	97
2	Đánh giá rủi ro, giải pháp phòng ngừa và xử lý	101
3	Cam kết của cơ sở đào tạo	102
4	Dự toán kinh phí đào tạo	103
5	Kiến nghị đề xuất	107
	PHỤ LỤC I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LĨNH VỰC NGÀNH ĐỀ XUẤT	108
	PHỤ LỤC II. BÁO CÁO KHẢO SÁT NHU CẦU XÃ HỘI VỀ ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH	120

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: **Luật Hiến pháp và Luật Hành chính**
Mã số: **7380102**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

Kính gửi: Trường Đại học Vinh

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về Trường Đại học Vinh

1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ba năm sau đó, ngày 29/2/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh.

Từ Trường Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Vinh hôm nay là thành quả của sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong hơn 60 năm qua. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và trên thế giới.

Nhà trường đã đào tạo trên 180.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế. Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của tổ chức CSIC, hằng năm Trường Đại học Vinh đều được xếp trong top 20 các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Trường Đại học Vinh đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM) của 100 trường đại học hàng đầu châu Á (trong đó có nhiều tiêu chí đạt 5 sao). Theo bảng xếp hạng SCImago (SCImago Institutions Rankings) Trường Đại học Vinh xếp ở vị trí thứ 16 trong 22 trường đại học của Việt Nam.

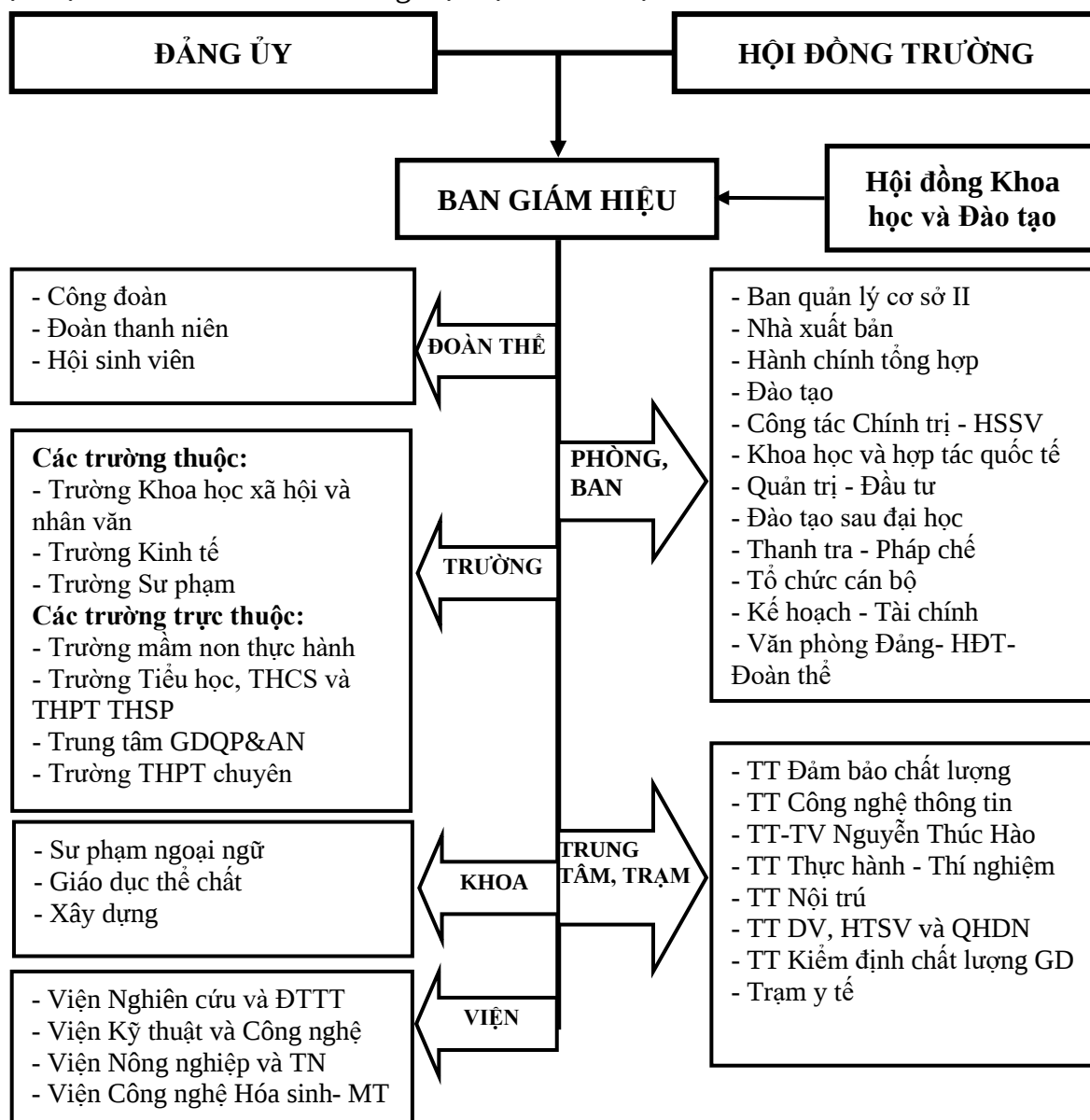
Nhà trường đã sớm triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng. Năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Từ năm 2018 đến nay đã có nhiều chương trình đào tạo đại học chính quy được đánh giá ngoài theo Bộ tiêu chuẩn Quốc gia và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục (Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Kỹ thuật xây dựng, GD tiểu học, GD mầm non, Kế toán, Luật kinh tế, Sư phạm Hoá học, Luật học...). Có nhiều chương trình đào

tạo đại học chính quy được đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA (Sư phạm Toán học, Công nghệ thông tin...).

Trường đào tạo 57 ngành đại học (trong đó có 3 ngành đại học chất lượng cao), 38 chuyên ngành thạc sĩ, 17 chuyên ngành tiến sĩ. Ngoài ra, Trường Đại học Vinh còn có 2 trường trực thuộc (Trường THPT Chuyên, Trường Thực hành Sư phạm). Quy mô đào tạo của Trường là gần 35.000 HSSV, học viên, trong đó HSSV, học viên chính quy là 22.000 người. Trong 57 ngành đào tạo đại học, Trường có 14 ngành đào tạo giáo viên là các ngành truyền thống, cung cấp nguồn giáo viên chất lượng cao cho cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu.

1.2. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Vinh gồm 3 trường thuộc, 4 trường trực thuộc, 4 viện, 3 khoa, có 24 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh được mô tả như Hình 1.1.



Hình 1.2. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh

Đội ngũ cán bộ: Hiện nay, Nhà trường có 3 trường thuộc (trong đó có 21 khoa, 4 trung tâm, 4 tổ văn phòng), 3 trường trực thuộc, 4 viện, 3 khoa đào tạo, 21 phòng, ban, trung tâm, trạm, nhà xuất bản, 2 văn phòng đại diện. Tính đến tháng 04/2024, Tổng số viên chức, người lao động toàn trường là 1.002 người (bao gồm 8 sĩ quan biệt phái), trong đó có 705 cán bộ giảng dạy, 297 cán bộ hành chính, cụ thể về học hàm, học vị như sau: 57 Giáo sư và Phó giáo sư; 342 Tiến sĩ; 464 Thạc sĩ và 173 Đại học.

Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, còn có hàng trăm nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường Đại học Vinh.

Trường Đại học Vinh là một trong những Trường Đại học lớn, nằm trên khu vực Bắc Trung Bộ của Việt Nam. Sứ mạng của Trường Đại học Vinh là “cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”. Để làm được điều này Nhà trường tập trung mở rộng quy mô cùng với nâng cao chất lượng đào tạo đang là mục tiêu ưu tiên hàng đầu; bởi vậy, Nhà trường luôn tìm các biện pháp đổi mới và hiện đại hoá nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và cơ sở vật chất. Trường Đại học Vinh có nhiệm vụ thực hiện hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đóng góp cho sự phát triển giáo dục của địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện trong giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Trường Đại học Vinh không ngừng lớn mạnh. Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ. Nhà trường có đội ngũ cán bộ cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1.036 cán bộ, viên chức, trong đó có 51 giáo sư, phó giáo sư, 300 tiến sĩ, 495 thạc sĩ... Trường có 381 giảng viên hạng III; 135 giảng viên hạng II; 50 giảng viên hạng I. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 50%. Đội ngũ cán bộ của Trường Đại học Vinh nói chung và Trường Kinh tế nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, còn có hàng trăm nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường Đại học Vinh.

2. Giới thiệu về Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Trường Đại học Vinh

Được thành lập từ năm 2021, hiện tại Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh là nơi chắp cánh những ước mơ khởi nghiệp, nơi đào tạo hệ cử nhân luật hàng đầu khu vực Bắc Trung Bộ. Với đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, Trường KHXH&NV sẽ được biết đến là nơi đào tạo uy tín nhiều ngành khác nhau. Ngoài ra hệ

đào tạo sau đại học cũng được quan tâm như đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật.

2.1. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu của Trường KHXH&NV có Đảng bộ bộ phận, Ban Giám hiệu, Công đoàn trường. Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2020 - 2025 với cấp ủy viên do đồng chí Đinh Ngọc Thắng làm Bí thư Đảng bộ bộ phận và đồng chí Hắc Xuân Cảnh là Phó Bí thư Đảng bộ bộ phận. Ban Giám hiệu trường nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm có 3 đồng chí, do GVC.TS. Đinh Ngọc Thắng làm Hiệu trưởng, GVCC. PGS.TS. Trần Việt Quang và GVC.TS. Hắc Xuân Cảnh là Phó Hiệu trưởng. Ban Chấp hành Công đoàn trường với 68 công đoàn viên do TS. Bùi Minh Thuận làm Chủ tịch công đoàn.

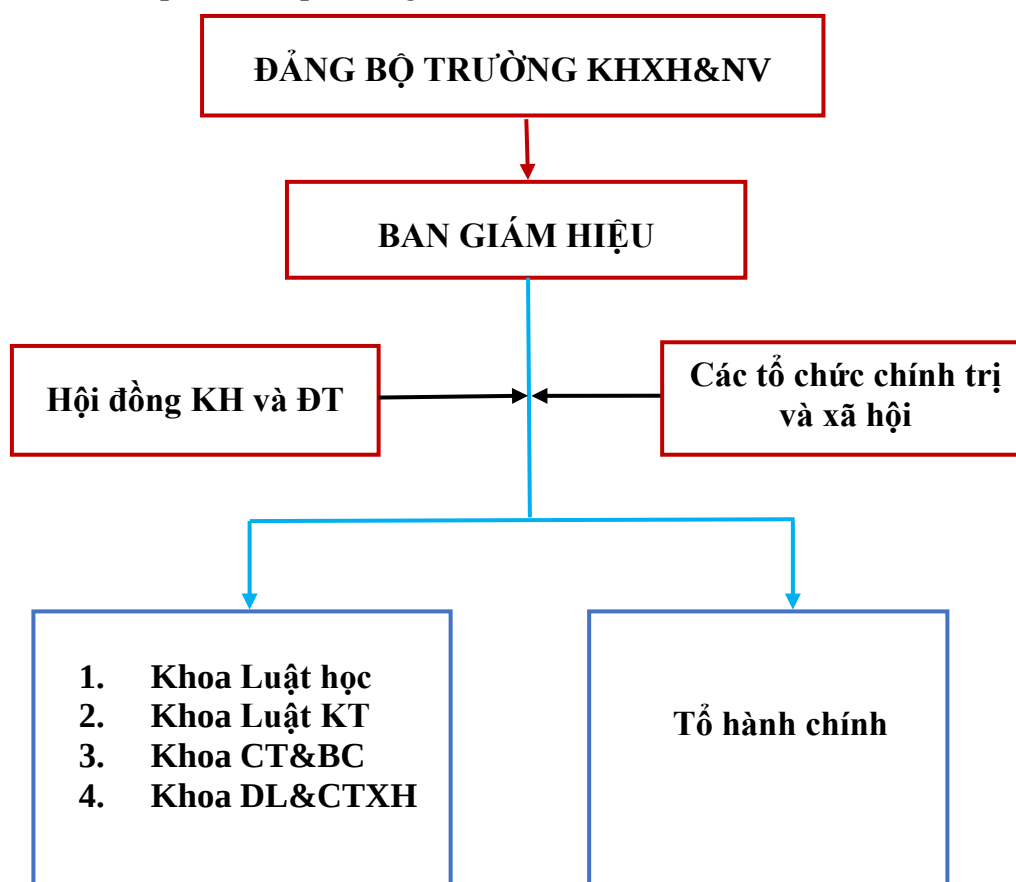
Khoa Luật được thành lập ngày 02/01/2009 theo Quyết định số 07/TCCB ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, với sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực pháp luật và dịch vụ pháp lý chất lượng cao cho các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và toàn xã hội; tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật, trang bị kiến thức cơ bản về pháp luật, bồi dưỡng năng lực ứng phó với các vấn đề mà xã hội hiện đại đang phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn được thành lập theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập, tổ chức lại các đơn vị: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, khoa Luật. Theo đó, khoa Luật trước đây được tách thành 2 khoa: khoa Luật học và khoa Luật kinh tế. Như vậy, khoa Luật học được chính thức thành lập trở thành một trong 4 khoa đào tạo của Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ, động viên của Nhà trường, của khoa Luật trước đây và khoa Luật học hiện nay, các cán bộ, giảng viên của Khoa đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Đội ngũ giảng có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Đến tháng 12 năm 2021, khoa Luật học và Luật Kinh tế có 34 cán bộ giảng dạy (20 tiến sĩ, 14 thạc sĩ) được đào tạo trong và ngoài nước.

Khoa Luật học đào tạo từ cử nhân đến thạc sĩ luật với nhiều hệ đào tạo như chính quy, từ xa, vừa làm vừa học. Đối với trình độ cử nhân, hiện nay khoa có 01 chuyên ngành đào tạo là Luật. Đối với trình độ thạc sĩ, Khoa đang đào tạo chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật. Từ khi thành lập đến nay, khoa Luật trước đây và khoa Luật học hiện nay đã đào tạo được hơn 3000 cán bộ pháp luật, trong đó chủ yếu là cử nhân đại học. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm cao, nhiều sinh viên đạt loại khá, giỏi. Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa Luật học đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố nhiều bài báo trên các tạp chí khoa học trong và

ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Luật học đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.



Hình 2.1. Cơ cấu tổ chức Trường Khoa học Xã hội và nhân văn

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ, động viên của Nhà trường, của khoa Luật trước đây và khoa Luật học hiện nay, các cán bộ, giảng viên của Khoa đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Đội ngũ giảng có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Đến tháng 12 năm 2021, ngành Luật có 34 cán bộ giảng dạy (20 tiến sĩ, 14 thạc sĩ) được đào tạo trong và ngoài nước.

2.2. Hoạt động đào tạo

Hiện nay, Trường KHXHNV có gần 10 mã ngành đào tạo đại học chính quy, 2 mã ngành đào tạo thạc sĩ và 01 mã ngành đào tạo tiến sĩ. Trường đang thực hiện đào tạo đại học hệ chính quy, vừa làm vừa học, từ xa, văn bằng 2, ngoài ra còn tham gia tổ chức đào tạo chứng chỉ ngắn hạn như chứng chỉ như chứng chỉ CDNN, NVSP,... Hàng năm, Trường KHXHNV quản lý hơn 1000 học viên, sinh viên đang theo học với các bậc học, ngành học và các hệ đào tạo khác nhau.

Để nâng cao chất lượng đào tạo Đại học và Sau đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đội ngũ giảng viên của trường đã tích cực đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy thường xuyên.

Chương trình đào tạo của trường được định kì bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi của các bên liên

quan; có sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong phát triển CTĐT của các trường đại học tiên tiến trên thế giới. Hiện nay, trường đã và đang triển khai CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO là chương trình tiếp cận năng lực người học cho tất cả các ngành đào tạo đại học và sau đại học.

2.3. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Song song với công tác đào tạo, trường quan tâm hoạt động nghiên cứu khoa học, với nhiều đề tài cấp bộ, cấp tỉnh và đề tài cấp trường. Trường đã hình thành các nhóm nghiên cứu trong khoa và liên khoa hỗ trợ nhau trong công tác NCKH và nâng cao trình độ chuyên môn. Mỗi một khoa đều có các nhóm nghiên cứu và giữa các khoa có liên nhóm, cùng tham gia viết và đăng bài báo khoa học nhất là tạp chí quốc tế uy tín và tham gia hội thảo quốc tế, tham gia làm đề tài các cấp. Cho đến nay, Trường đã có nhiều công bố khoa học trong và ngoài nước, có nhiều công trình NCKH của sinh viên đạt giải thưởng các cấp, tổ chức nhiều Hội thảo và Tọa đàm khoa học, chương trình hợp tác trong NCKH để phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của các ngành, tạo môi trường chuyên môn có chất lượng cho cán bộ giảng viên và sinh viên.

2.4. Đội ngũ cán bộ

Hiện nay, Trường Đại học Vinh có 3 trường thuộc (trong đó có 21 khoa, 4 trung tâm, 4 tổ văn phòng), 3 trường trực thuộc, 4 viện, 3 khoa đào tạo, 21 phòng, ban, trung tâm, trạm, nhà xuất bản, 2 văn phòng đại diện. Tính đến tháng 04/2024, Tổng số viên chức, người lao động toàn trường là 1.002 người (bao gồm 8 sĩ quan biệt phái), trong đó có 705 cán bộ giảng dạy, 297 cán bộ hành chính, cụ thể về học hàm, học vị như sau: 57 Giáo sư và Phó giáo sư; 342 Tiến sỹ; 464 Thạc sỹ và 173 Đại học.

Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, còn có hàng trăm nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường Đại học Vinh.

Trong đó, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên của Trường Khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Vinh bao gồm:

- Số lượng: 66 cán bộ (trong đó: 62 giảng viên; 04 chuyên viên).
- Cơ cấu về trình độ chuyên môn của giảng viên: 03 PGS, 38 TS, 11 NCS và 14 ThS
- Giảng viên tham gia đào tạo các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính trình độ đại học của Trường Khoa học xã hội nhân văn có 1 PGS và 20 TS, 07 NCS và 07 thạc sĩ.
- Ban Giám hiệu Trường Khoa học xã hội nhân văn, Trường Đại học Vinh gồm 01 Hiệu trưởng; 01 Phó hiệu trưởng.
- Hội đồng Khoa học và đào tạo gồm có 07 thành viên.
- Cơ cấu Trường Khoa học xã hội nhân văn có 04 Khoa như sau:
 - + Khoa Luật học
 - + Khoa Luật Kinh tế

- + Khoa Chính trị - Báo chí
- + Khoa Du lịch và Công tác xã hội.

Với số lượng giảng viên và cơ cấu trình độ như trên, hiện nay Khoa Luật học đang chủ trì 01 ngành đào tạo trình độ đại học. Đối chiếu với quy định tại Thông tư số 02/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022, đội ngũ giảng viên Khoa Luật học đủ điều kiện (cả về số lượng và trình độ) để đăng ký mở thêm 01 ngành đào tạo trình độ đại học là ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

Giảng viên chủ trì Chương trình đào tạo Luật Hiến pháp và Luật Hành chính theo Quyết định số 1026/QĐ-ĐHV ngày 03 tháng 05 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc cử giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học là: Tiến sĩ, Giảng viên chính Nguyễn Văn Đại (Chuyên ngành đào tạo tiến sĩ là Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, năm 2017, tại Việt Nam) – Phó trưởng Khoa Luật học, Trường KHXH&NV thuộc Trường Đại học Vinh. Bên cạnh đó Khoa cũng có nhiều tiến sĩ đúng chuyên ngành đào tạo là Luật Hiến pháp và Luật hành chính và có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học để có thể thực hiện tốt chương trình của ngành:

TT	Họ và tên	Học vị, ngành	Vị trí
1	Nguyễn Văn Đại	Tiến sĩ, ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Việt Nam, 2017	Chủ nhiệm ngành
2	Đinh Văn Liêm	Tiến sĩ, ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Việt Nam, 2017	Giảng dạy
3	Hồ Thị Nga	Tiến sĩ, ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Việt Nam, 2018	Giảng dạy
4	Nguyễn Thị Hà	Tiến sĩ, Luật hành chính và Tổ tụng hành chính, Việt Nam, 2020	Giảng dạy
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Tiến sĩ, ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Việt Nam, 2018	Giảng dạy
6	Ngô Thị Thu Hoài	Tiến sĩ, ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Việt Nam, 2020	Giảng dạy
7	Nguyễn Thị Thùy Dung	Tiến sĩ, ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Việt Nam, 2020	Giảng dạy

2.5. Khoa Luật học

Khoa Luật được thành lập ngày 02/01/2009 theo Quyết định số 07/TCCB ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, với sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực pháp luật và dịch vụ pháp lý chất lượng cao cho các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và toàn xã hội; tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật, trang bị kiến thức cơ bản về pháp luật, bồi dưỡng năng lực ứng phó với các vấn đề mà xã hội hiện đại đang phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược cải cách tư pháp, xây

dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn được thành lập theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập, tổ chức lại các đơn vị: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, khoa Luật. Theo đó, khoa Luật trước đây được tách thành 2 khoa: khoa Luật học và khoa Luật kinh tế. Như vậy, khoa Luật học được chính thức thành lập trở thành một trong 4 khoa đào tạo của Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ, động viên của Nhà trường, của khoa Luật trước đây và khoa Luật học hiện nay, các cán bộ, giảng viên của Khoa đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Đội ngũ giảng có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Hiện nay, ngành Luật có 2 Phó giáo sư, 20 tiến sĩ, 14 thạc sĩ được đào tạo trong và ngoài nước.

Khoa Luật học đào tạo từ cử nhân đến thạc sĩ luật với nhiều hệ đào tạo như chính quy, từ xa, vừa làm vừa học. Đối với trình độ cử nhân, hiện nay khoa có 01 chuyên ngành đào tạo là Luật học. Đối với trình độ thạc sĩ, Khoa đang đào tạo chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật. Từ khi thành lập đến nay, khoa Luật trước đây và khoa Luật học hiện nay đã đào tạo được hơn 3000 cán bộ pháp luật, trong đó chủ yếu là cử nhân đại học. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm cao, nhiều sinh viên đạt loại khá, giỏi. Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa Luật học đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố nhiều bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Luật học đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

Tên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 7380102

Ngành Luật Hiến pháp và luật hành chính (tên tiếng Anh: Constitutional and Administrative Laws) là ngành đào tạo ra đội ngũ nhân lực có kiến thức chuyên sâu về Luật pháp nói chung và luật hiến pháp, hành chính nói riêng. Sau khi tốt nghiệp, các bạn sẽ được trang bị đầy đủ kỹ năng hành nghề để tự tin làm việc trong môi trường tư vấn pháp luật chuyên nghiệp.

Về chương trình đào tạo, người học cần phải hoàn thành các môn thuộc 3 nhóm học phần chính sau: nhóm kiến thức chung (21 tín chỉ); nhóm kiến thức cơ sở và chuyên ngành (97 tín chỉ, trong đó có: 87 tín chỉ bắt buộc, 10 tín chỉ tự chọn) và đồ án tốt nghiệp (8 tín chỉ). Bên cạnh việc chú trọng trang bị kiến thức chuyên môn, chương trình học còn giúp sinh viên bổ sung các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc sau này

nghư: kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy phản biện, tổ chức – điều hành... Do đó, sau khi hoàn thành chương trình học, các bạn sẽ hoàn toàn có đủ năng lực để bắt tay vào làm việc ngay ở nhiều vị trí công tác khác nhau.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020 và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp, trong đó yêu cầu: “Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành,... hỗ trợ Nghệ An sớm trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao...là trung tâm giáo dục - đào tạo đại học vùng Bắc Trung Bộ”; Trong kế hoạch phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2030 khẳng định: “Xây dựng Nghệ An thành trung tâm giáo dục - đào tạo đại học vùng Bắc Trung Bộ. Đầu tư phát triển Trường đại học Vinh trở thành Đại học Vinh đạt tiêu chuẩn quốc tế”. Nghệ An là một tỉnh lớn nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Trung Bộ của Việt Nam. Khu vực Bắc Trung Bộ là một trong 7 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm 6 tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế) với diện tích 5.150.069 ha (chiếm 15,5% diện tích cả nước), dân số hơn 10 triệu người (chiếm 13% dân số cả nước). Nhu cầu nhân lực của Nghệ An nói riêng và Vùng kinh tế lân cận nói chung là rất lớn. Thực tế cho thấy, nhu cầu lao động đối với lĩnh vực này là không nhỏ, nghiên cứu thị trường để đào tạo những ngành phù hợp với nhu cầu của xã hội có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong các ngành thuộc khoa học Xã hội và Nhân văn, chính trị - pháp lý thì ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính luôn giữ vị trí quan trọng trong thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Hiện nay, đào tạo ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính bậc đại học đã được triển khai ở nhiều cơ sở đào tạo Luật của Việt Nam. Cho nên việc mở mã ngành đào tạo Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ở Trường Đại học Vinh có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính có cơ hội việc làm rất rộng mở với các vị trí việc làm đa dạng như trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty, doanh nghiệp tư nhân ở tất cả các lĩnh vực. Có thể tóm các nhóm vị trí việc làm sau:

Nhóm 1: Làm việc tại Cơ quan Đảng, Tổ chức Chính trị-xã hội; cơ quan lập pháp, hành chính nhà nước từ trung ương tới địa phương, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật (Tư pháp) như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an (Thẩm phán, Kiểm sát viên, Công an...).

Nhóm 2: Hành nghề độc lập hoặc làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý như: Văn phòng luật sư, Công ty luật, Văn phòng công chứng, Thừa phát lại, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý và thanh lý tài sản, các trung tâm trọng tài thương mại...của Việt Nam và nước ngoài (Luật sư, công chứng viên, hòa giải viên thương mại, quản tài viên hành nghề quản lý, thanh lý tài sản...).

Nhóm 3: Làm việc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng với tư cách là các chuyên viên, nhân viên pháp chế, tư vấn pháp luật, quản trị nhân sự, thu hồi nợ...

Nhóm 4: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị như các Trường đại học, Cao đẳng, Trung học, Trung tâm nghiên cứu, Viện nghiên cứu...

Với một tỉnh lớn với qui mô và phát triển như hiện nay và trong tương lai đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày phát triển, các vấn đề xã hội, các sự kiện/ hiện tượng xã hội như thất nghiệp, nghèo, học đường, bạo lực học đường... với tỷ lệ ngày một tăng, do đó nhu cầu phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội của doanh nghiệp, tổ chức ngày càng tăng cao, vì vậy, ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ngày càng có vai trò và ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở này, chúng tôi cho rằng, việc mở ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính theo hướng ứng dụng để giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội đang đặt ra là cần thiết.

Chính vì vậy, việc đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ở khoa Luật học, Trường Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Vinh có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn hiện nay nhằm góp phần thực hiện những chủ trương, chính sách của Bộ giáo dục và Đào tạo và giải quyết những vấn đề của thực tiễn xã hội địa phương.

Từ những nghiên cứu nhu cầu thị trường lao động, thực tiễn đào tạo trong nước và năng lực đào tạo, Khoa Luật học kính đề nghị Nhà trường cho phép mở ngành đào tạo Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

2. Nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020 và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp, trong đó yêu cầu: “Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành,... hỗ trợ Nghệ An sớm trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao...là trung tâm giáo dục - đào tạo đại học vùng Bắc Trung Bộ”; Trong kế hoạch phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2030 khẳng định: “Xây dựng

Nghệ An thành trung tâm giáo dục - đào tạo đại học vùng Bắc Trung Bộ. Đầu tư phát triển Trường đại học Vinh trở thành Đại học Vinh đạt tiêu chuẩn quốc tế”. Nghệ An là một tỉnh lớn nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Trung Bộ của Việt Nam. Khu vực Bắc Trung Bộ là một trong 7 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm 6 tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế) với diện tích 5.150.069 ha (chiếm 15,5% diện tích cả nước), dân số hơn 10 triệu người (chiếm 13% dân số cả nước). Nhu cầu nhân lực của Nghệ An nói riêng và Vùng kinh tế lân cận nói chung là rất lớn. Thực tế cho thấy, nhu cầu lao động đối với lĩnh vực này là không nhỏ, nghiên cứu thị trường để đào tạo những ngành phù hợp với nhu cầu của xã hội có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong các ngành thuộc khoa học Xã hội và Nhân văn, chính trị - pháp lý thì ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính luôn giữ vị trí quan trọng trong thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Hiện nay, đào tạo ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính bậc đại học đã được triển khai ở nhiều cơ sở đào tạo Luật của Việt Nam. Cho nên việc mở mã ngành đào tạo Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ở Trường Đại học Vinh có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính có cơ hội việc làm rất rộng mở với các vị trí việc làm đa dạng như trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty, doanh nghiệp tư nhân ở tất cả các lĩnh vực. Có thể tóm các nhóm vị trí việc làm sau:

Nhóm 1: Làm việc tại Cơ quan Đảng, Tổ chức Chính trị-xã hội; cơ quan lập pháp, hành chính nhà nước từ trung ương tới địa phương, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật (Tư pháp) như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an (Thẩm phán, Kiểm sát viên, Công an...).

Nhóm 2: Hành nghề độc lập hoặc làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý như: Văn phòng luật sư, Công ty luật, Văn phòng công chứng, Thừa phát lại, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý và thanh lý tài sản, các trung tâm trọng tài thương mại...của Việt Nam và nước ngoài (Luật sư, công chứng viên, hòa giải viên thương mại, quản tài viên hành nghề quản lý, thanh lý tài sản...).

Nhóm 3: Làm việc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng với tư cách là các chuyên viên, nhân viên pháp chế, tư vấn pháp luật, quản trị nhân sự, thu hồi nợ...

Nhóm 4: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị như các Trường đại học, Cao đẳng, Trung học, Trung tâm nghiên cứu, Viện nghiên cứu...

Với một tỉnh lớn với qui mô và phát triển như hiện nay và trong tương lai đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày phát triển, các vấn đề xã hội, các sự kiện/ hiện tượng xã hội như thất nghiệp, nghèo, học đường, bạo lực học đường... với tỷ

lệ ngày một tăng, do đó nhu cầu phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội của doanh nghiệp, tổ chức ngày càng tăng cao, vì vậy, ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ngày càng có vai trò và ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở này, chúng tôi cho rằng, việc mở ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính theo hướng ứng dụng để giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội đang đặt ra là cần thiết.

Chính vì vậy, việc đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ở khoa Luật học, Trường Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Vinh có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn hiện nay nhằm góp phần thực hiện những chủ trương, chính sách của Bộ giáo dục và Đào tạo và giải quyết những vấn đề của thực tiễn xã hội địa phương.

Từ những nghiên cứu nhu cầu thị trường lao động, thực tiễn đào tạo trong nước và năng lực đào tạo, Khoa Luật học kính đề nghị Nhà trường cho phép mở ngành đào tạo Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

3. Sự phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường Đại học Vinh

Nghị quyết số 11/NQ-HĐ ngày 18/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh đã xác định sứ mạng, tầm nhìn của Trường, cụ thể là:

Sứ mạng: *“Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”.*

Tầm nhìn: *“Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu Châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045”.* Để hoàn thành được sứ mạng và tầm nhìn nêu trên, Nhà trường đã và đang tập trung mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo; luôn tìm các giải pháp đổi mới và hiện đại hoá nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy cũng như hệ thống cơ sở vật chất.

Mở các ngành đào tạo đại học làm tiền đề cho mã ngành sau đại học đáp ứng nhu cầu xã hội, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước là một trong những nhiệm vụ trọng yếu của cơ sở đào tạo đại học ở Việt Nam hiện nay. Do đó thực hiện đào tạo chương trình cử nhân ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ở Trường Đại học Vinh là một bước tiến tiếp trên con đường đa dạng hoá phát triển đào tạo đa ngành, nhiều cấp học theo nhu cầu xã hội và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Mặt khác, hội nhập là một xu thế tất yếu đối với các ngành, các lĩnh vực hoạt động trong đó có các trường đại học. Trường Đại học Vinh đã và đang tham gia vào xu thế này. Chính vì thế việc mở ngành đào tạo đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính là một yếu tố sẽ giúp nhà trường thúc đẩy quá trình mở rộng hợp tác đào tạo với các trường đại học, với các cơ sở đào tạo, các tổ chức, doanh nghiệp trong khu vực và trên thế giới.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính là phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển của Trường Đại học Vinh.

4. Sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, xu thế phát triển của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế

Trong yêu cầu về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam, để có một xã hội thượng tôn pháp luật, có hiệu biết và tự giác thực thi chuẩn mực pháp luật thì trước hết cần quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao, đào tạo được nhiều cán bộ có trình độ chuyên môn luật tham gia vào bộ máy nhà nước. Trong yêu cầu đào tạo đó, cần quan tâm đến chuyên môn sâu về tổ chức bộ máy nhà nước, cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, vấn đề bảo đảm thực thi pháp luật về quyền con người, quyền công dân phù hợp với xu hướng phát triển của quốc gia và quốc tế.

Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 xác định khu vực Bắc Trung Bộ cùng với duyên hải Miền Trung là 1 trong 6 vùng kinh tế - xã hội trọng điểm của đất nước. Trong đó xây dựng khu vực ven biển Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh trở thành trung tâm công nghiệp của vùng và cả nước. Để đạt được mục tiêu này, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bao gồm nhân lực pháp lý chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính là một trong những yêu cầu bức thiết.

Riêng đối với tỉnh Nghệ An, nhờ chú trọng xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao mà Nghệ An đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu trong thời gian tới của Nghệ An là tiếp tục xây dựng nguồn nhân lực đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng cao, cơ cấu hợp lý để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước làm cho kinh tế - xã hội của Nghệ An phát triển bền vững, tiến kịp các tỉnh khá trong cả nước, trở thành trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ.

Ngày 18/7/2023, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW về xây dựng, phát triển Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó ưu tiên triển khai đề án cơ cấu lại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn, lấy Đại học Vinh làm nòng cốt để xây dựng Trung tâm đào tạo tầm cỡ khu vực và cả nước. Tăng cường hợp tác về giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng các trường đạt chuẩn quốc tế.

Trường Đại học Vinh là một trong những trường đại học uy tín của cả nước, nơi cung cấp phần lớn nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Khu Vực Bắc Trung Bộ và đã có 16 năm đào tạo cử nhân Ngành Luật học và 10 năm đào tạo ngành Luật Kinh tế. Việc mở mã ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính nhằm đáp ứng nhu cầu của khu vực và cả nước. Điều này cũng nằm trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương đề ra.

III. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Nguồn lực cán bộ tham gia thực hiện Chương trình đào tạo

1.1. *Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần chương trình đào tạo đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính*

Hiện nay, tham gia giảng dạy ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ở Trường Đại học Vinh có số lượng giảng viên lớn thuộc biên chế tại Khoa Luật học, Luật Kinh tế và khoa ngành khác trong Trường.

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
1.	Đinh Ngọc Thắng	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2014	Lý luận và Lịch sử NNPL	1993	X	21	1	6	
2.	Đinh Văn Liêm	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	2009	x	15		5	
3.	Nguyễn Văn Đại	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	2009	X	15		5	
4.	Nguyễn Văn Dũng	Việt Nam		TS, Kazakhstan, 2002	Luật	2015	X	9		2	
5.	Phạm Thị Huyền Sang	Việt Nam	PGS, 2023	TS, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế	2009	X	15	1	5	
6.	Phạm Thị Thuý Liễu	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Luật Kinh tế	2009	X	15		5	
7.	Trần Thị Vân Trà	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế	2009	X	15		4	
8.	Phan Nữ Hiền Oanh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Luật Kinh tế	2010	X	14		2	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/ Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
9.	Nguyễn Thị Thanh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Luật Kinh tế	2007	X	17		5	
10.	Lê Hồng Hạnh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế	2010	X	14		2	
11.	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Luật Hình sự	2012	X	12		2	
12.	Hà Thị Thuý	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Luật Dân sự và tố tụng dân sự	2010	X	14		2	
13.	Hồ Thị Hải	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	2011	X	12		5	
14.	Nguyễn Thị Hà	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Hành chính và tố tụng HC	2010	X	14		4	
15.	Bùi Thị Phương Quỳnh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Luật Hình sự	2010	X	14		2	
16.	Ngô Thị Thu Hoài	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Hiến pháp và Luật HC	2010	X	14		4	
17.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	2008	X	16		3	
18.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2021	Luật Kinh tế	2011	X	12		2	
19.	Hồ Thị Nga	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Luật Hiến pháp và	2009	X	15		2	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/ Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
					Luật Hành chính						
20.	Đặng Thị Phương Linh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Luật Hình sự	2011	X	13		2	
21.	Nguyễn Thị Thùy Dung	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	2011	X	13		3	
22.	Bùi Hạnh Phúc	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2019	Lý luận, Lịch sử NN & PL	2017	X	7		1	
23.	Chu Thị Trinh	Việt Nam		ThS, LB Nga, 2016	Luật Kinh tế	2010	X	14		1	
24.	Nguyễn Mai Ly	Việt Nam		ThS, Úc, 2019	Luật Kinh tế	2014	X	10		1	
25.	Nguyễn Thị Hồng Nhật	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2018	Lý luận, Lịch sử NN & PL	2017	X	7		1	
26.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Luật Kinh tế	2015	X	9		1	
27.	Bùi Thuận Yên	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2016	Luật Dân sự	2011	X	13		1	
28.	Ngũ Thị Như Hoa	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Luật Dân sự	2010	X	14		1	
29.	Cao Thị Ngọc Yên	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Lý luận, Lịch sử NN & PL	2015	X	9		1	
30.	Hồ Trọng Hữu	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2016	Luật Hình sự	2015	X	9		1	
31.	Đoàn Minh	Việt		ThS, Việt	Lý luận,	2017	X	7		1	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/ Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
	Trang	Nam		Nam, 2018	Lịch sử NN & PL						
32.	Nguyễn Thị Mai Anh	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Luật Hành chính và Luật TTHC	2014	X	10		1	
33.	Nguyễn Thị Mai Trang	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Luật Hình sự	2010	X	14		1	
34.	Nguyễn Thị Ngọc Thành	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế	2023	X	1		0	
35.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2021	Lý luận, Lịch sử NN & PL	2023	x	1		0	
36.	Tăng Thị Thanh Sang	Việt Nam		TS, Trung Quốc, 2012	Lịch sử thế giới	2005	x	19		4	
37.	Trần Thị Kim Oanh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2010	Tin học	2005	x	19	1	4	
38.	Nguyễn Bùi Hậu	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Tin học	2012	x	12		3	
39.	Phan Lê Na	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2013	Tin học	2005	x	19		2	
40.	Trần Xuân Hào	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2006	Tin học	2004	x	20		2	
41.	Lê Quốc Anh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Tin học	2009	x	14		2	
42.	Phan Huy Chính	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2018	Chính trị học	2006	x	18		2	
43.	Nguyễn Văn Sang	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Chính trị học	2005	x	19		3	
44.	Nguyễn Thái Sơn	Việt Nam	PGS, Việt	TS, Việt Nam, 2009	Chính trị học	2004	x	20	1	3	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/ Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
			Nam , 2017								
45.	Lê Thị Nam An	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2015	Chính trị học	2006	x	18		3	
46.	Trần Viết Quang	Việt Nam	PGS, Việt Nam, 2012	TS, Việt Nam, 2007	Triết học	1980	x	44	1	3	
47.	Phạm Thị Bình	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2009	Triết học	1993	x	31		3	
48.	Trương Thị Phương Thảo	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Triết học	2002	x	22		3	
49.	Phan Văn Tuấn	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Triết học	2007	x	17		2	
50.	Phạm Thị Thúy Hồng	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2023	Chính trị học	2007	x	17		3	
51.	Nguyễn Thị Lê Vinh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2023	Chính trị học	2010	x	14		3	
52.	Lê Thị Thanh Hiếu	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2023	Triết học	2010	x	14		3	
53.	Nguyễn Thị Mỹ Hương	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Chính trị học	2000	x	24		2	
54.	Nguyễn Thị Diệp	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2007	Triết học	1995	x	29		2	
55.	Nguyễn Thị Hải Yến	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Chính trị học	2004	x	20		2	
56.	Hoàng Thị Nga	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Chính trị học	2010	x	14		1	
57.	Vũ Thị Phương Lê	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Chính trị học	2000	x	24		2	
58.	Lê Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Phương pháp GD	2002	x	22		2	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/ Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
					Tiếng Anh						
59.	Trần Thị Vân Anh	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	2008	x	16		2	
60.	Nguyễn Lê Hoài Thu	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2016	Tiếng Anh	2005	x	19		1	
61.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2013	Tiếng Anh	2010	x	14		1	
62.	Lưu Ngọc Bảo	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2012	Tiếng Anh	1999	x	23		1	
63.	Lê Thái Bình	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2013	Tiếng Anh	2007	x	17		1	
64.	Hoàng Thị Chung	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Tiếng Anh	2007	x	17		1	
65.	Nguyễn Thị Lương Giang	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	2010	x	14		1	
66.	Nguyễn Thị Lành	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	1999	x	25		1	
67.	Nguyễn Thị Liên	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	2005	x	19		1	
68.	Trần Giang Nam	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	2010	x	14		1	
69.	Phạm Xuân Sơn	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	1999	x	25		1	
70.	Dương Thị Linh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Tâm lý học	1999	x	25		2	
71.	Trần Thị Mỹ Linh	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2021	Tâm lý học	2022	x	2		1	
72.	Dương Thị Thanh Thanh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2010	Tâm lý học	1999	x	23		3	
73.	Trần Hằng Ly	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Tâm lý học	2012	x	12		2	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/ Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
74.	Nguyễn Văn Trung	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2009	Chính trị học	1999	x	25		3	
75.	Trần Thị Hạnh	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Chính trị học	2010	x	14		1	
76.	Dương Thị Mai Hoa	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Chính trị học	2010	x	14		1	
77.	Trần Cao Nguyên	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Chính trị học	2000	x	24		1	
78.	Phan Thị Thúy Hà	Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2016	Xã hội học	2002	x	22		1	
79.	Võ Thị Cẩm Ly	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2015	Xã hội học	2002	x	22		1	
80.	Ông Thị Mai Thương	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Xã hội học	2004	x	20		1	
81.	Hoàng Thị Hải Yến	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Lịch sử Việt Nam	2010	x	14		1	
82.	Lê Thế Cường	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2014	Lịch sử Việt Nam	2000	x	24		3	
83.	Nguyễn Văn Tuấn	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Lịch sử Việt Nam	2002	x	22		2	
84.	Tôn Nữ Hải Yến	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2015	Lịch sử Việt Nam	2008	x	16		3	
85.	Đặng Như Thường	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Lịch sử Việt Nam	2005	x	19		3	
86.	Nguyễn Mạnh Hồng	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Lịch sử Việt Nam	2010	x	14		3	
87.	Dương Thị Thanh Hải	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Văn học	1999	x	23		3	
88.	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2014	Văn học	2007	x	17	1	3	
89.	Hồ Thị Vân Anh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Văn học	2007	x	17		3	

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Thời gian tuyển dụng	Hợp đồng làm việc/ Hợp đồng lao động	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
									Bộ	Cơ sở	
90.	Hoàng Trọng Canh	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Văn học	2000	x	24		3	
91.	Trịnh Thị Mai	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Văn học	2002	x	22		2	
92.	Lê Thị Sao Chi	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Văn học	2005	x	19		2	
93.	Nguyễn Thị Khánh Chi	Việt Nam		TS, Việt Nam, 2014	Văn học	2009	x	15		2	

1.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính trình độ đại học

TT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Học hàm, Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo ĐH	Thành tích NCKH
1	Đinh Ngọc Thắng	Hiệu trưởng Trường KHXH& NV	TS, Việt Nam, 2014	Lý luận và Lịch sử NNPL	30 năm	- 01 Đề tài cấp Bộ - 05 Đề tài cấp cơ sở - 05 Giáo trình - 02 Sách chuyên khảo - 25 bài báo
2	Đinh Văn Liêm	Trưởng khoa Luật học	TS, Việt Nam, 2017	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	15 năm	- 03 Đề tài cấp cơ sở - 02 Giáo trình - 20 bài báo
3	Nguyễn Văn Đại	Phó Trưởng khoa Luật học	TS, Việt Nam, 2017	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	15 năm	- 03 đề tài cấp cơ sở - 03 Giáo trình - 5 sách chuyên khảo - 20 bài báo

TT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Học hàm, Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo ĐH	Thành tích NCKH
4	Nguyễn Văn Dũng	Phó Trưởng khoa Luật học	TS, LB Nga, 2002	Luật	10 năm	- 01 đề tài cấp cơ sở - 02 Giáo trình - 03 sách chuyên khảo - 18 bài báo
5	Nguyễn Thị Hà	GVC	TS, Việt Nam 2018	Luật Hành chính và TTHC	15 năm	- 01 đề tài cấp cơ sở - 01 Giáo trình - 03 sách chuyên khảo - 18 bài báo
6	Hồ Thị Nga	GVC	TS, Việt Nam, 2018	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	15 năm	- 01 đề tài cấp cơ sở - 01 Giáo trình - 15 bài báo
7	Nguyễn Thị Bích Ngọc	GVC	TS, Việt Nam, 2018	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	15 năm	- 01 đề tài cấp cơ sở - 01 Giáo trình - 15 bài báo
8	Ngô Thị Thu Hoài	GVC	TS, Việt Nam, 2019	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	15 năm	- 01 đề tài cấp cơ sở - 01 Giáo trình - 15 bài báo
9	Nguyễn Thị Thùy Dung	GV	TS, Việt Nam, 2022	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	13 năm	- 01 đề tài cấp cơ sở - 01 Giáo trình - 07 bài báo
10	Nguyễn Thị Mai Anh	Trợ lý đào tạo	ThS, Việt Nam, 2015	Luật Hành chính và TTHC	10 năm	- 03 sách chuyên khảo - 10 bài báo
11	Cao Thị Ngọc Yến	GV	ThS, Việt Nam, 2015	Lý luận và Lịch sử NNPL	13 năm	- 02 sách chuyên khảo - 10 bài báo

TT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Học hàm, Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo ĐH	Thành tích NCKH
12	Bùi Thị Phương Quỳnh	GV	TS, Việt Nam, 2020	Luật Hình sự	15 năm	- 02 sách chuyên khảo - 15 bài báo
13	Đặng Thị Phương Linh	GV	TS, Việt Nam, 2022	Luật Hình sự	13 năm	- 02 sách chuyên khảo - 13 bài báo
14	Nguyễn Thị Thanh Trâm	GV	TS, Việt Nam, 2022	Luật Hình sự	10 năm	- 03 sách chuyên khảo - 12 bài báo
15	Nguyễn Mai Trang	GV	ThS, Việt Nam, 2016	Luật Hình sự	7 năm	- 01 đề tài cấp cơ sở - 10 bài báo
16	Hồ Trọng Hữu	GV	ThS, Việt Nam, 2020	Luật Hình sự	08 năm	- 02 sách chuyên khảo - 10 bài báo
17	Bùi Hạnh Phúc	GV, Trợ lý đào tạo	ThS, Việt Nam, 2017	Lý luận và Lịch sử NNPL	07 năm	- 02 sách chuyên khảo - 05 bài báo
18	Nguyễn Thị Hồng Nhung	GV	ThS, Việt Nam, 2022	Lý luận và Lịch sử NNPL	01 năm	- 03 bài báo
19	Đoàn Minh Trang	GV	ThS, Việt Nam, 2020	Lý luận và Lịch sử NNPL	08 năm	- 02 sách chuyên khảo - 10 bài báo

1.3. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính

TT	Nhóm kiến thức	GV phụ trách	Học phần	Số tín chỉ
1-7	Đại cương	Khoa Giáo dục Chính trị	Các môn Mác Lê Nin	11
		Khoa Ngoại ngữ	Tiếng anh	7
8	Cơ sở ngành	TS. Nguyễn Thị Thanh Trâm	Nhập môn ngành Chính trị - Luật	3
		TS. Trương Phương Thảo		
9		TS. Nguyễn Thị Hà	Luật Hiến pháp nước ngoài	4
		TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc		
10		TS. Nguyễn Văn Đại	Lý luận về nhà nước pháp luật	5
		TS. Ngô Thị Thu Hoài		
11		TS. Đinh Văn Liêm	Luật Hiến pháp	4
		TS. Hồ Thị Nga		
12		TS. Nguyễn Văn Đại	Lý luận và pháp luật về quyền con người	3
		TS. Hồ Thị Nga		
13		TS. Nguyễn Thị Hà	Luật Hành chính	4
		TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc		
14		TS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Đăng ký và quản lý hộ tịch	3
		ThS. Nguyễn Thị Mai Anh		
15		TS. Nguyễn Văn Dũng	Luật Hình sự	4
		ThS. Hồ Trọng Hữu		
16		TS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Xây dựng văn bản pháp luật	3
		TS. Nguyễn Thị Mai Anh		
17		TS. Nguyễn Thị Thanh	Luật Dân sự	4
		TS. Hà Thị Thúy		
18		TS. Đinh Ngọc Thắng	Lý luận về nhà nước pháp quyền	3
		TS. Nguyễn Văn Đại		
19		TS. Nguyễn Thị Thanh Trâm	CLE (đồ án)	3
		ThS. Bùi Hạnh Phúc		
20		TS. Trần Thị Vân Trà	Công pháp quốc tế	3
		ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thành		
21		Khoa Luật học	Tự chọn 1	3
22		Khoa Luật học	Tự chọn 2	3
23		Khoa Luật học	Tự chọn 3	3
24	Chuyên	TS. Ngô Thị Thu Hoài	Pháp luật về Luật sư, công	3

TT	Nhóm kiến thức	GV phụ trách	Học phần	Số tín chỉ
	ngành	ThS. Nguyễn Thị Mai Anh	chứng và chứng thực	
25		TS. Phạm Thị Huyền Sang	Luật Thương mại	4
		TS. Phan Nữ Hiền Oanh		
26		TS. Hồ Thị Hải	Luật Lao động	3
		ThS. Chu Thị Trinh		
27		TS. Lê Hồng Hạnh	Luật đất đai	3
		ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo		
28		ThS. Bùi Thuận Yến	Luật tố tụng dân sự	3
		ThS. Ngũ Thị Như Hoa		
29		TS. Nguyễn Thị Hà	Luật Tố tụng hành chính	3
		ThS. Nguyễn Thị Mai Anh		
30		TS. Đặng Thị Phương Linh	Luật Tố tụng hình sự	3
		ThS. Hồ Trọng Hữu		
31		TS. Hồ Thị Hải	Luật Tài chính	3
		ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhật		
32		ThS. Nguyễn Thị Mai Anh	Pháp luật về thanh tra, khiếu tố	3
		TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc		
33		TS. Hồ Thị Nga	Chính quyền địa phương	3
		TS. Ngô Thị Thu Hoài		
34		TS. Đinh Ngọc Thắng	Thẩm tra, xử lý văn bản pháp luật	3
		TS. Nguyễn Văn Đại		
35		Khoa Luật học	Lý luận và pháp luật về quyền con người	3
36		Khoa Luật học	Tự chọn 4	3
37		Khoa Luật học	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8
Tổng số tín chỉ				126

Giảng viên	Tự chọn 1	Tín chỉ
TS. Tăng Thị Thanh Sang	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3
TS. Hồ Thị Nga		
Khoa Lịch sử	Lịch sử văn minh thế giới	3
Khoa Lịch sử	Tiến trình lịch sử Việt Nam	
	Tự chọn 2	3
ThS. Bùi Minh Thuận	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3

Giảng viên	Tự chọn 1	Tín chỉ
TS. Trần Văn Hào	Kinh tế vĩ mô	3
TS. Võ Thị Cẩm Ly	Tâm lý học đại cương	3
	Tự chọn 3	3
TS. Đinh Ngọc Thắng	Phân cấp quản lý hành chính nhà nước	3
TS. Nguyễn Văn Đại		
TS. Nguyễn Thị Hà	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	3
TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc		
TS. Nguyễn Thị Thanh trâm	Giáo dục thực hành pháp luật (CLE)	3
ThS. Bùi Hạnh Phúc		
	Tự chọn 4	3
TS. Hồ Thị Nga	Dân chủ và bầu cử	2
TS. Đoàn Minh Trang		
TS. Nguyễn Thị Hà	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính Dân chủ và bầu cử	2
ThS. Nguyễn Thị Mai Anh		
TS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2

Đối chiếu với các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022, đội ngũ giảng viên Trường Kinh tế đủ điều kiện (cả về số lượng và chất lượng) để đăng ký mở thêm 01 mã ngành đào tạo trình độ Đại học, ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình

2.1. Thiết bị phục vụ đào tạo

Trường Đại học Vinh có hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành. Hệ thống phòng học, giảng đường đạt tiêu chuẩn đã và đang được xây dựng; hệ thống phòng thí nghiệm, thư viện đang được hoàn chỉnh, hiện đại hoá; cơ sở hạ tầng được cải tạo, nâng cấp... Trường Đại học Vinh có cơ sở chính (cơ sở 1) tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với diện tích 13,5 ha và 4 cơ sở khác trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Cơ sở 2 ở xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, hiện tại là nơi đào tạo của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh với diện tích 19,2 ha. Cơ sở 3 ở xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, hiện tại là Trung tâm thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn lợ diện tích gần 9,3 ha. Cơ sở 4 là ở khối 4 thị trấn Hưng Nguyên,

huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, hiện tại là Trung tâm thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt với diện tích gần 1,4 ha. Cơ sở 5 ở khối 22, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, hiện tại là Ký túc xá sinh viên và một cơ sở của Trường Thực hành sư phạm diện tích gần 0,7 ha.

Tại các cơ sở mới đang xây dựng, hệ thống kỹ thuật hạ tầng được triển khai theo thiết kế chuẩn của cơ sở đào tạo đại học hiện đại. Với hệ thống kỹ thuật hạ tầng đồng bộ, hiện đại như trên, Trường Đại học Vinh đã đáp ứng tốt các nhu cầu đi lại, điện, nước... cho tất cả các hoạt động.

- Phòng học, giảng đường, nhà cửa:

Trường Đại học Vinh có hệ thống các nhà với diện tích sàn là 74.108 m², diện tích xây dựng là 27.398 m², diện tích sử dụng là 66.700 m², tổng nguyên giá là 110.960 triệu đồng. Hệ thống nhà cửa được phân bố theo mục đích sử dụng (hoạt động sự nghiệp, phòng học).

Hệ thống phòng làm việc cho khối hành chính được xây dựng đầy đủ, đúng tiêu chuẩn, trang bị thiết bị và phương tiện làm việc đúng theo yêu cầu quy định. Theo cơ cấu tổ chức hiện nay Trường Đại học Vinh có 43 đơn vị hành chính (phòng, ban, văn phòng khoa, trung tâm, viện...). Trường bố trí làm việc tại 74 phòng làm việc với tổng diện tích 2.991 m²; 4 phòng họp, phòng hội thảo quốc tế với tổng diện tích 515 m².

Trường Đại học Vinh có trên 300 lớp đại học học tại trường. Nhà trường đã có hệ thống phòng học trên 200 phòng (156 phòng học nhà cao tầng, 46 phòng học cấp 4 đã được nâng cấp) với tổng diện tích 15.723 m² sử dụng. Bình quân 1 ca học bố trí được 13.000 chỗ ngồi với diện tích sử dụng bình quân là 2 m²/1 ca (chưa kể diện tích học tập tại phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá...).

Với sự đầu tư bằng kinh phí Nhà nước và vốn tự có của Nhà trường, các phòng học được trang bị đủ tiêu chuẩn chiếu sáng, bàn ghế, bảng chống lóa đúng tiêu chuẩn và cùng nhiều trang thiết bị điện tử khác. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy, học và đào tạo theo tín chỉ, đến nay, Trường đã có khả năng đáp ứng nhu cầu giảng dạy bằng bài giảng điện tử trên quy mô lớn (ngoài 44 phòng có hỗ trợ bằng thiết bị nghe nhìn, các khoa còn có 5 - 7 bộ thiết bị di động phục vụ khi có nhu cầu).

Ký túc xá sinh viên của Trường có 3 nhà 5 tầng với tổng 168 phòng ở với tổng diện tích 5.040 m² sử dụng có khả năng đáp ứng khoảng 1104 chỗ ở với diện tích bình quân 3,2 m² SD/1 chỗ ở.

Toàn bộ nhà ký túc xá sinh viên là nhà vĩnh cửu, khép kín, đảm bảo điện, nước; riêng các phòng dành cho chuyên gia, lưu học sinh đều có lắp máy điều hoà nhiệt độ, tắm nóng lạnh, tivi và các trang bị nội thất tốt, phù hợp. Khuôn viên khu ký túc xá đẹp, rộng rãi, có hệ thống căng tin, nhà ăn tập thể, gần sát sân vận động... Một số phòng được bố trí làm câu lạc bộ cho sinh viên. Hiện tại, Trường đang sử dụng định mức nơi ở như sau: sinh viên Việt Nam: 8 SV/1 phòng, lưu học sinh nước ngoài: 4 SV/1 phòng, học viên sau đại học nước ngoài: 2 HV/1 phòng.

Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao - y tế, gồm có: 1 nhà tập đa chức năng đúng tiêu chuẩn, 4 sân bóng chuyền, 1 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn, một nơi sinh hoạt cho câu lạc bộ tennis, và nhiều vị trí đặt bàn bóng bàn phục vụ cho cán bộ, sinh viên với tổng diện tích 13.496m²; trạm Y tế với 8 phòng khám, điều trị với tổng diện tích 240 m²; sân khấu trong nhà với 450 chỗ ngồi, 1 sân khấu ngoài trời có khả năng bố trí 3000 chỗ ngồi.

- Phòng thí nghiệm, thực hành:

Hiện tại trường có Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm quản lý 93 phòng thí nghiệm, thực hành, trại và vườn thực nghiệm với tổng diện tích 137.248 m².

Từ năm 2002 đến nay, nhờ các nguồn đầu tư (Dự án Giáo dục đại học, Chương trình mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất các trường học, Chương trình mục tiêu đưa tin học vào nhà trường; Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ,...) nên cơ sở thực hành thí nghiệm của Trường Đại học Vinh được đầu tư về cả chiều rộng và chiều sâu và bước đầu đã phát huy tác dụng góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo. So với yêu cầu đào tạo của các ngành mới mở (Nông - Lâm - Ngư, Xây dựng dân dụng công nghiệp, Điện tử viễn thông, Hoá công nghệ thực phẩm, Công nghệ thông tin...), hệ thống phòng thí nghiệm thực hành và trang thiết bị cần phải được tăng cường thêm theo chuẩn mực giáo dục đại học; hệ thống trại thực hành mới bước đầu triển khai xây dựng và đã từng bước đưa vào sử dụng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu theo quy hoạch.

Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm là cơ sở cần thiết phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học cho các khoa thực nghiệm trong Trường. Các thiết bị được tài trợ thông qua các dự án vừa qua đều xuất phát từ yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của các tổ bộ môn nên đã được khai thác sử dụng tối đa để phục vụ cho các bài thí nghiệm đào tạo đại học. Hầu hết các máy

so màu, quang phổ, thiết bị phân tích môi trường, hệ thống chưng cất, sắc ký... thường xuyên phục vụ đào tạo cao học, một số học viên sau đại học và sinh viên các hệ làm luận văn tốt nghiệp. Ngoài ra các thiết bị hỗ trợ cho giảng dạy như đèn chiếu, máy chiếu đa chức năng, máy chiếu vật thể, kính lúp gắn camera được sử dụng thường xuyên trong các bài thực hành, xemina, báo cáo khoa học, bảo vệ luận văn... Các trang thiết bị đã được đưa vào sử dụng và phát huy có hiệu quả.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng về khả năng thực hành của sinh viên sau khi ra trường, nâng cao các kỹ năng cần thiết, tạo lợi thế cho sinh viên. Trường Đại học Vinh tổ chức xây dựng và chuyển giao mô hình đào tạo thực hành trong lĩnh vực kinh tế, gồm: Ngân hàng mô phỏng, công ty mô phỏng và chứng khoán ảo. Mô hình thực hành mô phỏng được bố trí tại tầng 7, tòa nhà Điều hành trường Đại học Vinh.

Mô hình cho phép học viên, sinh viên được trải nghiệm các giao dịch, tình huống và thực hành chuyên môn, nghiệp vụ với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại gồm: Khu vực lễ tân, Quầy làm việc cho giao dịch viên, các phòng: Kinh doanh, Kế toán, Hành chính - Nhân sự, Dịch vụ khách hàng, Thanh toán quốc tế, Chứng khoán. Tham gia thực hành, sinh viên sẽ được tác nghiệp trên Hệ thống ngân hàng lõi Core-Banking, Phần mềm thực hành chứng khoán Core - Securities, Phần mềm quản lý doanh nghiệp ERP và thực hiện trên hồ sơ thực tế. Đồng thời, được hướng dẫn tác nghiệp bởi các giảng viên giỏi, giàu kinh nghiệm là những chuyên gia, lãnh đạo hiện đang đang làm việc tại các ngân hàng, doanh nghiệp và các công ty tài chính lớn.

Các chức danh được đào tạo bao gồm: Giao dịch viên ngân hàng, Chuyên viên khách hàng cá nhân, Chuyên viên khách hàng doanh nghiệp, Chuyên viên thanh toán quốc tế, Chuyên viên chứng khoán, Kế toán tổng hợp, Chuyên viên marketing, Chuyên viên hành chính quản trị, Chuyên viên tuyển dụng, Chuyên viên quản lý nhân sự, Chuyên viên kinh doanh. Chương trình đào tạo tại Mô hình thực hành chính là sự bổ sung các kỹ năng, nghiệp vụ cần thiết bên cạnh khối lượng kiến thức chính quy được học trong chương trình đại học, đảm bảo sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận ngay công việc trong các ngân hàng, công ty, doanh nghiệp với chức danh đào tạo tương ứng.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Trường Kinh tế nói chung, khoa Kinh nói riêng được Trường Đại học Vinh trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ,

hiện đại đảm bảo đủ điều kiện đào tạo và nghiên cứu khoa học; chi tiết Phụ lục 7.2, đính kèm;

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Tại khu vực Bến Thủy - Trường Thi, đã có cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh gồm:

- + Hệ thống đường nội bộ với chiều rộng mặt đường khác nhau có tổng độ dài 2,9 km.

- + 2 trạm biến áp công suất mỗi trạm 640 KVA với cấp điện áp cao thế theo chuẩn mới 22KV. Toàn bộ hệ thống đường tải điện là cáp ngầm với tổng độ dài 3000m. Hệ thống chiếu sáng công cộng với 30 đèn cao áp thủy ngân.

- + 6 bể chứa nước lớn (chưa tính hệ thống bể trên mái nhà cao tầng) với tổng dung tích 900 m³, 1480m đường ống cấp nước và 3700m đường ống thoát nước ngầm, 2 trạm khai thác và lọc nước công suất 10 m³/1 giờ, 3 trạm bơm nước ngoài trời và 5 trạm bơm cục bộ đảm bảo đáp ứng đầy đủ các các nhu cầu nước cho sinh hoạt, đào tạo và phòng cháy chữa cháy và thoát nước tốt trong mùa mưa lũ.

- + Hệ thống khuôn viên cây xanh, cây cảnh hoàn thiện, toàn trường có trên 1000 cây lưu niên đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

2.2. Thư viện

Về học liệu:

- Tổng diện tích thư viện: khuôn viên trên 4.000 m², nằm trên mặt tiền quốc lộ 1A. Tòa nhà thư viện gồm 7 tầng, tổng diện tích sử dụng trên 9.000 m², sức chứa trên 1.500 độc giả.

- Số chỗ ngồi: 1.500 chỗ ngồi

- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: Hiện nay, các phòng Internet, phòng tra cứu tài liệu phục vụ bạn đọc miễn phí tra cứu OPAC, tìm tin, khai thác tài nguyên số của thư viện, sử dụng phần mềm học tiếng anh LANGMASTER. Có 261 máy vi tính nối mạng phục vụ tra cứu cho học sinh, sinh viên, học viên.

Bảng 1. Danh mục các phòng thư viện

TT	Tên chủng loại	Số lượng	Diện tích sử dụng	Ghi chú
1	Kho báo, tạp chí + Kho LA + Kho CN + Kho KT	01	67 m ²	Tầng 6
2	Kho sách KHTN - KT	01	67 m ²	Tầng 5

3	Kho sách ngoại văn	01	60 m ²	Tầng 5
4	Kho sách KHXH - NV	01	67 m ²	Tầng 4
5	Kho sách tổng hợp 3	01	67 m ²	Tầng 3
6	Kho sách tổng hợp 2	01	67 m ²	Tầng 2
7	Kho sách Giáo trình	01	67 m ²	Tầng 1
8	Kho sách cơ sở II	01	100 m ²	Cơ sở II
9	Phòng đọc cán bộ	04	60 m ²	Tầng 4
10	Phòng đọc học sinh - sinh viên	07	1122 m ²	Tầng 2 đến tầng 6 + cơ sở II
11	Phòng máy tính (261 máy)	05	508 m ²	Tầng 1 đến tầng 4 + cơ sở II
12	Phòng làm việc + phòng họp	05	300 m ²	Tầng 1 đến tầng 4
13	Hội trường	01	187 m ²	Tầng 7
14	Phòng học	10	580 m ²	Tầng 4 đến tầng 7

- Số chỗ ngồi: 1.500 chỗ ngồi

- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: Hiện nay, các phòng Internet, phòng tra cứu tài liệu phục vụ bạn đọc miễn phí tra cứu OPAC, tìm tin, khai thác tài nguyên số của thư viện, sử dụng phần mềm học tiếng anh LANGMASTER. Có 261 máy vi tính nối mạng phục vụ tra cứu cho học sinh, sinh viên, học viên.

- Phần mềm quản lý thư viện: ILIB 4.0, nhà cung cấp: CMC.

- Thư viện điện tử: triển khai tra cứu tài liệu của Thư viện trên mạng Internet qua hệ thống tra cứu trực tuyến OPAC (hàng ngày có từ 500 đến 1800 người online trên trang Web. thư viện Đại học Vinh và đến sử dụng các phòng máy thư viện).

- Số lượng sách, giáo trình điện tử tham khảo liên quan đến ngành đào tạo Thương mại điện tử

Bảng 2. Danh mục sách, giáo trình, tạp chí tham khảo liên quan đến ngành đào tạo Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản
C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 20; tập 42	C.Mác và Ph.Ăngghen	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000	20
Lênin toàn tập,	Lênin	Nxb Tiến bộ	20

Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản
tập 23; tập 25; tập 26; tập 29; tập 32; tập 41		Matxcova, 1980	
Life- Intermediate, Student book (2 nd Edition)	Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett	National Geographic, P.(2019).	
Life- Intermediate, Workbook (2 nd Edition)	Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett	National Geographic, P (2019).	
Giáo trình “Nhập môn Luật học”	TS. Viên Thế Giang – TS Bùi Hữu Toàn (Đồng chủ biên)	NXB Chính trị quốc gia sự thật	
Phương pháp phân tích luật viết	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện	NXB Chính trị quốc gia sự thật 2022	
Kỹ năng viết cho người hành nghề Luật	TS. Trần Thị Quang Hồng	NXB Hồng Đức, 2021	
Giáo trình Lí luận chung về nhà nước và pháp luật	TS. Đinh Ngọc Thắng (chủ biên)	NXB Đại học Vinh, 2019	
Giáo trình Lí luận chung về nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân, 2020	
Giáo trình “Luật Hiến pháp Việt Nam”	TS. Đinh Văn Liêm (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, 2021	
Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã ở Việt Nam hiện nay.	TS. Nguyễn Văn Đại (chủ biên),	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2021	
Giáo trình “ Luật Hành chính”	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2022	
Hướng dẫn giải quyết tình huống học phần Luật Hành chính	Bùi Thị Thuận Ánh (chủ biên)	NXB Đại học Huế, Huế 2019	
Giáo trình Luật tố tụng hình sự	TS. Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên	NXB Đại học Vinh, Nghệ An 2023	
Giáo trình “Kỹ thuật xây	Nguyễn Thị Bích	NXB Đại học Vinh,	

Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản
dựng văn bản hành chính thông dụng”	Ngọc (Chủ biên)	Nghệ An, 2019	
Giáo trình “Luật La mã”	TS. Nguyễn Ngọc Điện (Chủ biên)	NXB Chính trị quốc gia 2019	
Luật La mã	Witold Wolodkiewicz, Maria Zablocka (Lê Nết dịch)	NXB Đại học quốc gia TPHCM, 1999	
Giáo trình “ Luật Dân sự”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2014	
Giáo trình “Luật Dân sự”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2014	
Giáo trình Kỹ năng nghiên cứu và lập luận	Trường ĐH Luật TP Hồ Chí Minh	NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam	
Kỹ năng tư duy phản biện	PGS.TS. Lê Thanh Sơn (chủ biên)	NXB Đại học Huế, Huế 2018	
Giáo trình “Công pháp quốc tế”	Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh, TP	NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam	
Giáo trình “ Luật Hôn nhân và gia đình”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014	
Giáo trình Luật Kinh tế,	TS. Phạm Thị Huyền Sang (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2023	
Giáo trình Luật thương mại Việt Nam (tập 1,2)	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Tư pháp, Hà Nội 2020	
Giáo trình “Luật lao động Việt Nam”	PGS.TS. Lê Thị Hoài Thu (chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2022	
Giáo trình “Luật Đất đai”	PGS.TS. Doãn Hồng Nhưng	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2020	
Giáo trình “Luật tố tụng dân sự Việt Nam”	Trường ĐH Luật Hà Nội, Nguyễn Công Bình (Chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2019	
Giáo trình “Luật Dân sự”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2014	
Giáo trình “Luật tố tụng dân sự Việt Nam”	Trường ĐH Luật Hà Nội, Nguyễn Công	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2019	

Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản
	Bình (Chủ biên)		
Giáo trình “ Luật thi hành án dân sự Việt Nam”	TS. Nguyễn Công Bình, PGS.TS. Bùi Thị Huyền (Đồng chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2022	
Bình luận Luật thi hành án dân sự	Hoàng Thị Thanh Hoa, Hồ Quân Chính, Nguyễn Văn Nghĩa	NXB tư pháp, Hà Nội 2019	
Giáo trình “ Luật Sở hữu trí tuệ”	PGS.TS. Vũ Thị Hải Yến (Chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2021	
Quyền sở hữu trí tuệ - Bảo vệ và chuyển giao	PGS.TS. Phùng Trung Tập (Chủ biên)	NXB Công an nhân dân , Hà Nội, 2021	
Giáo trình “Luật Dân sự”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2014	
Giáo trình “ Luật Hôn nhân và gia đình”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014	
Giáo trình “Luật Dân sự”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2014	
Giáo trình “Luật Dân sự”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2014	
Giáo trình “Pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ”	Lê Vũ Nam (Chủ biên)	NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh	
Sách luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam - bản án và bình luận bản án	PGS.TS Đỗ Văn Đại	NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, TP Hồ Chí Minh 2018	
Giáo trình “Luật Dân sự”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2014	
Giáo trình “ Luật Hôn nhân và gia đình”	TS. Phạm Thị Thuý Liễu (Chủ biên)	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014	
Giáo trình “Luật Quốc tế”	Trường Đại học Luật Hà Nội, TS. Lê Mai Anh (chủ biên)	NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2018	
Giáo trình “ Luật Thương	Trường ĐH Luật Hà	NXB Công an nhân	

Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản
mai quốc tế”	Nội, Nông Quốc Bình (chủ biên)	dân, Hà Nội 2021	
Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản
C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 20; tập 42	C.Mác và Ph.Ăngghen	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000	20
Lênin toàn tập, tập 23; tập 25; tập 26; tập 29; tập 32; tập 41	Lênin	Nxb Tiến bộ Matxcova, 1980	20
Life- Intermediate, Student book (2 nd Edition)	Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett	National Geographic, P.(2019).	
Life- Intermediate, Workbook (2 nd Edition)	Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett	National Geographic, P (2019).	
Giáo trình “Nhập môn Luật học”	TS. Viên Thế Giang – TS Bùi Hữu Toàn (Đồng chủ biên)	NXB Chính trị quốc gia sự thật	
Phương pháp phân tích luật viết	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện	NXB Chính trị quốc gia sự thật 2022	
Kỹ năng viết cho người hành nghề Luật	TS. Trần Thị Quang Hồng	NXB Hồng Đức, 2021	
Giáo trình Lí luận chung về nhà nước và pháp luật	TS. Đinh Ngọc Thắng (chủ biên)	NXB Đại học Vinh, 2019	

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Song song với công tác đào tạo, trường quan tâm hoạt động nghiên cứu khoa học, với nhiều đề tài cấp bộ, cấp tỉnh và đề tài cấp trường. Trường đã hình thành các nhóm nghiên cứu trong khoa và liên khoa hỗ trợ nhau trong công tác NCKH và nâng cao trình độ chuyên môn. Mỗi một khoa đều có các nhóm nghiên cứu và giữa các khoa có liên nhóm, cùng tham gia viết và đăng bài báo khoa học nhất là tạp chí quốc tế uy tín và tham gia hội thảo quốc tế, tham gia làm đề tài các cấp. Cho đến nay, Trường đã

có nhiều công bố khoa học trong và ngoài nước, có nhiều công trình NCKH của sinh viên đạt giải thưởng các cấp, tổ chức nhiều Hội thảo và Tọa đàm khoa học, chương trình hợp tác trong NCKH để phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của các ngành, tạo môi trường chuyên môn có chất lượng cho cán bộ giảng viên và sinh viên.
(Chi tiết xem Phụ lục)

4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Khoa Luật học - Trường Đại học Vinh có quan hệ hợp tác tốt trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức và tham gia các hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Khoa thường xuyên mời các nhà khoa học trong lĩnh vực pháp lý làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức hành nghề luật tham gia hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

IV. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo:

1.	Tên ngành đào tạo:	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính (<i>Constitutional Law and Administrative Law</i>)
2.	Mã số ngành đào tạo:	7380102
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4.0 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Luật
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ:	Khoa Luật học, Trường Khoa học Xã hội và nhân văn thuộc Trường Đại học Vinh
7.	Hình thức đào tạo:	Chính quy – Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	4
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Phiên bản:	Phiên bản 1.0

1.2. Đặc điểm nổi bật của Chương trình đào tạo tại Trường Đại học Vinh

Bên cạnh những đặc điểm chung về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính như ở các cơ sở đào tạo luật trong cả nước thì chương trình đào tạo ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính tại Trường Đại học Vinh còn những đặc trưng nổi bật sau:

- Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. CDR

của CTĐT ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính được xác định rõ ràng, đã bao quát được cả các yêu cầu chung và các yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình; phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

- Bản mô tả CTĐT ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện và cải tiến chất lượng CTĐT, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất về phát triển CTĐT hiện nay của Việt Nam, bám sát Bộ CĐR CTĐT khối ngành Luật đã được xây dựng ban hành và thực hiện trong thời gian tới. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các học phần trong CTĐT sẽ được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Chương trình dạy học của ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính khi đi vào triển khai sẽ được thiết kế dựa trên yêu cầu của CĐR, có khảo sát ý kiến từ các bên liên quan và có sự đối sánh với các CTĐT ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính trong nước.

- Khoa Luật học sẽ thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi phương pháp dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết sinh viên và rèn các kỹ năng, khả năng tư duy và sự tự tin của sinh viên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính.

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của CĐR. Nhà trường đã ban hành các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

- Đội ngũ giảng viên của ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính có trình độ cao, có hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo sinh viên. Khoa đã có nhiều các bài báo công bố quốc tế có liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

- Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa Luật học, Trường Đại học Vinh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng đúng quy định của Nhà trường một cách công khai, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Chính sách tuyển sinh của ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính trong những năm tới sẽ đảm bảo yêu cầu rõ ràng, được công khai và cập nhật hàng năm. Các hoạt động tư vấn học tập được Khoa Luật học triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của sinh viên.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập được đảm bảo bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị, thư

viện và các nguồn học liệu, phòng thực hành và các trang thiết bị thực hành, hệ thống công nghệ thông tin.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nhân lực ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và kiến thức chuyên sâu về pháp luật Hiến pháp và Luật Hành chính; có kỹ năng hành nghề Luật trong các môi trường làm việc khác nhau; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai, đánh giá hoạt động pháp lý trong bối cảnh toàn cầu hóa và thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- (1) Có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành làm nền tảng cho hoạt động pháp lý và kiến thức chuyên sâu về pháp luật Hiến pháp và Luật Hành chính;
- (2) Thể hiện được phẩm chất, mức độ tự chủ và đạo đức trách nhiệm của người hành nghề luật;
- (3) Có kỹ năng nghề nghiệp làm việc trong các môi trường làm việc khác nhau;
- (4) Có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động pháp lý trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)	TĐNL
1	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	
1.1	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng cho hoạt động pháp lý	
1.1.1	Vận dụng kiến thức kinh tế, chính trị, khoa học xã hội và nhân văn làm nền tảng cho hoạt động pháp lý	3.0
1.1.2	Vận dụng kiến thức ngoại ngữ, tin học phục vụ cho hoạt động pháp lý	3.0
1.2	Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong hoạt động pháp lý	
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành về Luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào hoạt động pháp lý	3.5
1.2.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về hiến pháp, hành chính, tổ tụng hành chính, tổ chức chính quyền nhà nước trong hoạt động pháp lý	3.5
2	Phẩm chất, năng lực tự chủ và trách nhiệm	
2.1	Thể hiện phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp	
2.1.1	Thể hiện sự trung thành với Tổ quốc, thượng tôn pháp luật, chấp hành các chính sách của Nhà nước, trung thực, thẳng thắn, cầu thị, ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người	3.5
2.1.2	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật và trách nhiệm nghề nghiệp trong	3.5

	việc thúc đẩy công lý và cộng đồng	
2.2	<i>Thể hiện được năng lực tự chủ và trách nhiệm nghiên cứu pháp lý</i>	
2.2.1	<i>Thực hiện được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học</i>	3.5
2.2.2	<i>Thực hiện được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý</i>	3.5
3	<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>	
3.1	<i>Thực hiện kỹ năng giao tiếp và kỹ năng phản biện trong hoạt động pháp lý</i>	
3.1.1	<i>Thực hiện kỹ năng giao tiếp và tương tác trong hoạt động pháp lý</i>	3.5
3.1.2	<i>Thực hiện kỹ năng phản biện và phê phán trong hoạt động pháp lý</i>	3.5
3.2	<i>Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm</i>	
3.2.1	<i>Thành lập, tổ chức và triển khai hoạt động nhóm</i>	3.5
3.2.2	<i>Lãnh đạo và hợp tác trong hoạt động nhóm</i>	3.5
4	<i>Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành</i>	
4.1	<i>Hiểu bối cảnh xã hội, nghề nghiệp và tổ chức trong hoạt động pháp lý</i>	
4.1.1	<i>Hiểu bối cảnh xã hội của hoạt động pháp lý</i>	3.0
4.1.2	<i>Hiểu bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức của hoạt động pháp lý</i>	3.0
4.2	<i>Hình thành ý tưởng, xây dựng phương án, thực hiện, đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính</i>	
4.2.1	<i>Hình thành ý tưởng về hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính</i>	4.0
4.2.2	<i>Xây dựng phương án hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính</i>	4.0
4.2.3	<i>Thực hiện hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính</i>	4.0
4.2.4	<i>Đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính</i>	4.0

4. Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

4.1. Nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020 và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp, trong đó yêu cầu: “Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành,... hỗ trợ Nghệ An sớm trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao...là trung tâm giáo dục - đào tạo đại học vùng Bắc Trung Bộ”; Trong kế hoạch phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2030 khẳng định: “Xây dựng

Nghệ An thành trung tâm giáo dục - đào tạo đại học vùng Bắc Trung Bộ. Đầu tư phát triển Trường đại học Vinh trở thành Đại học Vinh đạt tiêu chuẩn quốc tế”. Nghệ An là một tỉnh lớn nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Trung Bộ của Việt Nam. Khu vực Bắc Trung Bộ là một trong 7 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm 6 tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế) với diện tích 5.150.069 ha (chiếm 15,5% diện tích cả nước), dân số hơn 10 triệu người (chiếm 13% dân số cả nước). Nhu cầu nhân lực của Nghệ An nói riêng và Vùng kinh tế lân cận nói chung là rất lớn. Thực tế cho thấy, nhu cầu lao động đối với lĩnh vực này là không nhỏ, nghiên cứu thị trường để đào tạo những ngành phù hợp với nhu cầu của xã hội có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong các ngành thuộc khoa học Xã hội và Nhân văn, chính trị - pháp lý thì ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính luôn giữ vị trí quan trọng trong thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Hiện nay, đào tạo ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính bậc đại học đã được triển khai ở nhiều cơ sở đào tạo Luật của Việt Nam. Cho nên việc mở mã ngành đào tạo Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ở Trường Đại học Vinh có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính có cơ hội việc làm rất rộng mở với các vị trí việc làm đa dạng như trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty, doanh nghiệp tư nhân ở tất cả các lĩnh vực. Có thể tóm các nhóm vị trí việc làm sau:

Nhóm 1: Làm việc tại Cơ quan Đảng, Tổ chức Chính trị-xã hội; cơ quan lập pháp, hành chính nhà nước từ trung ương tới địa phương, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật (Tư pháp) như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an (Thẩm phán, Kiểm sát viên, Công an...).

Nhóm 2: Hành nghề độc lập hoặc làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý như: Văn phòng luật sư, Công ty luật, Văn phòng công chứng, Thừa phát lại, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý và thanh lý tài sản, các trung tâm trọng tài thương mại...của Việt Nam và nước ngoài (Luật sư, công chứng viên, hòa giải viên thương mại, quản tài viên hành nghề quản lý, thanh lý tài sản...).

Nhóm 3: Làm việc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng với tư cách là các chuyên viên, nhân viên pháp chế, tư vấn pháp luật, quản trị nhân sự, thu hồi nợ...

Nhóm 4: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị như các Trường đại học, Cao đẳng, Trung học, Trung tâm nghiên cứu, Viện nghiên cứu...

Với một tỉnh lớn với qui mô và phát triển như hiện nay và trong tương lai đòi

sống vật chất và tinh thần của người dân ngày phát triển, các vấn đề xã hội, các sự kiện/ hiện tượng xã hội như thất nghiệp, nghèo, học đường, bạo lực học đường... với tỷ lệ ngày một tăng, do đó nhu cầu phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội của doanh nghiệp, tổ chức ngày càng tăng cao, vì vậy, ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ngày càng có vai trò và ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở này, chúng tôi cho rằng, việc mở ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính theo hướng ứng dụng để giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội đang đặt ra là cần thiết.

Chính vì vậy, việc đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ở khoa Luật học, Trường Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Trường Đại học Vinh có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn hiện nay nhằm góp phần thực hiện những chủ trương, chính sách của Bộ giáo dục và Đào tạo và giải quyết những vấn đề của thực tiễn xã hội địa phương.

4.2. Sự phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường Đại học Vinh

Nghị quyết số 11/NQ-HĐ ngày 18/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh đã xác định sứ mạng, tầm nhìn của Trường, cụ thể là:

Sứ mạng: “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”.

Tầm nhìn: "Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu Châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045". Để hoàn thành được sứ mạng và tầm nhìn nêu trên, Nhà trường đã và đang tập trung mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo; luôn tìm các giải pháp đổi mới và hiện đại hoá nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy cũng như hệ thống cơ sở vật chất.

Mở các ngành đào tạo đại học làm tiền đề cho mã ngành sau đại học đáp ứng nhu cầu xã hội, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước là một trong những nhiệm vụ trọng yếu của cơ sở đào tạo đại học ở Việt Nam hiện nay. Do đó thực hiện đào tạo chương trình cử nhân ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính ở Trường Đại học Vinh là một bước tiến tiếp trên con đường đa dạng hoá phát triển đào tạo đa ngành, nhiều cấp học theo nhu cầu xã hội và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Mặt khác, hội nhập là một xu thế tất yếu đối với các ngành, các lĩnh vực hoạt động trong đó có các trường đại học. Trường Đại học Vinh đã và đang tham gia vào xu thế này. Chính vì thế việc mở ngành đào tạo đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính là một yếu tố sẽ giúp nhà trường thúc đẩy quá trình mở rộng hợp tác đào tạo với các trường đại học, với các cơ sở đào tạo, các tổ chức, doanh

nghiệp trong khu vực và trên thế giới.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính là phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển của Trường Đại học Vinh.

4.3. Sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, xu thế phát triển của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế

Trong yêu cầu về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam, để có một xã hội thượng tôn pháp luật, có hiệu biết và tự giác thực thi chuẩn mực pháp luật thì trước hết cần quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao, đào tạo được nhiều cán bộ có trình độ chuyên môn luật tham gia vào bộ máy nhà nước. Trong yêu cầu đào tạo đó, cần quan tâm đến chuyên môn sâu về tổ chức bộ máy nhà nước, cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, vấn đề bảo đảm thực thi pháp luật về quyền con người, quyền công dân phù hợp với xu hướng phát triển của quốc gia và quốc tế.

Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 xác định khu vực Bắc Trung Bộ cùng với duyên hải Miền Trung là 1 trong 6 vùng kinh tế - xã hội trọng điểm của đất nước. Trong đó xây dựng khu vực ven biển Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh trở thành trung tâm công nghiệp của vùng và cả nước. Để đạt được mục tiêu này, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bao gồm nhân lực pháp lý chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính là một trong những yêu cầu bức thiết.

Riêng đối với tỉnh Nghệ An, nhờ chú trọng xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao mà Nghệ An đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu trong thời gian tới của Nghệ An là tiếp tục xây dựng nguồn nhân lực đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng cao, cơ cấu hợp lý để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước làm cho kinh tế - xã hội của Nghệ An phát triển bền vững, tiến kịp các tỉnh khá trong cả nước, trở thành trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ.

Ngày 18/7/2023, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW về xây dựng, phát triển Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó ưu tiên triển khai đề án cơ cấu lại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn, lấy Đại học Vinh làm nòng cốt để xây dựng Trung tâm đào tạo tầm cỡ khu vực và cả nước. Tăng cường hợp tác về giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng các trường đạt chuẩn quốc tế.

Trường Đại học Vinh là một trong những trường đại học uy tín của cả nước, nơi cung cấp phần lớn nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Khu Vực Bắc Trung Bộ và đã có 16 năm đào tạo cử nhân Ngành Luật học và 10 năm đào tạo ngành Luật Kinh tế. Việc mở mã ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật Hiến pháp và

Luật Hành chính nhằm đáp ứng nhu cầu của khu vực và cả nước. Điều này cũng nằm trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương đề ra.

5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

5.1 Tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương trên phạm vi cả nước;

- Hình thức tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được triển khai tại Trường Đại học Vinh.

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 40 sinh viên/năm

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ 126 tín chỉ của CTĐT;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;

Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học, có chứng chỉ Giáo dục - Quốc phòng, Giáo dục thể chất theo quy định và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường.

6. Các dịch vụ hỗ trợ người học

6.1. Nhà trường thiết lập hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên

Thứ nhất, Nhà trường và Khoa đã xây dựng, duy trì và cải tiến hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện. Theo Quy định đào tạo đại học của Trường đại học Vinh, hệ thống giám sát của ngành Luật học được thực hiện bởi các cán bộ chuyên trách gồm cố vấn học tập.

Bên cạnh đó, SV cũng được hỗ trợ bởi đội ngũ trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm cũng như đội ngũ giảng viên, nhân viên khác của các khoa và phòng, ban, trung tâm, tổ chức đoàn thể liên quan trong Khoa và Trường.

Về quy trình, người học được cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm hỗ trợ về việc lựa chọn môn học phù hợp với nhu cầu của người học ngay đầu mỗi kỳ học. Trong học kỳ, việc giám sát sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ thông qua các buổi họp liên tịch giữa Ban chủ nhiệm Khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, quản lý sinh viên và Liên chi đoàn Khoa, họp lớp với sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm. Đồng thời, giảng viên phụ trách môn học cũng được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên trong từng môn học thông qua hệ thống điểm

quá trình và điểm cuối kỳ.

Hệ thống quản lý học tập theo CTĐT học chế tín chỉ (từ trước năm 2017) và CTĐT tiếp cận CDIO (từ năm 2017) của nhà trường có quy định rõ ràng về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập của người học cho mỗi kỳ học nhằm đảm bảo người học có khả năng hoàn thành các học phần, và hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian đào tạo là 8 học kỳ, 04 năm. Khoa có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS), hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và hệ thống đăng ký học. Các phần mềm trong hệ thống quản lý học tập hỗ trợ Nhà trường quản lý và giám sát các nội dung về quá trình đăng ký và học tập, giám sát phẩm chất, thái độ và các hoạt động ngoại khóa đồng thời thông qua phần mềm quản lý này Nhà trường chuyển đến người học các thông báo các nội dung như thời khóa biểu, lịch thi, kết quả đánh giá về học tập và rèn luyện của người học.

Thứ hai, Nhà trường và khoa đã và đang vận hành hệ thống giám sát phù hợp về kết quả học tập và khối lượng học tập của người học. Dựa vào Cẩm nang sinh viên, người học biết và có thể sắp xếp khối lượng học tập trong từng học kỳ. Trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý sinh viên và giảng viên được phân công nắm thông tin về kết quả học tập, khối lượng học tập của người học và thực hiện cảnh báo học vụ.

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV do lớp và Ban cán sự lớp thực hiện và lưu trong Biên bản họp lớp hàng kỳ và trong phần mềm quản lý điểm, người học của Nhà trường. Kết quả học tập của người học từng học kỳ bao gồm kết quả tổng kết từng môn học, kết quả tổng kết các môn đã học cũng như số tín chỉ đã tích lũy. Không chỉ điểm của các sinh viên học theo đúng tiến độ, điểm của các sinh viên học vượt, học nâng điểm, học chuyển đổi cũng được ghi nhận và tổng hợp trong trang thông tin cá nhân của người học, dữ liệu quản lý điểm của Trung tâm Đảm bảo chất lượng Nhà trường và Khoa. Với việc xét thành tích học tập và rèn luyện cho người học, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học sẽ được rà soát. Trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý sinh viên sẽ nắm bắt thông tin về số người học đạt kết quả loại Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình, không qua môn. Từ đó, Trợ lý quản lý sinh viên sẽ tổng hợp các trường hợp cảnh báo, bảo lưu, thôi học. Những kết quả này được thông báo tới BCN khoa, giáo viên chủ nhiệm, gia đình người học để kịp thời tư vấn, hỗ trợ nhằm hạn chế tỉ lệ bỏ học, thôi học.

Tuy nhiên, với yêu cầu SV phải hoàn thành chứng chỉ tiếng Anh B1 để tốt nghiệp từ năm học 2016-2017, tỷ lệ SV ngành Luật tốt nghiệp đúng thời hạn có xu hướng giảm qua các năm mặc dù đã đáp ứng điều kiện về điểm học tập và rèn luyện.

6.2. Nhà trường có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của sinh viên

Đầu tiên, Nhà trường và Khoa Luật học có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của SV. Theo quyết định của trường Đại học Vinh, người học được tư vấn bởi cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giáo viên chủ nhiệm và các giảng viên. Theo quy định do Nhà trường ban hành, Cố vấn học tập có nhiệm vụ nắm vững qui chế đào tạo, kế hoạch đào tạo để giải đáp các thắc mắc của SV; kịp thời theo dõi, đôn đốc tình hình học tập của SV; thông báo, triển khai và thực hiện các chủ trương của Khoa và Trường về vấn đề được giao phụ trách. Ngoài ra, CVHT tổ chức tư vấn cho SV đăng ký các học phần phù hợp với khả năng sau mỗi học kỳ và hỗ trợ SV đăng ký học tập và xử lý các vấn đề liên quan. Đồng thời việc duy trì giáo viên chủ nhiệm giúp nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng của SV và đề xuất cho lãnh đạo Khoa các hướng xử lý, hỗ trợ.

Vào đầu kỳ học, sinh viên được tham gia Hội nghị học tốt - chương trình bao gồm tư vấn trực tiếp với cố vấn học tập phụ trách khoá học, trợ lý đào tạo. Trong Hội nghị học tốt, sinh viên năm nhất cũng có cơ hội tìm hiểu về phương thức đào tạo, phương pháp học tập và lắng nghe kinh nghiệm học tập của sinh viên Giỏi các khoá trên cũng như tham gia buổi lễ khen thưởng sinh viên Xuất sắc, sinh viên Giỏi của Khoa. Ở các Chương trình chào tân sinh viên, người học còn được đặt câu hỏi trực tiếp đối với lãnh đạo Khoa và các giảng viên. Các câu hỏi bao gồm và liên quan đến thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, đặc biệt là những khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, quá hạn thời gian đào tạo. Cùng với đó, khoa Luật học còn triển khai các hoạt động và chính sách hỗ trợ SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn, SV dân tộc thiểu số nhằm hỗ trợ người học. Không chỉ vậy, SV còn được hỗ trợ, giải đáp thắc mắc thông qua kênh hộp lớp hàng tháng từ giáo viên chủ nhiệm, trong Hội nghị dân chủ hàng kỳ từ Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, Trợ lý quản lý sinh viên của khoa; tại Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV với các Phòng, Ban, đơn vị trong trường.

Bên cạnh các hoạt động tư vấn học tập, sinh viên ngành Luật còn có cơ hội trải nghiệm và trưởng thành hơn nhờ các hoạt động ngoại khóa. Đoàn thanh niên và Hội SV và Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV như: Hội diễn văn nghệ; TDTT; giao lưu văn hóa, các chương trình giáo dục pháp luật, diễn án, Tình nguyện. Ngoài ra, người học cũng có cơ hội tham gia các hoạt động do các Câu lạc bộ trong Khoa và

Nhà trường như Diễn án dân gian và Phổ biến giáo dục pháp luật tại làng trẻ SOS do Câu lạc bộ Thực hành pháp luật tổ chức; hoạt động của Câu lạc bộ Du ca, Talkshow của CLB Tiếng Anh. Cuối cùng, người học cũng được cải thiện kỹ năng tự học và nghiên cứu khoa học thông qua các cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học và Cuộc thi "Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp" (Rèn nghề) hàng năm. Từ những hoạt động đó, đánh giá được kết quả rèn luyện của SV các ngành Luật.

Thứ hai, người học được tham gia các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện khả năng có việc làm của người học. Trước hết, tập thể giảng viên trong khoa với kinh nghiệm công việc chịu trách nhiệm tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho người học. Bên cạnh đó, Khoa Luật (từ trước tháng 9/2021), Khoa Luật học và khoa Luật kinh tế (từ sau 9/2021) đã tổ chức các buổi Toạ đàm về các ngành, nghề luật với các chuyên gia và các diễn giả là luật sư, hoà giải viên, trọng tài viên, kiểm sát viên, thẩm phán giúp SV ngành Luật học tìm hiểu thông tin về nghề nghiệp, từ đó có khả năng định hướng nghề nghiệp. Không chỉ vậy, học phần Thực tập cuối khoá trong kỳ 8 giúp người học có cơ hội được trải nghiệm môi trường của các nhà tuyển dụng như Văn phòng luật sư, Văn phòng công chứng, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân. Tham gia 8 tuần thực tập cuối khoá và hoàn thành báo cáo thực tập cuối khoá giúp người học nâng cao kỹ năng nghề nghiệp tiệm cận với đòi hỏi thực tế của thị trường lao động sau khi ra trường. Theo kết quả khảo sát, đa số SV được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập của khoa Luật học tổ chức.

Song song với đó là công tác hỗ trợ học tập và rèn luyện, tư vấn, hướng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp của SV được hỗ trợ tích cực, thường xuyên từ Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp và Sáng tạo của Trường thông qua hoạt động Hội thảo tư vấn và giới thiệu việc làm. Việc nắm bắt thông tin, khảo sát số liệu về tỷ lệ SV sau khi ra trường có việc làm trong giai đoạn 2017-2022 giúp cải thiện kết quả học tập, tình trạng việc làm của người học. Theo kết quả khảo sát, đa số NH được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm của Nhà trường và khoa Luật học tổ chức.

Giai đoạn 2017-2022, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên, Quan hệ doanh nghiệp đã giới thiệu việc làm cho người học các ngành nói chung. So với các ngành học khác, nhu cầu nhân lực ngành luật chủ yếu tập trung tại các thành phố lớn với mức độ phát triển kinh tế - xã hội cao trong khi việc kết nối của Khoa với nhà tuyển dụng ngành các ngành Luật chủ yếu trên địa bàn Nghệ An. Việc giới thiệu nhân lực ngành Luật học cho khối cơ quan nhà nước có mức độ khả thi không cao. Do vậy, so với tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trái ngành đào tạo

vẫn tương đối cao.

Bảng 2.6: Kết quả khảo sát SV có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Luật giai đoạn 2017- 2022

Năm học	Số SV TN	Số SV phản hồi	Số SV có việc làm đúng ngành DT sau 6 tháng TN	Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%)	Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm
2017 - 2018	377	366	22	6,0	56,5	5.900.000
2018 - 2019	528	502	28	5,8	42,8	6.500.000
2019 - 2020	212	281	28	10,0	45,2	6.500.000
2020 - 2021	179	Chưa tiến hành khảo sát				
2021 - 2022	46	Chưa tiến hành khảo sát				

6.3. Nhà trường xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và trải nghiệm của sinh viên

Thứ nhất, Nhà trường đã xây dựng môi trường cảnh quan phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái của người học. Trước hết, về không gian học tập, Trường bố trí 50.585,6m² diện tích sử dụng các phòng học trên tổng diện tích đất là 44,12 ha. NH ngành Luật học chủ yếu học tại cơ sở 1 tại số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh có diện tích 14 ha với 221 phòng học, trong đó có các giảng đường lớn là Hội trường A, Giảng đường A4101, A4102, A4201, A4202; và Phòng xử án mô phỏng tại tầng 7 Toà nhà Thư viện Nguyễn Thúc Hào. Diện tích các lớp học theo quy định TCVN 3981 cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH. Theo đó, Trường có thể bố trí được khoảng 8460 chỗ ngồi trong 1 ca với diện tích bình quân 4,9m² chỗ ngồi. Hầu hết phòng học của sinh viên được trang bị máy điều hoà, quạt, hệ thống chiếu sáng đảm bảo chất lượng, có trang bị thiết bị hỗ trợ dạy - học gồm loa, micro, projector và 1 số thiết bị khác để sinh viên triển khai các hoạt động thảo luận, học nhóm. Đặc biệt các phòng học tại khu nhà A được thiết kế các bàn đơn, bảng di chuyển ngang, bảng cuối lớp để phục vụ tối đa cho nhu cầu thảo luận nhóm và làm đồ án môn học theo chương trình đào tạo tiếp cận CDIO của trường. Trong thư viện, phòng đọc của người học được bố trí ngay ở tầng 1 với hệ thống điều hoà, bàn ghế đạt chất lượng cao giúp người học có sự thoải mái trong việc tự học và tự nghiên cứu.

Cùng với đó cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn CSGD. Nhà trường có sơ đồ bố trí các khu vực

gồm Nhà hiệu bộ, Giảng đường, Phòng/khoa, Hội trường, thư viện, ký túc xá và đặt tại những nơi dễ nhìn, dễ quan sát. Trong khuôn viên có đường đi lại sạch sẽ, rộng rãi và có tên đường, bảng biểu chỉ dẫn tới các địa điểm. Hệ thống nhà vệ sinh, máy lọc nước được bố trí phù hợp và đầy đủ, đáp ứng nhu cầu của người học trong thời gian học tập tại trường. Hệ thống phòng cháy chữa cháy cũng như các yếu tố bảo đảm an toàn, an ninh cho người học được kiểm tra thường xuyên. Hệ thống đèn chiếu sáng trong lớp học, ngoài sân hành lang vào các buổi học, hệ thống máy chiếu đảm bảo ánh sáng phù hợp với tầm nhìn và duy trì thị lực cho người học.

Về khuôn viên trong trường, các Giảng đường được bố trí phù hợp để vừa thuận tiện cho NH trong việc di chuyển tới các phòng học trong thời gian giải lao, vừa đủ không gian thư giãn sau thời gian học với nhiều cây xanh và ghế đá. Trường có 06 sân bóng chuyền, 06 sân bóng mini, 01 sân bóng đá lớn, khu vực chạy bộ phục vụ cho NH với tổng diện tích 35.000 m². Trường còn xây dựng 01 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản để tổ chức các hoạt động thể thao trong nhà như cầu lông, bóng chuyền hơi; bố trí 01 sân bóng rổ phục vụ cho nhu cầu tham gia các hoạt động thể thao, nâng cao sức khỏe của SV. Trường có 4 nhà KTX 5 tầng tại cơ sở 1 với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m², với 237 phòng với sức chứa 1145 SV, bình quân diện tích 5,3 m² sử dụng/NH theo định mức 4-8 người/phòng.

Bên cạnh việc tạo môi trường, cảnh quan sạch sẽ, thoáng đãng cho SV, Trường Đại học Vinh và Khoa luôn chú trọng tới đời sống vật chất và tinh thần cho SV. Biểu hiện là các chính sách hỗ trợ tài chính như miễn, giảm học phí; trợ cấp xã hội đối với các đối tượng cần sự hỗ trợ như SV có hoàn cảnh khó khăn. Đồng thời, những SV có kết quả cao cũng được động viên, khuyến khích thông qua chế độ học bổng.

Bên cạnh đời sống, Nhà trường và Khoa cũng có các chính sách chăm lo về sức khỏe công tác chăm lo sức khỏe của SV nói chung, SV ngành các ngành Luật học nói riêng. Trạm Y tế được bố trí ngay trong khuôn viên trường tại Cơ sở 1 để bảo đảm cho công tác chăm sóc sức khỏe kịp thời cho SV. Công tác khám sức khỏe cho SV được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên. Giai đoạn 2017-2022, 100% SV các ngành Luật được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ, được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ. Các thông tin về an ninh, an toàn tại trường được cung cấp đầy đủ trong Cẩm nang học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, SV chủ yếu được chăm sóc về sức khỏe thân thể, chưa được thăm khám và tư vấn đầy đủ và chuyên nghiệp về tâm lý, duy trì, nâng cao sức khỏe tâm thần, hạn chế căng thẳng trong quá trình học tập tại trường.

Thứ hai, Nhà trường xây dựng được môi trường tâm lý, xã hội phù hợp của cơ sở giáo dục đại học nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái của người học. Theo đó, an ninh trong trường được duy trì

24/24h với hệ thống camera an ninh, lực lượng bảo vệ nhà trường chuyên nghiệp từ Công ty vệ sĩ và đội sinh viên xung kích tại chỗ có nhiệm vụ hỗ trợ rà soát an ninh khu vực ký túc xá. Người học được bảo vệ khỏi các hành vi không phù hợp tại cơ sở giáo dục như quảng cáo, mời chào mua bán hàng hoá, kêu gọi tham gia bán hàng đa cấp, vận động vào các hội nhóm tôn giáo. Cổng trường được xây dựng thân thiện giúp người học thoải mái đi ra, vào khuôn viên của trường. Nhà trường cũng ký hợp đồng với Công ty chuyên phụ trách Công tác vệ sinh môi trường tại Trường nhằm đảm bảo khuôn viên trường sạch sẽ, hệ thống thoát nước hiệu quả.

Người học được thoải mái tham gia vào các hoạt động học nhóm, thực hành, hoạt động tập thể khác trong khuôn viên nhà trường. Việc tham gia của người học vào các hoạt động tại các địa điểm trong nhà trường không bị phân biệt bởi giới tính, dân tộc, tôn giáo hay các yếu tố khác. Khoa Luật trước đây và Khoa Luật học, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao như Giải bóng đá sinh viên cho nam và nữ, Hội diễn văn nghệ. Các Câu lạc bộ của Khoa cũng tổ chức nhiều hoạt động giúp NH có nhiều cơ hội trải nghiệm, thư giãn và nâng cao kỹ năng bên cạnh hoạt động học tập và nghiên cứu.

Nhằm duy trì môi trường dạy và học, người học được yêu cầu tuân thủ các nội quy, quy tắc ứng xử trong trường, trong lớp học. Các bảng/biển nội quy được đặt ở các nhà học giúp người học nắm đầy đủ thông tin về quy tắc ứng xử trong lớp học.

Cuối cùng, Nhà trường luôn triển khai đều đặn hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của người học các năm về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường, từ đó có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với nhu cầu của người học. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết sinh viên hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường và Khoa.

7. Kế hoạch đào tạo

Dự kiến quy mô tuyển sinh (nếu ngành được phép mở từ năm 2023)

Năm	2024	2025	2026	2027	2028	...	2032
Số lượng SV	35	35	40	50	60	60	80

Trong 5 năm đầu tiên, từ 2024, ngành đăng ký tuyển sinh 35 - 50 sinh viên, từ năm 2028 trở đi, mỗi năm ổn định quy mô tuyển sinh 60-80 sinh viên 1 năm.

V. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổng quan về chương trình dạy học

Chương trình dạy học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính với tổng số 126 tín chỉ, 38 học phần là một thể thống nhất, gắn kết và liên mạch các bộ phận cấu thành theo chiều ngang và chiều dọc.

Theo chiều ngang, CTDH ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính bao gồm nội dung giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, mỗi nội dung đảm nhận kiến thức và kỹ năng cần thiết. Cụ thể:

Khối kiến thức cơ sở ngành có khối lượng 21 tín chỉ, bao gồm 7 học phần cung cấp kiến thức nền tảng về chính trị, kinh tế, xã hội pháp luật đại cương, ngoại ngữ, tin học; hình thành các kỹ năng cơ bản như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

Khối kiến thức chuyên ngành có khối lượng 105 tín chỉ, được chia thành khối kiến thức bắt buộc, kiến thức tự chọn (4 học phần), kiến thức chung của ngành luật trên các trụ cột chính (Hành chính, dân sự, hình sự, kinh tế - quốc tế) và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính (về tổ chức bộ máy nhà nước, quản lý hành chính trong các lĩnh vực, kỹ năng chuyên sâu...). Đặc biệt trong CTDH chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính được thiết kế chú trọng khối kiến thức kỹ năng cho sinh viên với 7 học phần dạy học theo dự án/đề án, đánh giá theo chuẩn đầu ra của CTĐT.

Theo chiều dọc, CTDH ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính bao gồm 31 học phần lý thuyết và 5 học phần thực hành, trải nghiệm. Trong đó, các học phần lý thuyết có khối lượng 94 tín chỉ, cung cấp các kiến thức từ đại cương đến chuyên ngành và các kỹ năng cơ bản. Các học phần đồ án có khối lượng 32 tín chỉ được thiết kế theo hướng hình thành và phát triển các kỹ năng cốt lõi của người học diễn tiến mức độ của học phần sau cao hơn học phần trước.

Cấu trúc CTDH ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính thể hiện rõ vai trò và liên kết logic và bổ trợ lẫn nhau giữa các mô-đun (nhóm học phần), học phần nhằm đạt được CĐR của chương trình đào tạo.

2. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

CĐR	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)	TĐNL
1	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	
1.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng cho hoạt động pháp lý	
1.1.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức kinh tế, chính trị, khoa học xã hội và nhân văn làm nền tảng cho hoạt động pháp lý	3.0
1.1.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức ngoại ngữ, tin học phục vụ cho hoạt động pháp lý	3.0
1.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên ngành trong hoạt động pháp lý	
1.2.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên ngành về Luật hành chính, luật dân sự,	3.5

	luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào hoạt động pháp lý	
1.2.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về hiến pháp, hành chính, tổ tụng hành chính, tổ chức chính quyền nhà nước trong hoạt động pháp lý	3.5
2	Phẩm chất, năng lực tự chủ và trách nhiệm	
2.1	<i>Thể hiện</i> phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp	
2.1.1	<i>Thể hiện</i> sự trung thành với Tổ quốc, thượng tôn pháp luật, chấp hành các chính sách của Nhà nước, trung thực, thẳng thắn, cầu thị, ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người	3.5
2.1.2	<i>Tuân thủ</i> các chuẩn mực đạo đức nghề luật và trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và cộng đồng	3.5
2.2	<i>Thể hiện</i> được năng lực tự chủ và trách nhiệm nghiên cứu pháp lý	
2.2.1	<i>Thực hiện</i> được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học	3.5
2.2.2	<i>Thực hiện</i> được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý	3.5
3	Kỹ năng nghề nghiệp	
3.1	<i>Thực hiện</i> kỹ năng giao tiếp và kỹ năng phản biện trong hoạt động pháp lý	
3.1.1	<i>Thực hiện</i> kỹ năng giao tiếp và tương tác trong hoạt động pháp lý	3.5
3.1.2	<i>Thực hiện</i> kỹ năng phản biện và phê phán trong hoạt động pháp lý	3.5
3.2	<i>Thực hiện</i> kỹ năng làm việc nhóm	
3.2.1	<i>Thành lập, tổ chức và triển khai</i> hoạt động nhóm	3.5
3.2.2	<i>Lãnh đạo và hợp tác</i> trong hoạt động nhóm	3.5
4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành	
4.1	<i>Hiểu</i> bối cảnh xã hội, nghề nghiệp và tổ chức trong hoạt động pháp lý	
4.1.1	<i>Hiểu</i> bối cảnh xã hội của hoạt động pháp lý	3.0
4.1.2	<i>Hiểu</i> bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức của hoạt động pháp lý	3.0
4.2	<i>Hình thành ý tưởng, xây dựng phương án, thực hiện, đánh giá</i> hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	
4.2.1	<i>Hình thành ý tưởng</i> về hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4.0
4.2.2	<i>Xây dựng phương án</i> hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4.0
4.2.3	<i>Thực hiện</i> hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4.0

4.2.4	Đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4.0
-------	---	-----

3. Khung Chương trình dạy học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân kỳ	Loại học phần	Khối kiến thức
1	PLA20001	Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật	3	1	Bắt buộc	GDĐC
2	LAW21001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	5	1	Bắt buộc	GDCN
3	LAW30036	Xây dựng văn bản pháp luật	3	1	Bắt buộc	GDCN
4	INF20002	Tin học	3	1	Bắt buộc	GDĐC
5	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	1	Bắt buộc	GDĐC
6	LAW30006	Luật Hiến pháp	4	2	Bắt buộc	GDCN
7	LAW31005	Luật Hành chính	4	2	Bắt buộc	GDCN
8	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	2	Bắt buộc	GDĐC
9	POL11001	Triết học Mác - Lênin	3	2	Bắt buộc	GDĐC
10		Tự chọn 1	3	2	Tự chọn	
	NAP11001	<i>Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)</i>	(2)	(1-3)	<i>Bắt buộc</i>	<i>GDĐC</i>
	NAP11002	<i>Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)</i>	(2)	(1-3)	<i>Bắt buộc</i>	<i>GDĐC</i>
	NAP11003	<i>Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)</i>	(2)	(1-3)	<i>Bắt buộc</i>	<i>GDĐC</i>
	NAP11004	<i>Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)</i>	(2)	(1-3)	<i>Bắt buộc</i>	<i>GDĐC</i>
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	(1-3)	Bắt buộc	GDĐC
11		Hiến pháp nước ngoài	3	3	Bắt buộc	GDCN
12	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	3	Bắt buộc	GDĐC
13	LAW31004	Luật Dân sự	4	3	Bắt buộc	GDCN
14	LAW30033	Luật Tố tụng hành chính	4	3	Bắt buộc	GDCN

15		Chính quyền địa phương	3	3	Bắt buộc	
16	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4	Bắt buộc	GDĐC
17	LAW31007	Luật Hình sự	4	4	Bắt buộc	GDCN
18	LAW31012	Luật Tổ tụng dân sự	3	4	Bắt buộc	GDCN
19		Thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật	3	4	Bắt buộc	GDCN
20	LAW30037	Lý luận về Nhà nước pháp quyền	3	4	Bắt buộc	GDĐC
21		Tự chọn 2	3	4	Tự chọn	GDCN
22	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	5	Bắt buộc	GDĐC
23	LAW31011	Luật Thương mại	4	5	Bắt buộc	GDCN
24	LAW31013	Luật Tổ tụng hình sự	4	5	Bắt buộc	GDCN
25		Pháp Luật đất đai và Môi trường	5	5	Bắt buộc	GDCN
26		Tự chọn 3	2	5	Tự chọn	GDCN
27		Công pháp quốc tế	3	6	Bắt buộc	GDCN
28		Luật Lao động	3	6	Bắt buộc	GDCN
29	LAW30053	Pháp luật về Luật sư, công chứng và chứng thực	4	6	Bắt buộc	GDCN
30		Luật Tài chính	3	6	Bắt buộc	GDCN
31	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6	Bắt buộc	GDĐC
32		Luật thương mại quốc tế	2	6		
33	LAW31015	Đăng ký và quản lý hộ tịch	3	7	Bắt buộc	GDCN
34	LAW31020	Tư pháp quốc tế	3	7	Bắt buộc	GDCN
35		Pháp luật về thanh tra, khiếu tố	3	7	Bắt buộc	GDCN
36		Lý luận và pháp luật về quyền con người	4	7	Bắt buộc	GDCN
37		Tự chọn 4	2	7	Tự chọn	GDCN
38	LAW31031	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8	8	Bắt buộc	GDCN
Tổng số tín chỉ			126			
Tự chọn 1						
1	LAW20025	Lịch sử Nhà nước và pháp	3	2	Tự chọn	GDĐC

		luật Việt Nam				
2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3	2	Tự chọn	GDĐC
3	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	2	Tự chọn	GDĐC
Tự chọn 2						
1		Giáo dục pháp luật thực hành (CLE)	3	3	Tự chọn	GDĐC
2	ECO21004	Kinh tế vĩ mô	3	3	Tự chọn	GDĐC
3	EDU20004	Tâm lý học đại cương	3	3	Tự chọn	GDĐC
Tự chọn 3						
1		Cơ chế bảo vệ hiến pháp	2	5	Tự chọn	GDCN
2	POL30032	Khoa học quản lý	2	5	Tự chọn	GDCN
3	SMT30014	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	2	5	Tự chọn	GDCN
Tự chọn 4						
1		Phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	2	6	Tự chọn	GDCN
2	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ	2	6	Tự chọn	GDCN
3	POL30026	Chính sách công	2	6	Tự chọn	GDCN

4. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp dạy học là cách thức nhà giáo tổ chức lớp học và truyền tải các nội dung dạy học đến cho người học. Phương pháp dạy học phải phù hợp với nội dung và chuẩn đầu ra học phần, định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra học phần. Bên cạnh đó, người học cũng cần có phương pháp học tập tích cực, chủ động để đạt được hiệu quả dạy học. Đối với phương pháp giảng dạy và học tập tại các khối ngành pháp luật cần phải chú trọng tích hợp kiến thức và kỹ năng và khả năng thiết kế, triển khai, vận hành, đánh giá các sản phẩm pháp lý.

Bảng 3.6. Ánh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							
	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Phương pháp thuyết giảng	√	√	√		√			
Phương pháp thảo luận	√	√	√	√	√		√	√
Phương pháp Socrate		√		√		√		√
Phương pháp tranh biện		√		√	√		√	√
Phương pháp nghiên cứu tình huống		√		√	√		√	√

Phương pháp đóng vai			√	√		√	√	√
Phương pháp làm việc nhóm	√	√	√	√	√	√	√	√
Phương pháp trò chơi	√	√	√	√			√	
Phương pháp thực hành	√			√	√	√	√	√
Phương pháp dạy học dựa trên đồ án		√	√		√	√	√	√

Đối với các học phần giáo dục đại cương, các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, thảo luận, thực hành, trò chơi, hoạt động nhóm. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, đóng vai, nghiên cứu các tình huống thực tiễn, giải quyết vấn đề và học dựa trên đồ án.

3.6.1. Phương pháp thuyết giảng

3.6.2. Phương pháp thảo luận

3.6.3. Phương pháp Socrate

3.6.4. Phương pháp tranh biện

3.6.5. Nghiên cứu tình huống

3.6.6. Phương pháp đóng vai

3.6.7. Phương pháp làm việc nhóm

3.6.8. Phương pháp trò chơi

3.6.9. Phương pháp thực hành

3.6.10. Phương pháp dạy học dựa trên đồ án

5. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Trên cơ sở Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD - ĐT, tháng 4 năm 2013, Trường Đại học Vinh đã Ban hành Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh. Trong chương 3 đã quy định chi tiết về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của SV, thang điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần, cách tổ hợp điểm học phần (điểm học phần được tổ hợp từ các điểm đánh giá bộ phận với trọng số: điểm chuyên cần (10%), điểm giữa kỳ (20%), điểm thi kết thúc học phần (70%). Quy định các công thức tính điểm học phần đối với các học phần không có và có thực hành và quy định về đánh giá kết quả học tập của SV đối với một số môn học đặc thù (GDQP, GDTC). Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng. Từ kỳ 2 năm học 2015 - 2016, Trường Đại học Vinh đã thực hiện thí điểm việc đánh giá giữa kỳ một số học phần theo hình thức testonline, NH được làm bài thi trực tiếp trên máy tính dựa trên ngân hàng câu hỏi do

Nhà trường xây dựng.

Đối với CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường đã có những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng tăng cường đánh giá đúng năng lực, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng. Nhà trường đã có sự thay đổi trong đánh giá các học phần, cụ thể đưa thêm điểm đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) vào thành phần điểm đánh giá với trọng số 20% và giảm trọng số điểm thi cuối học phần từ 70% xuống 50%. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành các quy định xây dựng ngân hàng đề thi, trong đó có bản đặc tả ma trận ngân hàng đề thi để đảm bảo độ bao phủ chương trình và đánh giá đúng năng lực SV. Đồng thời, Nhà trường còn tổ chức các khóa tập huấn để hướng dẫn qui trình xây dựng ngân hàng đề thi và các hình thức đánh giá kết quả học tập cho sinh viên nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác KTĐG.

Căn cứ vào các quy định nhà Trường, ngành Công nghệ tài chính đã thực hiện xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo tiếp cận CDIO, về nội dung đánh giá được thiết kế khoa học và chặt chẽ hơn trên cơ sở CDR của CTĐT, CDR học phần. Trong ĐCCT quy định rõ về các nội dung đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực. Đồng thời, ngành Công nghệ tài chính đã thực hiện xây dựng Ngân hàng đề thi học phần trên cơ sở xây dựng Bản đặc tả, sau đó thiết kế hệ thống câu hỏi theo 5 mức độ đánh giá và xây dựng ma trận đề thi cho đề thi giữa kỳ, đề thi cuối kỳ và bắt đầu được áp dụng cho khóa đào tạo 58 (tuyển sinh năm 2017). Trong đánh giá quá trình, ngoài đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ học tập (trọng số 10%), giảng viên còn đánh giá kết quả tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hồ sơ học tập của SV (trọng số 20%). Việc đánh giá giữa kỳ được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm cho tất cả các học phần đại cương. Đặc biệt, ngành đã triển khai xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thực hành cho một số học phần thực hành của CTĐT, các kết quả về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá được thông qua với sự tham gia của hầu hết các giảng viên. Khi thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi học phần, Bộ môn căn cứ vào chuyên môn giảng dạy để thực hiện phân công xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm giảng viên. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành sẽ báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu ngân hàng đề thi từng học phần.

Bảng 3.7a. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của CTĐT							
		1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Ý thức và thái độ học tập	Rubrics			√	√		√		

Thuyết trình nhóm	Rubrics			√	√	√	√	√	√
Thi thực hành máy tính	Đáp án	√	√	√					√
Thi trắc nghiệm khách quan	Đáp án	√	√		√		√		
Thi vấn đáp	Đáp án	√	√			√		√	
Báo cáo tiểu luận	Rubrics	√	√	√		√			√
Bảo vệ đồ án	Rubrics	√	√	√	√	√	√	√	√
Thi tự luận	Đáp án	√	√	√			√	√	

5.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric 1 hoặc Rubric 2 tùy thuộc vào các học phần lý thuyết hay học phần có thực tập/đồ án.¹⁷

5.2. Đánh giá hồ sơ học phần

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm (được đánh giá theo các tiêu chí trong Bảng Rubric 3). Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

5.3. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

5.4. Đánh giá theo hình thức tự luận

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

5.5. Đánh giá theo hình thức thực hành

Sinh viên phải thực hiện các chương trình / phần mềm trên máy tính liên quan đến các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các học phần. Thang điểm đánh giá được

sử dụng từ 0 đến 10. Các tiêu chí đánh giá của của các học phần có thực hành được thể hiện trong Bảng Rubric 4.

5.6. Đánh giá viết báo cáo

Sinh được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giáo viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric 5.

5.7. Đánh giá thuyết trình

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết trình được mô tả trong Bảng Rubric 6.

5.8. Đánh giá kết quả học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 và Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

Thang điểm đánh giá: Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của CTĐT được quy định như Bảng 3.7b.

Điểm đánh giá học phần: Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ như quy định trong Bảng 3.7c.

Bảng 3.7b. Thang điểm đánh giá học phần

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8.5 - 10	4.0
B+	8.0 - 8.4	3.5
B	7.0 - 7.9	3.0
C+	6.5 - 6.9	2.5
C	5.5 - 6.4	2.0
D+	5.0 - 5.4	1.5
D	4.0 - 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

Bảng 3.7c. Thành phần và điểm đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Tỷ lệ
1. Đánh giá quá trình	50%
<i>1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập</i> - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%

1.2. Đánh giá hồ sơ học phần - Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập, .v.v. - Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.	20%
1.3. Đánh giá giữa kỳ - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	20%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - Học phần chỉ có lý thuyết: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...) - Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án: điểm đánh giá cuối kỳ là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án: điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	50%
3. Công thức tính điểm học phần 3.1. Học phần chỉ có lý thuyết Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + a_4 \times 0.5.$ Trong đó, a: điểm học phần; a₁: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a₂: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a₃: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a₄: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. 3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án - Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân. 3.3. Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + (a_4 \times m + a_5 \times n) \times 0.5 / (m + n).$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a₁: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a₂: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a₃: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a₄: điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a₅: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án. 3.4. Học phần thực tập cuối khóa: - Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:	

$$a = a1 \times 0.5 + a2 \times 0.5$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a2: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

Liệt kê cách đánh giá kết quả học tập của sinh viên như thành phần đánh giá, thang điểm đánh giá. (Theo Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Vinh).

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1. Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật

Tên học phần: Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật (Introduction to Political Science and Law)

Mã số học phần: PLA20001

Thuộc loại học phần: bắt buộc

Mô tả học phần:

- Học phần Nhập môn ngành Chính trị -Luật là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật, Chính trị, Quản lý Nhà nước. Học phần cung cấp kiến thức về các chuyên ngành và làm rõ sự hiểu biết về bản chất của ngành nghề; phẩm chất đạo đức và trách nhiệm của người hành nghề.

- Học phần cung cấp thông tin cơ bản về chương trình đào tạo, lộ trình học tập, phương pháp học tập và các vị trí việc làm trong tương lai. Đồng thời giúp người học có khả năng nhận diện và vận dụng các phương pháp cũng như các kỹ năng tạo nền tảng cho việc học tập và làm việc hiệu quả như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.1.1	Chỉ ra được các yếu tố chính trị, pháp luật tác động, chi phối việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp	1.1.1	100%	2,0 {Mức 2}
2.1.2.1	Tuân thủ nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động chính trị và trong việc thúc đẩy công lý, phục vụ cộng đồng	2.1.2	100%	2,0 {Mức 2}
2.2.1.1	Thực hiện tra cứu, thu thập tài liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, xác định được các phương pháp nghiên cứu khoa học	2.2.1	100%	2,0 {Mức 2}
3.1.1.1	Thực hiện giao tiếp bằng lời nói, giao tiếp bằng văn bản	3.1.1	100%	2,0 {Mức 2}
3.1.2.1	Thể hiện kỹ năng phản biện	3.1.2	100%	2,0

				{Mức 2}
3.2.1.1	Thành lập, triển khai hoạt động nhóm hiệu quả	3.2.1	100%	2,0 {Mức 2}
3.2.2.1	Thể hiện sự lãnh đạo, hợp tác trong làm việc nhóm	3.2.2	100%	2,0 {Mức 2}
4.2.1.1	Hình thành, Xây dựng ý tưởng giải quyết nội dung đề án	4.2.1	100%	2,0 {Mức 2}
4.2.2.1	Tổ chức, triển khai thực hiện đề án	4.2.2	100%	2,0 {Mức 2}

6.2. Lý luận về nhà nước và pháp luật

- Tên học phần: Lý luận về nhà nước và pháp luật; (tiếng Anh): THEORY OF STATE AND LAW

- Mã số học phần: LAW21001

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Lý luận về Nhà nước và pháp luật là học phần có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo của toàn bộ khối ngành khoa học xã hội và nhân văn nói chung, ngành Luật Hiến pháp và Hành chính nói riêng, được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 1 của khóa học. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên một hệ thống tri thức khoa học lý luận về Nhà nước và pháp luật làm nền tảng phương pháp luận cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề chính trị, pháp lý, xã hội ở các nội dung tiếp theo trong chương trình đào tạo tại Trường đại học cũng như quá trình nghiên cứu, làm việc sau này của sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO		Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành về Luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào hoạt động pháp lý	1.2.1		10%	2.5 {Mức 2}
2.1.1.	Thể hiện sự trung thành với Tổ quốc, thượng tôn pháp luật, chấp hành các chính sách của Nhà nước, trung thực, thẳng thắn, cầu thị, ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người	2.1.1		10%	2.5 {Mức 2}
3.1.1	Thực hiện kỹ năng giao tiếp và tương tác trong hoạt động pháp lý	3.1.1		10%	2.5 {Mức 2}

6.3. Xây dựng văn bản pháp luật

- Tên học phần: Xây dựng văn bản pháp luật
(tiếng Anh): Techniques for drafting legal documents

- Mã số học phần: LAW30036

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần Xây dựng văn bản pháp luật là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học và Luật kinh tế. Học phần cung cấp kiến thức về văn bản pháp luật và hệ thống văn bản pháp luật theo quy định hiện hành, giúp sinh viên nhận diện được văn bản pháp luật và khả năng phân biệt văn bản pháp luật với các văn bản khác, phân biệt các loại văn bản pháp luật với nhau; đồng thời trang bị kiến thức về tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng văn bản pháp luật, quy trình xây dựng văn bản pháp luật. Học phần hướng dẫn sinh viên kỹ năng soạn thảo các loại văn bản pháp luật; thực hiện việc giao tiếp bằng văn bản và cách thức tổ chức, triển khai xây dựng và kiểm tra, rà soát, đánh giá văn bản pháp luật nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của hoạt động quản lý nhà nước.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Nhận diện và phân biệt văn bản pháp luật với văn bản hành chính	1.2.1	40%	3,5 {Mức 4}
1.2.1.2	Phân tích các yêu cầu về nội dung, ngôn ngữ, thể thức của văn bản pháp luật	1.2.1	60%	3,5 {Mức 4}
3.1.1.1	Thực hành kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật để giao tiếp trong hoạt động quản lý nhà nước	3.1.1	100%	2,5 {Mức 2}
4.2.2.1	Thực hành soạn thảo các văn bản pháp luật để giải quyết các tình huống trong lĩnh vực hành chính, hiến pháp	4.2.2	100%	3,5 {Mức 4}

6.4. Tin học

- Tên học phần: Tin học

- Mã số học phần: INF20002

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc, được giảng dạy cho sinh viên các ngành Khoa học Xã hội nhân văn, Sư phạm Anh, Ngôn ngữ Anh, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất. Học phần nhằm trang bị các kiến thức và kỹ năng căn bản về lĩnh vực công nghệ thông tin hỗ trợ trong các ngành, bao gồm các nội

dung: Khai thác về hệ điều hành và Internet phục vụ ngành học; Xử lý văn bản và một số chức năng xử lý cao cấp của MS- Word; Sử dụng một số hàm đơn giản của MS-Excel để tính toán trên các bảng dữ liệu; Thực hành kỹ thuật biên tập video và tạo bài giảng hay bài thuyết trình; Kết hợp trình chiếu MS-PowerPoint và sử dụng phần mềm Adobe Presenter tạo bài giảng Elearning. Học phần hỗ trợ sinh viên trong học tập và nghiên cứu các học phần tiếp theo.

Chuẩn đầu ra học phần

G1.1. Hiểu được một số ứng dụng CNTT trong giáo dục, Hiểu được CNTT hỗ trợ trong giảng dạy và học tập.

G1.2. Hiểu được các thành phần cơ bản của máy tính; Biết được các khái niệm căn bản về Internet.; Biết thực hiện thao tác test online các bài đánh giá thường xuyên; Biết cách tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ học tập và nghiên cứu

G2.1. Hiểu được các tính năng căn bản của một hệ soạn thảo và xử lý văn bản; Áp dụng được các chức năng trên MS-Word 2010

G2.2. Áp dụng được các tính năng căn bản của một bảng tính; Áp dụng được các chức năng trên bảng tính bằng công cụ MS-Excel 2010

G2.3. Áp dụng được các tính năng căn bản của một công cụ hỗ trợ trình chiếu, thuyết trình; Áp dụng thành thạo các tính năng hỗ trợ trình chiếu, thuyết trình của công cụ MS-PowerPoint 2010.

G3.1. Hiểu được các khái niệm tệp âm thanh, video, cách định dạng tệp âm thanh, video. Áp dụng vào thiết kế, chỉnh sửa video bằng công cụ Movie Maker; Hiểu được cách cài đặt và sử dụng phần mềm Adobe Presenter. Áp dụng tạo bài giảng E-learning bằng Adobe Presenter.

G4.1. Biết viết bài báo cáo trên các phần mềm soạn thảo; Biết thuyết trình báo cáo trên PowerPoint;

G5.1. Có khả năng thực hiện hoạt động nhóm

G6.1. Nhận thức được thái độ học tập tự giác, nghiêm túc để rèn luyện kỹ năng Tin học thông qua các bài thực hành

6.5. Tiếng Anh 1

- Tên học phần: TIẾNG ANH 1 (ENGLISH 1)

- Mã số học phần: ENG10001

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần Tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức đại cương bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần được thiết kế bao gồm cả phần lý thuyết (30 tiết) và thực hành (15 tiết). Các kiến thức ngôn ngữ ở mức độ cơ bản sẽ được cung cấp ở phần lý thuyết và phần

thực hành sẽ tạo cơ hội cho sinh viên áp dụng các kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp cơ bản, quen thuộc hàng ngày thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, các hoạt động thực hành cũng được thiết kế giúp cho sinh viên phát triển được các kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp một cách hiệu quả.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	Mức độ năng lực CDR	Mô tả CĐR học phần
CLO3.1	K2	Sử dụng được các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội để giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống hàng ngày.
CLO3.2	S2	Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực và hiệu quả.
CLO3.3	S2	Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản.

6.6. Luật Hiến pháp

- Tên học phần: Luật Hiến pháp; (tiếng Anh): CONSTITUTIONAL LAW

- Mã số học phần: LAW30006

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần:

Luật Hiến pháp là học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các luật chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế, Quản lý nhà nước. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản và quan trọng nhất về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Giúp sinh viên có khả năng đánh giá các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và thế giới. Trong đào tạo học phần Luật Hiến pháp theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành về luật	1.2.1		3,4 {Mức 3}

	Hiến pháp vào hoạt động pháp lý			
2.1.2	<i>Tuân thủ</i> các chuẩn mực đạo đức nghề luật và trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và cộng đồng	2.2.2		3.4 {Mức 3}
3.1.1	<i>Thực hiện</i> kỹ năng giao tiếp và tương tác trong hoạt động pháp lý	3.1.1		3.4 {Mức 2}

6.7. Luật Hành chính

- Tên học phần: Luật Hành chính

- Mã số học phần: LAW31005

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Luật hành chính là học phần được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 4 của khóa học dành cho ngành luật học và ngành luật kinh tế. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về hoạt động quản lý hành chính nhà nước theo quy định pháp luật. Giúp sinh viên nhìn nhận quá trình này dưới góc nhìn của pháp luật, từ đó hiểu và thực hành tốt công việc sau khi ra trường. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về hoạt động quản lý hành chính nhà nước dưới góc độ pháp lý. Đồng thời, học phần cũng hướng dẫn sinh viên kỹ năng cách thức tổ chức triển khai các hoạt động quản lý hành chính nhà nước, từ đó vận dụng kiến thức về quản lý hành chính nhà nước nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của pháp luật

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về hiến pháp, hành chính, tổ tụng hành chính, tổ chức chính quyền nhà nước trong hoạt động pháp lý	1.2.1	100%	3,5 {Mức 4}
3.2.1	<i>Thành lập, tổ chức và triển khai</i> hoạt động nhóm	3.2.1	100%	3,5 {Mức 4}
4.2.1	<i>Hình thành</i> ý tưởng về hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	3.4.3	100%	4.0 {Mức 4}
4.2.2	<i>Tổ chức thực hiện</i> hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính			4.0 {Mức 4}

6.8. Tiếng Anh 2

- Tên học phần: Tiếng Anh 2 (English 2)

- Mã học phần: ENG10002

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

- Chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu (Gx.x) (1)		Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
CO1	CLO1.1	Nêu được các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh: <i>verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiện; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.</i>	I, T
	CLO1.2	Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	I, T
	CLO1.3	Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.	T, U
	CLO1.4	Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	T, U
	CLO1.5	Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	T, U
	CLO1.6	Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn , viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề (<i>du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thế giới tự nhiên, chi tiêu</i>)	T, U
CO2	CLO2.1	Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các	I, T

		loại câu điều kiện trong tiếng Anh.	
	CLO2.2	Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.	T, U
	CLO2.3	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh	T, U
	CLO2.4	Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp	T, U
	CLO2.5	Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu	T, U
CO3	CLOG3.1	Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp	I, T
	CLO3.2	Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp	T, U
	CLO3.3	Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc	U
	CLO3.4	Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh	U

6.9. *Triết học Mác – Lenin*

- Tên học phần: Triết học Mác – Lênin (Marxist - Leninist Philosophy)

- Mã học phần: POL11001

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học. Học phần có 3 chương, bao gồm hệ thống tri thức về Triết học và Triết học Mác – Lênin, về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó, định hướng xây dựng và hình thành thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng, nhận thức được thực chất cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph. Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành phát triển của Triết học Mác – Lênin; vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại hiện nay; giúp sinh viên phản triển năng lực tư duy phản biện, biết vận dụng tri thức đã học làm cơ sở cho việc đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái, phủ nhận sự hình thành, phát triển của triết học Mác –Lênin, cũng như bản thân các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác –Lênin; có bản lĩnh chính trị vững vàng vào bản chất khoa học và cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, Triết học Mác - Lênin nói riêng.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR	Mức độ	Mô tả CĐR
-----	--------	-----------

học phần	năng lực CDR học phần	
CLO1.1	K3	Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin
CLO2.1	S2	Thể hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng
CLO2.2	A3	Có khả năng vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn; phê phán , đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật trước C.Mác

6.10. *Hiến pháp nước ngoài*

- Tên học phần: Hiến pháp nước ngoài
- Mã số học phần: LAW
- Thuộc loại học phần: Tự chọn

- Mô tả học phần: Luật Hiến pháp nước ngoài là học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Luật, cử nhân Luật hiến pháp và Luật hành chính. Học phần giới thiệu về Hiến pháp của một số quốc gia trên thế giới; cung cấp kiến thức cơ bản đối với những chế định quan trọng của Luật Hiến pháp, như: Hình thức nhà nước, Đảng phái, Chế độ bầu cử, Nguyên thủ quốc gia, Nghị viện, Chính phủ và hệ thống tư pháp trên thế giới.

Trong đào tạo học phần Luật Hiến pháp theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành về Luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào hoạt động pháp lý	1.2.1		3,4 {Mức 3}
2.1.2	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật và trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và cộng đồng	2.2.2		3.4 {Mức 3}
3.1.2	Thực hiện kỹ năng phản biện và phê phán trong hoạt động pháp lý	3.1.1		3.4 {Mức 2}

6.11. Kinh tế chính trị Mac – Lenin

- Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political economics of Marxism and Leninism)

- Mã học phần: POL11002

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học. Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	K3	<i>Giải thích</i> được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.
CLO2.1	S2	<i>Có khả năng</i> phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị
CLO2.2	A3	<i>Thể hiện</i> phẩm chất chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

6.12. Luật Dân sự

- Tên học phần: LUẬT DÂN SỰ (CIVIL LAW)

- Mã học phần: LAW31004

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Luật dân sự giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của Luật dân sự như: các chủ thể, khách thể và nội dung của quan hệ pháp luật dân sự, quy định pháp luật về giám hộ và đại diện, giao dịch dân sự, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế, hợp đồng, nghĩa vụ dân sự và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Bên cạnh đó, học phần còn rèn luyện cho sinh viên tư duy pháp lý trong phân tích, đánh giá tình huống, vụ việc dân sự, kỹ năng tư vấn giải quyết tranh chấp có liên quan

đến Luật dân sự. Trong đào tạo học phần Luật Dân sự theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1	Áp dụng các quy định của luật dân sự trong hoạt động pháp lý	1.2.1		3,4 {Mức 3}
2.2.2	<i>Thể hiện</i> được năng lực tự chủ và quản lý thời gian, năng lực tự học	2.2.2		3.4 {Mức 3}
3.1.1	<i>Thực hiện</i> kỹ năng tư vấn trong việc giải quyết các tình huống, tranh chấp dân sự	3.1.1		3.4 {Mức 2}

6.13. Luật tố tụng hành chính

- Tên học phần: Luật tố tụng hành chính

(tiếng Anh): **Administrative Procedure Law**

- Mã số học phần: LAW30033

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần Luật Tố tụng hành chính Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật hành chính và Hiến pháp theo hình thức đồ án/ dự án được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 3 của khóa học. Nội dung của học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức pháp luật về các vấn đề pháp lý liên quan đến xét xử vụ án hành chính. Bên cạnh đó, học phần còn rèn luyện cho sinh viên có khả năng đánh giá, phân tích và giải quyết tình huống, tư vấn luật, giải quyết tranh chấp hành chính. Trong đào tạo học phần Tố tụng hành chính theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về hành chính, tố tụng hành chính trong hoạt động tố tụng hành chính	1.2.2	100%	3{ Mức 4}
2.1.2	<i>Tuân thủ</i> các chuẩn mực đạo đức nghề luật	2.1.2	100%	3 {Mức 4}

	và trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và cộng đồng			
2.2.2	<i>Thực hiện</i> được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý trong tổ tụng hành chính	2.2.2	100%	3 {Mức 4}
3.2.1	<i>Thành lập, tổ chức và triển khai</i> hoạt động nhóm	3.2.1	100%	3 {Mức 4}
4.2.2	<i>Tổ chức thực hiện</i> hoạt động pháp lý trong lĩnh vực tổ tụng hành chính	4.2.2	100%	3 {Mức 4}

6.14. Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)
- Mã học phần: POL11003
- Thuộc loại học phần: bắt buộc
- Mô tả học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.
- Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR
CLO1.1	K3	Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội
CLO2.1	S2	Có khả năng phê phán , đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam
CLO2.2	A3	Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

6.15. Luật Hình sự

- Tên học phần: **Luật Hình sự**
- Mã số học phần: LAW31007

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Luật hình sự là học phần cung cấp khối kiến thức cơ sở ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành luật hiến pháp và luật hành chính. Học phần này cung cấp hệ thống kiến thức về tội phạm và hình phạt. Luật hình sự là môn học nền tảng, cần thiết cho sinh viên giải quyết các vấn đề pháp lý thuộc quan hệ pháp luật công và là nền tảng để học các học phần khác như Luật tổ tụng hình sự, Quyền con người trong pháp luật hình sự... Đồng thời, người học sẽ hình thành kỹ năng tư duy phản biện; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý và khả năng đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực luật hình sự. Sinh viên được tiếp cận nhiều vụ án hình sự thông qua các tình huống, hồ sơ vụ án thực tế. Đây là cơ sở để sinh viên củng cố kiến thức thông qua thực tiễn, đồng thời là trải nghiệm quý giá để sinh viên hành nghề Luật trong tương lai.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	<i>Vận dụng</i> được kiến thức chuyên ngành luật hình sự làm nền tảng cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về tội phạm và hình phạt	1.2.1	10%	3,5
1.2.1.2	<i>Vận dụng</i> được kiến thức chuyên ngành luật hình sự làm nền tảng cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về đồng phạm		10%	3,5
1.2.1.3	<i>Vận dụng</i> được kiến thức chuyên ngành luật hình sự làm nền tảng cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về các tội phạm cụ thể		10%	3,5
2.2.2.1	<i>Thực hiện</i> được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý hình sự xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người	2.2.2	10%	2,5
2.2.2.2	<i>Thực hiện</i> được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý xâm phạm danh dự, nhân phẩm con người		10%	3,5
2.2.2.3	<i>Thực hiện</i> được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý xâm phạm quan hệ sở hữu		10%	3,5
3.2.2.1	<i>Thành lập triển khai</i> các hoạt động nhóm về giải quyết các tình huống pháp lý hình sự	3.2.2	15%	3,5
3.2.2.2	<i>Thành lập triển khai</i> các hoạt động nhóm về các vấn đề thực tiễn hình sự		15%	3,5

6.16. Luật Tố tụng dân sự

- Tên học phần: LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ (CIVIL PROCEDURAL LAW)

- Mã học phần: LAW31012

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần Luật tố tụng dân sự là môn cơ sở ngành của chương trình đào tạo Luật, cung cấp kiến thức thuộc lĩnh vực tố tụng dân sự. Học phần Luật tố tụng dân sự nghiên cứu về các vấn đề pháp lý cũng như trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại tòa án phục vụ cho quá trình nghiên cứu, làm việc sau này của sinh viên. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các vấn đề của xã hội để từ đó giúp người học có cái nhìn tổng quát và đầy đủ về lĩnh vực tố tụng dân sự.

Kỹ năng mà người học thực hiện trong học phần là kỹ năng tư duy phản biện, nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý liên quan cụ thể đến từng nội dung học trong học phần Luật tố tụng dân sự. Trong đào tạo học phần Luật tố tụng dân sự theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên ngành về Luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào hoạt động pháp lý	1.2.1	100%	3,5 {Mức 4}
2.1.1	<i>Thể hiện</i> sự trung thành với Tổ quốc, thượng tôn pháp luật, chấp hành các chính sách của Nhà nước, trung thực, thẳng thắn, cầu thị, ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người	2.1.1	100%	3,5 {Mức 4}
3.1.2	<i>Thực hiện</i> kỹ năng phản biện và phê phán trong hoạt động pháp lý	3.1.2	100%	3,5 {Mức 4}

6.17. Thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Tên học phần: Thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật
(tiếng Anh): Appraisal and verification of legal documents

- Mã số học phần: LAW30033

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần “*Thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật*” là học phần có tính ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thẩm định, thẩm tra. Đây là hoạt động có vai trò quan trọng trong quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm đánh giá chất lượng của văn bản quy phạm pháp luật nhằm tư vấn cho chủ thể có thẩm quyền trước khi thông qua. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học kỹ năng thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật trong những tình huống cụ thể

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về Thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật	1.2.2		3,4 {Mức 3}
3.2.2	<i>Lãnh đạo và hợp tác</i> trong hoạt động nhóm về thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật trong những tình huống cụ thể	3.2.2		3.4 {Mức 3}
4.2.2	<i>Tổ chức thực hiện</i> hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật	4.2.2		3.4 {Mức 2}

6.18. Lý luận về nhà nước pháp quyền

- Tên học phần: Lý luận về nhà nước pháp quyền

(tiếng Anh): Theory of the rule of law

- Mã số học phần: LAW30037

- Thuộc loại học phần: tự chọn

- Mô tả học phần: Học phần Lý luận về nhà nước pháp quyền là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học và Luật kinh tế. Học phần cung cấp khối kiến thức lý luận về nhà nước pháp quyền; lịch sử tư tưởng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam và ở các quốc gia; thực tiễn về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam và phương hướng, giải pháp thúc đẩy hiệu quả xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam trong điều kiện, yêu cầu hiện nay. Học phần có sự xâu chuỗi khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành với các học phần nghiên cứu về pháp luật thực định và tạo nền tảng về mặt phương pháp cho khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ cử nhân luật và các ngành luật chuyên ngành.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho	Trọng số	Điểm năng lực
-----	-----------------------------	--------------	----------	---------------

		PLO		cần đạt
1.1.1.1	<i>Vận dụng</i> được kiến thức đại cương về chính trị học làm nền tảng cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về nhà nước pháp quyền	1.1.1	15%	3,0
1.1.1.2	<i>Vận dụng</i> được kiến thức đại cương về kinh tế học, quản trị nhà nước tốt làm nền tảng cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về nhà nước pháp quyền		15%	3,0
1.2.2.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về hiến pháp, hành chính, tổ tụng hành chính trong nghiên cứu về nhà nước pháp quyền	1.2.2	15%	3,5
1.2.2.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về tổ chức chính quyền nhà nước trong nghiên cứu về nhà nước pháp quyền		15%	3,5
3.2.2.1	<i>Thành lập triển khai</i> các hoạt động nhóm về thực nghiệm đánh giá hiệu quả thực hiện nguyên tắc nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam	3.2.2	20%	3,5

6.19. Chính quyền địa phương

- Tên học phần: Chính quyền địa phương

(tiếng Anh): LOCAL GOVERNMENT

- Mã số học phần: LAW30020

- Thuộc loại học phần:

- Mô tả học phần: Học phần “Chính quyền địa phương” là học phần chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về lý thuyết và thực tiễn chính quyền địa phương ở Việt Nam và trên thế giới: Các mô hình chính quyền địa phương trên thế giới; Chính quyền địa phương ở Việt Nam trong lịch sử và hiện nay; Định hướng xây dựng chính quyền địa phương ở Việt Nam trong thời gian tới. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng thuyết trình, giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, và thực tiễn.

Trong đào tạo học phần Chính quyền địa phương theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về chính quyền địa phương	1.2.2		3,4 {Mức 3}
3.2.2	<i>Lãnh đạo và hợp tác</i> trong hoạt động	3.2.2		3.4 {Mức 3}

	nhóm			
4.2.2	<i>Tổ chức thực hiện</i> hoạt động pháp lý trong lĩnh vực chính quyền địa phương	4.2.2		3.4 {Mức 2}

6.20. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

- Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (The history of the Communist Party of Vietnam)

- Mã học phần: POL11004

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của các ngành đào tạo. Học phần trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	K3	<i>Giải thích</i> được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.
CLO2.1	S3	<i>Có khả năng</i> bảo vệ đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.
CLO2.2	A3	<i>Thể hiện</i> bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

6.21. Luật Thương mại

- Tên học phần: LUẬT THƯƠNG MẠI (COMMERCIAL LAW)

- Mã học phần: LAW31011

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Luật Thương mại là học phần cung cấp kiến thức ngành cho ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

- Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm NL cần đạt
1.2.1.1	Áp dụng các quy định thuộc lĩnh vực pháp luật thương mại vào hoạt động pháp lý	1.2.1	100%	2,5
2.2.2.1	Thực hiện được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý	2.2.2	100%	2,5
3.2.2.1	Lãnh đạo và hợp tác trong hoạt động nhóm	3.2.2	100%	2,5

6.22. Luật Tố tụng hình sự

- Tên học phần: Luật Tố tụng hình sự

(tiếng Anh): Criminal procedure law

- Mã số học phần: LAW31013

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Luật tố tụng hình sự là học phần cung cấp khối kiến thức cơ sở ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học và Luật kinh tế. Học phần này cung cấp hệ thống kiến thức về trình tự thủ tục giải quyết vụ án hình sự theo quy định của pháp luật (bao gồm khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử). Luật tố tụng hình sự được giảng dạy sau khi sinh viên đã hoàn thành xong học phần Luật hình sự, người học tích lũy đủ kiến thức áp dụng giải quyết được vụ án hình sự theo trình tự thủ tục luật định. Đồng thời, với học phần này, sinh viên thực hiện tuân thủ các quy tắc đạo đức cơ bản chi phối nghề luật, có kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý. Sinh viên được tiếp cận nhiều vụ án hình sự thông qua các tình huống, hồ sơ án thực tế. Bên cạnh đó, người học còn được trực tiếp tham dự các phiên tòa hình sự thực tế tại các tòa án. Đây là cơ sở để sinh viên củng cố kiến thức thông qua thực tiễn, đồng thời là trải nghiệm quý giá để sinh viên hành nghề Luật trong tương lai.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng được kiến thức về luật tố tụng hình sự để lý giải bản chất luật tố tụng hình sự và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với	1.1.2	3%	2,5

	người tham gia tố tụng			
1.1.2.2	Vận dụng các xu hướng tiếp cận nghiên cứu pháp luật hình sự và tố tụng hình sự	1.1.2	4%	2,5
1.1.2.3	Vận dụng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự để bảo vệ quyền con người thông qua các hoạt động pháp lý nói chung		4%	2,5
1.1.2.4	Vận dụng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự để bảo vệ quyền con người, bảo vệ công lý trong các phiên tòa hình sự	1.1.2	4%	2,5
3.1.2.1	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự	3.1.2	30%	2,5
3.2.1.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để phổ biến tri thức và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ trong nghiên cứu luật tố tụng hình sự	3.2.1	20%	2,5

6.23. Pháp luật đất đai và môi trường

- Tên học phần: PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI VÀ MÔI TRƯỜNG (LAND AND ENVIRONMENTAL LAWS)

- Mã học phần:

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Pháp luật về đất đai và môi trường là môn học chuyên ngành, nằm ở kỳ thứ 5 trong chương trình đào tạo ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. Học phần cung cấp kiến thức pháp luật về đất đai (chế độ sở hữu toàn dân, quản lý nhà nước về đất đai, địa vị pháp lý của người sử dụng đất) và pháp luật về môi trường (kiểm soát ô nhiễm môi trường, đánh giá môi trường, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực môi trường). Trên cơ sở đó, người học vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá các quy định pháp luật; giải quyết các khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp trong lĩnh vực đất đai và môi trường. Từ đó, góp phần hình thành kỹ năng và thái độ cần thiết cho các cử nhân ngành luật trong tương lai.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành về Luật đất đai và Luật môi trường vào hoạt	2.2.1	100%	3,5 {Mức 4}

	động pháp lý			
2.2.2	Thực hiện được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý	2.2.2	100%	3,5 {Mức 4}
3.2.1	Thành lập, tổ chức và triển khai hoạt động nhóm	3.2.1	100%	3,5 {Mức 4}

6.24. Công pháp quốc tế

- Tên học phần: CÔNG PHÁP QUỐC TẾ (PUBLIC INTERNATIONAL LAW)

- Mã học phần:

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Công pháp quốc tế là học phần cung cấp kiến thức tổng quát và chuyên sâu về hệ thống pháp luật điều chỉnh quan hệ quốc tế giữa các quốc gia, tổ chức quốc tế liên chính phủ và các chủ thể khác. Học phần Công pháp quốc tế quốc tế hình thành cho sinh viên khả năng tư duy vĩ mô về vấn đề nhà nước và pháp luật. Học phần là lựa chọn phù hợp để sinh viên có cái nhìn tổng quát về toàn cảnh mối quan hệ phong phú và phức tạp giữa các quốc gia, cũng như có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về nhà nước và hệ thống pháp luật quốc gia của Việt Nam. Trong đào tạo học phần Công pháp quốc tế theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1	Áp dụng kiến thức chuyên ngành về luật quốc tế trong hoạt động pháp lý	1.2.1	100%	3,5 {Mức 4}
3.1.2	Thực hiện kỹ năng phản biện trong hoạt động pháp lý	3.1.2	100%	3,5 {Mức 4}
4.1.1	Hiểu bối cảnh quốc tế của hoạt động pháp lý	4.1.1	100%	2,5 {Mức 3}

6.25. Luật Lao động

- Tên học phần: LUẬT LAO ĐỘNG (LABOR LAW)

- Mã học phần:

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Luật Lao động là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động. Đồng thời phát triển các kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực lao động, việc làm cho người học. Luật Lao động giúp người học trang bị các kiến thức, kỹ năng pháp lý cần thiết để tham gia vào quan hệ lao động trên thực tế.

Trong đào tạo học phần Luật lao động theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1	Áp dụng các quy định pháp luật chuyên sâu về luật dân sự, luật kinh tế trong giải quyết tranh chấp lao động	1.2.1	100%	3,5 {Mức 4}
2.2.2	Thực hiện được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý trong lĩnh vực lao động	2.2.2	100%	3,5 {Mức 4}
3.1.1	Thực hiện kỹ năng giao tiếp và tương tác trong hoạt động pháp lý về lĩnh vực pháp luật lao động	3.1.1	100%	3,5 {Mức 4}

6.26. Pháp luật về luật sư, công chứng và chứng thực

- Tên học phần: Pháp luật về luật sư, công chứng và chứng thực

(tiếng Anh): **The law on notarization and authentication**

- Mã số học phần: LAW30053

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần Pháp luật về công chứng và chứng thực là học phần đồ án trong khung chương trình đào tạo ngành Luật Hiến pháp và luật Hành chính. Thông qua học phần, người học được trang bị những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về công chứng, chứng thực; hiểu được vai trò và những hoạt động cụ thể của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện hoạt động này trong thực tiễn. Đồng thời, thông qua học phần, người học sẽ dần hình thành các kỹ năng để có thể tự tổ chức, triển khai các bước trong quy trình thực hiện công chứng một số hợp đồng, giao dịch

cụ thể và tiến hành 4 loại việc trong hoạt động chứng thực. Trong đào tạo học phần đồ án Pháp luật về công chứng và chứng thực theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
3.2.1	<i>Thành lập, tổ chức và triển khai</i> hoạt động nhóm	3.2.1	100%	3,5 {Mức 4}
4.1.1	<i>Hiểu</i> bối cảnh của hoạt động công chứng và chứng thực ở Việt Nam hiện nay	4.1.1	100%	3,0 {Mức 3}
4.1.2	<i>Hiểu</i> bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức của hoạt động công chứng và chứng thực	4.1.2	100%	3,0 {Mức 3}
4.2.1	<i>Triển khai</i> bốn hoạt động chứng thực: cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	4.2.1	100%	3,5 {Mức 4}
4.2.2	<i>Đánh giá</i> hoạt động bốn hoạt động chứng thực: cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	4.2.2	100%	3,5 {Mức 4}

6.27. Luật Tài chính

- Tên học phần: Luật Tài chính (Law on Finance)

- Mã học phần:

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Luật tài chính là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy ở kỳ học thứ 6 của chương trình đào tạo trình độ đại học. Môn học này trang bị kiến thức pháp lý về tài chính công. Kiến thức về tài chính công gồm pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật thuế. Pháp luật về ngân sách nhà nước giúp người học hiểu và đánh giá được hoạt động ngân sách nhà nước của các cơ quan quản lý Nhà nước. Đồng thời, kiến thức về thuế giúp người học hiểu về các chính sách thuế, từ đó chấp hành chính sách và thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Áp dụng kiến thức pháp luật ngân sách nhà		30%	3,0

	nước vào hoạt động pháp lý	1.2.1		
1.2.1.2	Áp dụng kiến thức pháp luật ngân sách nhà nước vào hoạt động pháp lý		70%	3,0
2.1.1	<i>Thể hiện</i> sự trung thành với Tổ quốc, thượng tôn pháp luật, chấp hành các chính sách của Nhà nước, trung thực, thẳng thắn, cầu thị, ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người	2.1.1	100%	3,0
3.2.2	<i>Lãnh đạo và hợp tác</i> trong hoạt động nhóm	3.2.2	100%	3.0

6.28. Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Thought)

- Mã học phần: POL10002

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong 5 học phần lý luận chính trị thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc của các chương trình đào tạo đại học. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ trong thực tiễn học tập, rèn luyện và công tác để trở thành công dân tốt, đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp, đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	K3	<i>Giải thích được</i> nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.
CLO2.1	S3	<i>Thể hiện được</i> kỹ năng tư duy logic trong học tập và thảo luận nội dung học phần.
CLO2.2	A4	<i>Thể hiện được</i> sự chuyên cần, thái độ học tập tích cực; niềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

6.29. Luật Thương mại quốc tế

- Tên học phần: LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (INTERNATIONAL TRADE LAW)

- Mã học phần: LAW31030

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần Luật thương mại quốc tế cung cấp khối kiến thức về quan hệ pháp luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia trong các lĩnh vực: thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và đầu tư. Học phần Luật thương mại quốc tế hình thành cho sinh viên khả năng tư duy vĩ mô về vấn đề pháp luật trong lĩnh vực kinh tế. Học phần là lựa chọn phù hợp để sinh viên có cái nhìn tổng quát về toàn cảnh mối quan hệ kinh tế - thương mại giữa các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa, cũng như có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về nền kinh tế của Việt Nam.

Trong đào tạo học phần Luật thương mại quốc tế theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1	Áp dụng kiến thức chuyên ngành về luật thương mại quốc tế trong hoạt động pháp lý	1.2.1	100%	3,5 {Mức 4}
3.1.2	Thực hiện kỹ năng phản biện trong hoạt động pháp lý	3.1.2	100%	3,5 {Mức 4}
4.1.1	Hiểu bối cảnh xã hội, bối cảnh quốc tế của hoạt động pháp lý	4.1.1	100%	2,5 {Mức 3}

6.30. Đăng ký và quản lý hộ tịch

- Tên học phần: Đăng ký và quản lý hộ tịch

(tiếng Anh): Civil status registration and management

Mã số học phần: LAW30015

- Thuộc loại học phần: Tự chọn

- Mô tả học phần: Môn học Đăng ký và quản lý Hộ tịch là một môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. Kiến thức và kỹ năng của môn học tạo nền tảng cơ bản cho học viên ứng dụng vào nghề nghiệp sau tốt nghiệp, đặc biệt là cán bộ công chức hộ tịch tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như giải quyết các vấn đề liên quan trong cuộc sống. Môn học được lồng ghép thành hai nội dung lớn, phần lý luận tổng quan về công tác đăng ký và quản lý hộ tịch; phần hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký hộ tịch. Môn học

có vai trò cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết khái quát về khái niệm hộ tịch, hệ thống cơ quan đăng ký và quản lý hộ tịch; việc thực hiện các quyền nhân thân cơ bản của công dân trong lĩnh vực hộ tịch; tầm quan trọng của quản lý hộ tịch, các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về nội dung, thủ tục đăng ký hộ tịch, đặc biệt cung cấp các kỹ năng thực hiện công tác đăng ký hộ tịch.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên ngành về Luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào hoạt động pháp lý trong lĩnh vực hộ tịch	1.2.1	100%	3,5 {Mức 4}
3.1.1.	<i>Thực hiện</i> được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý trong lĩnh vực hộ tịch	3.1.1	100%	3,5 {Mức 4}
3.1.1.	<i>Thực hiện</i> kỹ năng giao tiếp và tương tác trong hoạt động pháp lý trong lĩnh vực hộ tịch	3.1.1	100%	3,5 {Mức 4}

6.31. Tư pháp quốc tế

- Tên học phần: TƯ PHÁP QUỐC TẾ (PRIVATE INTERNATIONAL LAW)

- Mã học phần: LAW31020

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Tư pháp quốc tế là học phần cung cấp kiến thức tổng quát và chuyên sâu về các nguyên tắc pháp lý và quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài. Học phần Pháp luật quốc tế hình thành cho sinh viên khả năng tư duy vĩ mô về vấn đề nhà nước và pháp luật. Học phần là lựa chọn phù hợp để sinh viên có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về nhà nước và hệ thống pháp luật quốc gia của Việt Nam. Trong đào tạo học phần Tư pháp quốc tế theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1	<i>Áp dụng</i> kiến thức chuyên ngành về Tư	1.2.1	100%	3,5 {Mức

	pháp quốc tế trong hoạt động pháp lý			4}
2.2.2	<i>Thực hiện</i> năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu tình huống Tư pháp quốc tế	2.2.2	100%	3,5 {Mức 4}
3.1.2	<i>Thực hiện</i> kỹ năng phản biện trong hoạt động pháp lý	3.1.2	100%	3,5 {Mức 4}

6.32. *Pháp luật về Thanh tra, khiếu tố*

- Tên học phần: Pháp luật về Thanh tra, khiếu tố

(tiếng Anh): Law on Inspection and Complaints and denunciations

- Mã số học phần: LAW...

- Thuộc loại học phần: Tự chọn

- Mô tả học phần: Học phần Pháp luật về Thanh tra, khiếu tố là là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học, được giảng dạy chuyên sâu dưới góc độ làm rõ kiến thức pháp luật về thanh tra, khiếu tố và thực hiện kỹ năng khiếu nại, tố cáo. Học phần Pháp luật về Thanh tra, khiếu tố được thiết kế nhằm đảm bảo cho sinh viên vận dụng kiến thức để hiểu rõ những nội dung cơ bản của pháp luật về tổ chức bộ máy thanh tra, hoạt động thanh tra; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Sinh viên có khả năng làm việc nhóm để phối hợp giải quyết các tình huống pháp lí. Bên cạnh đó, sinh viên có thể thực hành khiếu nại, tố cáo và đánh giá các hoạt động pháp lý, cụ thể là hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên ngành về Luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào hoạt động pháp lý trong lĩnh vực thanh tra, khiếu tố	1.2.1	100%	3,5 {Mức 4}
3.1.1.	<i>Thực hiện</i> được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý trong lĩnh vực thanh tra, khiếu tố	3.1.1	100%	3,5 {Mức 4}
3.1.1.	<i>Thực hiện</i> kỹ năng giao tiếp và tương tác trong hoạt động pháp lý trong lĩnh vực thanh tra, khiếu tố	3.1.1	100%	3,5 {Mức 4}

6.33. Lý luận và pháp luật về quyền con người

- Tên học phần: Lý luận và pháp luật về quyền con người

(Anh): Theory and law on human rights

- Mã số học phần: LAW...

- Thuộc loại học phần:

- Mô tả học phần: Học phần “Lý luận và pháp luật về quyền con người” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học. Học phần này nhằm trang bị cho học viên các kiến thức về lý luận, pháp luật và thực tiễn đảm bảo quyền con người: Lịch sử hình thành tư tưởng chính trị - pháp lý về quyền con người; Bản chất quyền con người; Quy chế pháp lý về quyền con người; Nghĩa vụ của quốc gia trong đảm bảo quyền con người; Pháp luật quốc tế và quốc gia về quyền con người; Các cơ chế đảm bảo quyền con người; Quan điểm, chính sách của Việt Nam về quyền con người. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng để lĩnh hội kiến thức về quyền con người. Bên cạnh đó, thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và kỹ năng hợp tác để giải quyết các vấn đề trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.1.1	Vận dụng được kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển tư tưởng chính trị-pháp lý về quyền con người để lý giải bản chất quyền con người và mối quan hệ giữa quyền con người với một số phạm trù khác	1.1.1	15%	3,5
1.1.1.2	Vận dụng các xu hướng tiếp cận đa ngành để nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền con người	1.1.1	15%	3,5
1.1.1.3	Vận dụng các xu hướng tiếp cận đa ngành để nghiên cứu những vấn đề pháp lý về quyền con người	1.1.1	15%	3,5
2.1.1.1	Thể hiện sự tôn trọng quyền con người góp phần xây dựng nền văn hóa quyền con người	2.1.1	5%	,5
2.1.1.2	Thể hiện sự tôn trọng quyền con người góp phần bảo vệ công lý và quyền con người, gìn giữ hòa bình và an ninh toàn cầu	2.1.1	5%	3,5
2.1.2.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật và trách nhiệm nghề nghiệp trong việc nghiên cứu về quyền con người	2.1.2	5%	3,5

2.1.2.2	<i>Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động pháp lý góp phần bảo vệ, thúc đẩy và phát triển quyền con người</i>	2.1.2	5%	3,5
3.1.1.1	<i>Thực hiện kỹ năng giao tiếp và tương tác trong hoạt động nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quyền con người</i>	3.1.1	5%	3,5
3.1.1.2	<i>Thực hiện kỹ năng giao tiếp và tương tác trong hoạt động pháp lý nhằm bảo vệ quyền con người</i>	3.1.1	5%	3,5
4.2.2.1	<i>Tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý về quyền con người trong lĩnh vực Luật Hiến pháp</i>	4.2.2	10%	3,5
4.2.2.2	<i>Tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý về quyền con người trong các lĩnh vực pháp luật Hành chính, Hình sự, Dân sự,...</i>	4.2.2	10%	3,5

6.34. Thực tập và Đồ án tốt nghiệp

- Tên học phần: Thực tập và Đồ án tốt nghiệp

(tiếng Anh): Experience and Graduation Project

- Mã số học phần: LAW31031

- Thuộc loại học phần: Bắt buộc

- Mô tả học phần: Đồ án tốt nghiệp và thực tập ngành Luật là học phần cuối cùng của Chương trình đào tạo ngành Luật. Đồ án tốt nghiệp trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tổng quát về quy trình thực hiện một số hoạt động pháp lý thực tế. Đồ án tốt nghiệp nhằm kiểm tra người học việc nắm vững những kiến thức, kỹ năng thể hiện được phẩm chất, thái độ được tích lũy trong suốt quá trình học để vận dụng vào thực hiện hoạt động pháp lý thực tế thông qua:

- Ứng xử thể hiện trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp,
- Ứng xử thể hiện trách nhiệm trong việc thúc đẩy công lý phục vụ cộng đồng
- Tư duy pháp lý trong lĩnh vực pháp lý
- Tư duy phản biện trong lĩnh vực pháp lý
- Khả năng nghiên cứu khoa học
- Kỹ năng soạn thảo, rà soát văn bản
- Khả năng hoạt động nhóm
- Khả năng hiểu bối cảnh xã hội, nghề nghiệp và tổ chức hoạt động pháp lý
- Khả năng trong việc hình thành ý tưởng, thực hiện và đánh giá khả năng thực hiện hoạt động pháp lý.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng	Trọng	Điểm
-----	-----------------------------	------	-------	------

		góp cho PLO	số	năng lực cần đạt
1.1.1.1	<i>Vận dụng</i> được kiến thức đại cương về kinh tế, chính trị học làm nền tảng cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về nhà nước pháp quyền	1.1.1	20%	3,0
1.2.2.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về hiến pháp, hành chính, tổ tụng hành chính, tổ chức chính quyền nhà nước trong nghiên cứu về nhà nước pháp quyền	1.2.2	20%	3,5
3.2.2.1	<i>Thành lập triển khai</i> các hoạt động nhóm về thực nghiệm đánh giá hiệu quả thực hiện nguyên tắc nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam	3.2.2	20%	3,5
4.1.2.1	<i>Hiểu</i> bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức của hoạt động pháp lý	4.1.2	20%	3,0
4.2.2.1	<i>Tổ chức thực hiện</i> hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4.2.2	20%	4,0

6.35. Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam

- Tên học phần: Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam

(tiếng Anh): State history and Vietnamese law

- Mã số học phần: LAW20025

- Thuộc loại học phần: Tự chọn

- Mô tả học phần: Học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật trong nhiều năm qua là môn học cơ bản trong khung chương trình đào tạo đại học của Khoa Luật, trường Đại học Vinh cũng như nhiều cơ sở đào tạo ngành Luật khác trong cả nước. Môn học trình bày những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam qua các thời kỳ như: Thời kỳ Hùng Vương, thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ Ngô - Đinh - Tiền Lê, thời kỳ Lý - Trần - Hồ, Thời kỳ Lê sơ, Thời kỳ nội chiến phân liệt, thời kỳ nhà Nguyễn. Trong đó học phần sẽ chú trọng phân tích hai thời kỳ mà nhà nước và pháp luật Việt Nam rất phát triển và có nhiều ảnh hưởng đến nhà nước, pháp luật và xã hội Việt Nam hiện nay. Đó là bộ máy nhà nước thời kỳ Lê sơ và bộ luật Hồng Đức; bộ máy nhà nước thời kỳ nhà Nguyễn và bộ luật Gia Long. Có thể khẳng định đây là môn học cung cấp kiến thức cơ sở ngành cơ bản, cần thiết cho các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học và Luật kinh tế.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm NL cần đạt
1.1.1.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức về tâm lý học, xã hội học, lịch sử - văn hóa để hiểu về lịch sử Nhà nước & pháp luật Việt Nam	1.1.1	35%	3,0
1.2.2.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức về Lịch sử Nhà nước và pháp luật để hiểu rõ các mô hình nhà nước và pháp luật qua các triều đại phong kiến Việt Nam	1.2.2	35%	3,5
3.2.2.1	<i>Thành lập, tổ chức và triển khai</i> hoạt động nhóm gắn với việc tiếp cận nghiên cứu các vấn đề về Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	3.2.2	30%	3,5

6.36. Tiến trình lịch sử Việt Nam

- Tên học phần: Tiến trình Lịch sử Việt Nam (*Progress of Vietnam History*)
- Mã học phần: HIS20004
- Thuộc loại học phần: tự chọn
- Mô tả học phần: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của Lịch sử Việt Nam. Cung cấp cho người học những nội dung có liên quan đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay
- Chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ giảng dạy
G1.	G1.1. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay.	I, T
	G1.2. Giúp người học hiểu được việc phân ý lịch sử qua từng thời kỳ, giai đoạn	I
G2.	G2.1. Phát triển khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử	I, T
	G2.2. Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề lịch sử.	I, T
G3.	G3.1. Giáo dục người học lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc	T, U
	G3.2. Giáo dục người học ý thức sống có trách nhiệm với đất nước, với cuộc sống hiện tại	T, U

6.37. Lịch sử văn minh thế giới

- Tên học phần: Lịch sử văn minh thế giới (World Civilization History)
- Mã học phần: HIS20003
- Thuộc loại học phần: tự chọn
- Mô tả học phần: Học phần Lịch sử văn minh thế giới thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối ngành Sư phạm xã hội. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và thành tựu của văn minh nhân loại qua các thời kỳ lịch sử. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, giải quyết những vấn đề trong nghiên cứu tri thức về lịch sử, văn hóa văn minh thế giới. Ngoài ra, môn học còn giúp rèn luyện các kỹ năng cần thiết như giao tiếp và làm việc nhóm đáp ứng yêu cầu của xã hội.
- Chuẩn đầu ra học phần:

Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
PLO 1.1.2	<i>Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội - nhân văn</i>			
CLO1.1	K3	Phân tích được các kiến thức về lịch sử văn minh thế giới	Thuyết giảng Thảo luận Làm việc nhóm	Thi tự luận cuối kỳ
CLO1.2	K3	Áp dụng kiến thức chuyên sâu về lịch sử văn minh thế giới trong các hoạt động chuyên môn	Thuyết giảng Thảo luận Làm việc nhóm	
PLO 2.1.2.	<i>Áp dụng kỹ năng tự học, tự chủ và trách nhiệm</i>			
CLO2.1.	S2	Vận dụng kiến thức đã học để làm chủ khả năng tự học; tự chủ và trách nhiệm	Bài tập cá nhân	Bài tập cá nhân Hồ sơ học phần
PLO. 3.1.1.	<i>Thực hiện kỹ năng hợp tác</i>			
CLO3.1	S2	Thực hiện kỹ năng hợp tác trong các hoạt động chuyên môn.	Làm việc nhóm	Bài tập nhóm Hồ sơ học phần
PLO. 3.1.2	<i>Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm</i>			
CLO3.2	S2	Thực hiện làm việc nhóm theo để giải quyết các chủ đề về văn minh nhân loại	Làm việc nhóm	Bài tập nhóm Hồ sơ học phần

6.38. Giáo dục pháp luật thực hành (CLE)

- Tên học phần: Giáo dục pháp luật thực hành (CLE)

(tiếng Anh): Clinical Legal Education

- Mã số học phần:

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Giáo dục pháp luật thực hành là học phần đồ án cung cấp khối kiến thức cơ sở ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật. Học phần này trang bị cho sinh viên luật kiến thức, kỹ năng thực hành và các giá trị để rèn luyện đạo đức nghề luật thông qua việc thực hiện các dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí tại văn phòng thực hành luật hoặc tham gia các hoạt động tuyên truyền, giảng dạy pháp luật cho cộng đồng. Để thực hiện được các hoạt động thực hành nghề nghiệp này, sinh viên phải tìm hiểu các kiến thức pháp luật, nghiên cứu hồ sơ, đánh giá, phân tích, tổng hợp thông tin..., đây là các kỹ năng cần thiết để học tập, nghiên cứu theo chương trình đào tạo ngành luật cũng như để hành nghề luật trong tương lai.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
2.1.2.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động tư vấn pháp luật và tuyên truyền, phổ biến pháp luật cộng đồng	2.1.2	100%	3,0 {Mức 3}
3.1.1.1	Hoàn thiện kỹ năng giao tiếp bằng lời nói trong hoạt động tư vấn pháp luật và tuyên truyền, phổ biến pháp luật cộng đồng	3.1.1	100%	3,5 {Mức 4}
3.2.1.1	<i>Thành lập, tổ chức và triển khai</i> hoạt động nhóm	3.2.1	100%	3,0 {Mức 3}
3.2.2.1	<i>Lãnh đạo và hợp tác</i> trong hoạt động nhóm	3.2.2	100%	3,0 {Mức 3}
4.2.1.1	Thực hiện hình thành ý tưởng hoạt động tư vấn pháp luật và tuyên truyền phổ biến pháp luật cộng đồng.	4.2.1	100%	3,0 {Mức 3}
4.2.2.1	Tổ chức, thực hiện hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật cộng đồng.	4.2.2	100%	3,0 {Mức 3}

3.8.39. Kinh tế vĩ mô

- Tên học phần: Kinh tế vĩ mô

- Mã số học phần: ECO21004

- Thuộc loại học phần: bắt buộc

- Mô tả học phần: Học phần Kinh tế vĩ mô là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp các nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô về sự vận động của nền kinh tế tổng thể, gồm các biến số như: thu nhập quốc dân, lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng kinh tế, lãi suất, cán cân thanh toán, tỷ giá,... và cơ chế hoạt động của các thị trường trong nền kinh tế. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích các biến số, chính sách kinh tế vĩ mô trong thực tế.

- Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1: Nhận biết được khái niệm, phân loại các vấn đề của kinh tế vĩ mô
 CLO1.2: Trình bày được cách thức đo lường các chỉ tiêu của kinh tế vĩ mô
 CLO2.1: Hiểu được các thành tố cấu thành và các yếu tố ảnh hưởng đến cung, cầu trên các thị trường
 CLO2.2: Hiểu được nguyên lý cân bằng trên các thị trường
 CLO2.3: Hiểu được các biến động kinh tế và nguyên nhân gây ra biến động kinh tế
 CLO3.1: Vận dụng đặc điểm và thành phần các biến số kinh tế vĩ mô trong mô hình và thị trường cụ thể
 CLO3.2: Áp dụng được các chính sách, công cụ vào điều tiết nền kinh tế vĩ mô
 CLO3.3: Tính toán được các bài toán xác định điểm cân bằng trên các thị trường
 CLO4.1: Lý giải được nguyên nhân gây ra biến động các biến số kinh tế vĩ mô
 CLO4.2: Lập được đồ thị biểu diễn các mô hình, các thị trường trên hệ trục tọa độ và phân tích hành vi, việc ra quyết định định của nền kinh tế

3.8.40. Tâm lý học đại cương

- Tên học phần: TÂM LÝ HỌC (PSYCHOLOGY)

- Mã học phần: EDU20004

- Thuộc loại học phần: tự chọn

- Mô tả học phần: Học phần Tâm lý học có vị trí rất quan trọng trong Chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần Tâm lý học trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề chung của tâm lý học, về các hiện tượng cơ bản của đời sống tâm lý, nhân cách và sự phát triển tâm lý qua các lứa tuổi, cơ sở tâm lý học của quá trình dạy học và giáo dục, một số vấn đề về nhân cách người thầy giáo; giúp người học hình thành kỹ năng và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, giúp sinh viên có cơ sở để tiến hành những phương pháp dạy học phù hợp, có những biện pháp tác động giáo dục học sinh hiệu quả.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR	TĐNL CĐR	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh
------------	---------------------	---------------------------	--------------------------------	-----------------------------

				giá
CLO1.1	K3	Hiểu những vấn đề cơ bản về khoa học tâm lý	Thuyết trình, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.3
CLO1.2	K3	Hiểu cơ sở tâm lý của sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách.	Thuyết trình, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.3
CLO1.3	K3	Hiểu được mối quan hệ giữa nhận thức - tình cảm - ý chí trong hành động và cuộc sống con người.	Thuyết trình, tự học	Câu hỏi TNKQ A2.1
CLO1.4	K3	Hiểu nguyên lý, quy luật của sự phát triển tâm lý, các đặc điểm tâm lý cơ bản của mỗi giai đoạn lứa tuổi trong sự phát triển của trẻ em.	Thuyết trình, thảo luận, tự học	Câu hỏi TNKQ A2.1
CLO1.5	K3	Hiểu được cơ sở tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục.	Thuyết trình, thảo luận, tự học	Câu hỏi TNKQ A2.1
CLO1.6	K3	Hiểu được cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, tự học	Câu hỏi TNKQ A2.1
CLO2.1	S2	Thực hiện đánh giá tâm lý học sinh trong dạy học và giáo dục	Làm việc nhóm, tự học	Sản phẩm nhóm A1.2
CLO2.2	S2	Thực hiện được việc rèn luyện các phẩm chất và năng lực sư phạm	Bài tập cá nhân	Bài tập cá nhân A 1.1
CLO3.1	S2	Phân tích, đánh giá được về mặt tâm lý các tình huống nảy sinh trong quá trình sư phạm.	Làm việc nhóm, tự học	Sản phẩm nhóm A1.2

3.8.41. Cơ chế bảo vệ hiến pháp

- Tên học phần: Cơ chế bảo vệ hiến pháp

(tiếng Anh): CONSTITUTIONAL PROTECTION MECHANISM

- Mã số học phần: LAW.....

- Thuộc loại học phần: tự chọn

- Mô tả học phần: Học phần Cơ chế bảo vệ Hiến pháp là học phần chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về lý thuyết và thực tiễn về cơ chế bảo vệ hiến pháp: Khái quát chung về cơ chế bảo vệ Hiến pháp,

các. Bên cạnh đó, học phần còn rèn luyện cho sinh viên có khả năng đánh giá, phân tích và giải quyết tình huống về trình tự thủ tục Bảo hiến. Trong đào tạo học phần Cơ chế bảo vệ Hiến pháp theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu đào tạo của học phần có sự gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, thể hiện sự logic, liên tục và cần thiết đối với sinh viên.

- Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về cơ chế bảo vệ hiến pháp	1.2.2 3.2.2	100%	3.5
3.2.2	Lãnh đạo và hợp tác trong hoạt động nhóm		100%	3.5
4.2.2	Hình thành ý tưởng về hoạt động pháp lý trong cơ chế bảo vệ hiến pháp năm 2023	4.2.2	100%	4.0

3.8.42. Khoa học quản lý

- Tên học phần: Khoa học quản lý

- Mã số học phần: POL30032

- Thuộc loại học phần: tự chọn

- Mô tả học phần: Học phần có 3 tín chỉ, được kết cấu gồm 6 chương, thể hiện những nội dung cơ bản của khoa học quản lý, những quy luật, phạm trù, nguyên tắc, phương pháp quản lý cốt lõi phù hợp và đang được vận dụng trong thể chính trị Việt Nam hiện nay. Học phần giúp sinh viên có hiểu biết tổng quát về quản lý và nghệ thuật lãnh đạo, quản lý để có thể vận dụng vào quá trình thực tiễn.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	TĐNL	Mô tả CĐR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	2.5	Trình bày được khái niệm quản lý và môi trường quản lý	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	2.5	Hiểu được các nguyên tắc và phương pháp quản lý Hiểu được chức năng và vai trò của thông tin trong quản lý	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO2.1	3	Thể hiện ý thức trách nhiệm	Thảo luận	Quan sát

		và quyết tâm thực hiện sự công bằng		
CLO2.2	3.5	Hình thành kỹ năng phát hiện vấn đề; tìm, sắp xếp, đọc tài liệu nghiên cứu	Tự học	Hồ sơ học phần
CLO3.1	3	Thể hiện khả năng phối hợp với các cá nhân và tổ chức thuộc các ngành liên quan đến vấn đề quản lý	Làm việc nhóm	Quan sát Hồ sơ học phần
CLO4.1	3	Giải thích các nguyên tắc và phương pháp trong quản lý ở Việt Nam	Thuyết trình	Tự luận
CLO4.2	3.5	Áp dụng nguyên tắc và phương pháp quản lý ở Việt Nam hiện nay	Nghiên cứu tình huống	Tự luận

3.8.43. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

- Tên học phần: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
- Mã số học phần: SMT30014
- Thuộc loại học phần: tự chọn
- Mô tả học phần: *Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam* là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này cung cấp một số kiến thức chuyên sâu về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, như: tổng quan về hội nhập kinh tế quốc tế; các tổ chức kinh tế quốc tế nổi bật hiện nay; thực tiễn hội nhập kinh tế của Việt Nam (quá trình hội nhập, thành tựu, hạn chế, thời cơ, thách thức và giải pháp đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam)... Trên cơ sở đó, môn học trang bị kiến thức và một số kỹ năng cần thiết cho sinh viên để phục vụ công việc trong tương lai.
- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Mức độ năng lực	Mô tả CDR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Giải thích</i> được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt	Thuyết trình	Tự luận

		Nam.		
CLO2.1	S3	<i>Thể hiện kỹ năng</i> phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.	Thảo luận	- Bài tập nhóm; - Tự luận
CLO3.1	S3	<i>Thể hiện khả năng</i> tự học, tự rèn luyện, tự chủ trong quá trình khám phá tri thức.	Tự học	Quan sát
CLO4.1	C3	<i>Phân tích</i> bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước	Làm việc nhóm	Tự luận

3.8.44. Phân cấp quản lý hành chính nhà nước

- Tên học phần: Phân cấp quản lý hành chính nhà nước

(tiếng Anh): Decentralization of state administrative management

- Mã số học phần: LAW...

- Thuộc loại học phần: tự chọn

- Mô tả học phần: Học phần “Phân cấp quản lý hành chính nhà nước” là học phần chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về tổ chức bộ máy nhà nước; thiết lập nguyên tắc quản trị, quản trị tốt nhà nước; mối quan hệ giữa các cấp chính quyền trong quản lý hành chính nhà nước từ thực tiễn Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng thuyết trình, giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, và thực tiễn.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực
1.1.1.1	<i>Vận dụng</i> được kiến thức đại cương về chính trị học làm nền tảng cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về tổ chức bộ máy nhà nước	1.1.1	15%	3,0
1.1.1.2	<i>Vận dụng</i> được kiến thức đại cương về kinh tế học, quản trị nhà nước tốt làm nền tảng cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về tổ chức bộ máy nhà nước		15%	3,0

1.2.2.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về hiến pháp, hành chính, tổ tụng hành chính trong nghiên cứu về phân cấp quản lý hành chính nhà nước	1.2.2	15%	2,5
1.2.2.3	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về tổ chức chính quyền nhà nước trong nghiên cứu về phân cấp quản lý hành chính nhà nước		15%	3,5
3.2.2.1	<i>Thành lập triển khai</i> các hoạt động nhóm về thực nghiệm đánh giá hiệu quả mô hình tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tại địa phương	3.2.2	20%	3,5
3.2.2.2	<i>Thành lập triển khai</i> các hoạt động nhóm về xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước tại địa phương		20%	3,5

3.8.45. Văn hoá công sở và đạo đức công vụ

- Tên học phần: Văn hoá công sở và đạo đức công vụ
- Mã số học phần: SMT30010
- Thuộc loại học phần: tự chọn

- Mô tả học phần: *Văn hóa công sở và đạo đức công vụ* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành dùng cho sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Đây là học phần bắt buộc, được giảng dạy ở học kỳ VI theo khung chương trình đào tạo các học phần chuyên ngành của trường Đại học Vinh. Học phần gồm 3 tín chỉ, bao gồm các vấn đề lý luận chung về văn hóa công sở, đạo đức công vụ; nội dung và biện pháp xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay. Học phần nằm trong tổng thể chương trình đào tạo giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức, kỹ năng đạt chuẩn theo yêu cầu tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy hành chính Nhà nước hiện hành. Trong phạm vi nghiên cứu học phần, các nội dung đều dựa trên các văn bản, quy chế, quy định về văn hóa công sở, đạo đức công vụ của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam.

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	TĐNL	Mô tả CDR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.0 (3.0)	Hiểu, vận dụng được kiến thức về văn hóa công sở và đạo đức công vụ vào quá trình liên hệ thực tiễn, thảo luận, hoạt động nhóm, tự	Thuyết trình Thảo luận	Trắc nghiệm Tự luận

		học, rèn luyện ý thức xây dựng văn hóa, đạo đức cá nhân đáp ứng yêu cầu của văn hóa công sở và đạo đức công vụ.		
CLO2.1	3.0 (3.0)	Hình thành kỹ năng phát hiện vấn đề; tìm, sắp xếp, đọc tài liệu nghiên cứu	Tự học	Hồ sơ học phần
CLO2.2	3.0 (3.0)	Có năng lực vận dụng kiến thức về văn hóa công sở và đạo đức công vụ trong hoạt động rèn nghề của Nhà trường, trong hoạt động nghiên cứu khoa học, làm bài tập cá nhân...	Theo dõi hoạt động ngoài giờ lên lớp	Hồ sơ học phần
CLO3.1	3.0 (3.0)	Thể hiện khả năng hợp tác nhóm để cùng giải quyết vấn đề học tập, nghiên cứu theo chủ đề; khả năng tham mưu các vấn đề phát sinh trong quá trình nghiên cứu	Làm việc nhóm trên lớp	Hồ sơ học phần
CLO4.1	3.0 (3.0)	Có năng lực phân tích vấn đề về xây dựng môi trường công sở, giao tiếp và hành xử chuyên nghiệp trong công sở và thực thi công vụ	Thảo luận	Tự luận
CLO4.2	3.5 (4.0)	Có năng lực thực hiện văn hóa công sở và đạo đức công vụ sau khi tốt nghiệp ngành đào tạo	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học phần

3.8.46. Chính sách công

- Tên học phần: Chính sách công
- Mã số học phần: POL30026
- Thuộc loại học phần: tự chọn

- Mô tả học phần: Học phần có 3 tín chỉ, được kết cấu gồm 3 chương, sau khi đã hoàn thành các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở khối ngành và cơ sở ngành. Học phần này nhằm giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về chính sách công, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách công

- Chuẩn đầu ra học phần:

CLO	TNL	Mô tả CDR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1.1	K3	Trình bày được khái niệm Chính sách công và các khái niệm liên quan; hiểu được đặc trưng các loại hình Chính sách công trên thế giới.	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO 2.1	S4	Lựa chọn phương án và thực hiện các giai đoạn trong chu trình Chính sách công ở Việt Nam	Thảo luận	Quan sát
CLO2.2	S3	Vận dụng lý luận vào thực tiễn ; Hình thành kỹ năng phát hiện vấn đề; tìm, sắp xếp, đọc tài liệu nghiên cứu	Tự học	Hồ sơ học phần
CLO 3.1	S3	Thể hiện khả năng hợp tác đa ngành liên quan đến vấn đề chính sách công	Thuyết trình	Tự luận
CLO 4.1	C3	Phân tích tác động của chính sách công đối với xã hội và ngược lại	Thuyết trình	Tự luận
CLO 4.2	C3	Phác thảo chính sách công và phân tích tính khả thi của chính sách công ở Việt Nam	Nghiên cứu tình huống	Tự luận

VI. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Giải pháp và lộ trình thực hiện

1.1. Xây dựng chương trình đào tạo

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, chúng tôi thực hiện theo các quy định hiện hành về xây dựng Chương trình đào tạo, bao gồm:

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học.

Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 13 tháng 09 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “*Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023-2030*”.

Sau khi có quyết định thành lập Tổ soạn thảo đề án, tổ đã tiến hành xây dựng dự thảo Chương trình đào tạo, có khảo sát các bên liên quan về nhu cầu đào tạo, các nội dung trong CTĐT theo các bước trong các quy định hiện hành.

Chương trình đào tạo ngành Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự được xây dựng theo định hướng năng lực tiếp cận CDIO, có đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, và Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023-2030, có đối sánh với chương trình đào tạo cùng ngành và ngành gần của các trường đại học trong nước như: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Luật Hà Nội, ... và một số trường đại học nước ngoài như: Đại học Quốc gia Singapore, Đại học Monash, Đại học Trung Văn Hồng Kông – Chinese University of Hongkong, ...

1.2. Xây dựng Đề án mở ngành

- Khảo sát nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh thành lân cận.

- Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở thực hiện quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời đối sánh với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín khác trong và ngoài nước.

- Triển khai xây dựng đề cương chi tiết theo chương trình đào tạo đã được thông qua.

- Thu thập, hệ thống toàn bộ hồ sơ về văn bằng, chứng chỉ, lý lịch khoa học của đội ngũ nhân sự và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường.

Sau khi cơ bản hoàn thành dự thảo đề án mở ngành, Hội đồng Khoa đã họp, rà soát và đề xuất danh sách Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện

đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư. Nhóm chủ trì xây dựng đề án báo cáo đã thực hiện các bước đúng quy trình, trình tự, thủ tục mở ngành Luật Dân sự và tổ tụng dân sự trình độ sau đại học theo Quyết định số 922/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Trường Đại học Vinh.

1.3. Đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng

Công tác quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học có vai trò quan trọng, góp phần cho mục tiêu đảm bảo chất lượng chung tại Trường Đại học Vinh. Để tổ chức quá trình đào tạo đại học đạt chất lượng cao đòi hỏi nhà trường phải đáp ứng tốt các điều kiện về nguồn nhân lực, vật lực và tài lực, trong đó CTĐT là một thành tố rất quan trọng. Hiện nay, các điều kiện đảm bảo chất lượng mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính đáp ứng đủ theo Quyết định số 922/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Trường Đại học Vinh. Các căn cứ pháp lý đã quy định mục tiêu, khối lượng kiến thức tối thiểu, cấu trúc, khung CTĐT đại học; Quy trình thiết kế, thẩm định và đánh giá, cải tiến CTĐT; các tiêu chuẩn để đánh giá, kiểm định chất lượng CTĐT. Đây là những căn cứ quan trọng giúp các biện pháp đề xuất mang tính thuyết phục cao hơn.

Để một CTĐT được thiết kế và vận hành đạt được chất lượng cao thì ngoài việc đảm bảo việc thiết kế CTĐT một cách khoa học, chặt chẽ thì việc đảm bảo các yếu tố về chính sách, nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, và cả việc thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng cho quá trình vận hành CTĐT là vô cùng cần thiết và quan trọng. Điều này giúp CTĐT được vận hành một cách thuận lợi, kích thích động lực làm việc của đội ngũ tham gia vào phát triển CTĐT. Vì vậy cần nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên về tầm quan trọng của CTĐT trình độ đại học, xây dựng quy định, quy trình, bộ công cụ về phát triển CTĐT trình độ đại học, nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận mới trong phát triển CTĐT đại học, thu hút các bên liên quan tham gia vào quá trình phát triển CTĐT, đảm bảo các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động phát triển CTĐT. Ngoài ra, cần trang bị các tài liệu, sách báo liên quan đến phát triển CTĐT SDH Nhà trường cần trang bị, cung cấp các tài liệu liên quan đến phát triển CTĐT để nhóm chuyên trách, thành viên các tổ soạn thảo dễ dàng tiếp cận và tham khảo trong quá trình thực hiện phát triển CTĐT. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hỗ trợ cho việc triển khai thực hiện CTĐT, thiết lập hệ thống bảo chất lượng CTĐT SDH trong nội bộ Nhà trường.

Trong lộ trình nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa Luật học và Trường Khoa học xã hội nhân văn tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng theo kế hoạch phát triển chất lượng của Trường, nhằm đáp ứng tốt hơn cho hoạt động đào tạo của ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính và các ngành đào tạo

khác của Trường.

1.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo dự kiến được đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chương trình sau 5 năm thực hiện công tác đào tạo.

Chương trình đào tạo sau khi được thiết kế và đưa vào vận hành thì cần phải tiến hành tự đánh giá, kiểm định liên tục nhằm khắc phục những hạn chế trong quá trình đào tạo; cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng ngày càng cao của thực tiễn nghề nghiệp; phù hợp với thực tiễn giáo dục trên thế giới, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT. Mục tiêu cuối cùng của hoạt động đánh giá, kiểm định CTĐT nhằm nâng cao chất lượng CTĐT, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu xã hội.

Để thực hiện kế hoạch đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT, nhà trường cần thực hiện:

- Hoàn thiện quy định về đánh giá và kiểm định CTĐT sau đại học; tổng kết, rút kinh nghiệm về kết quả đánh giá và kiểm định các chương trình đào tạo sau đại học đầu tiên (trong đó có ngành thạc sĩ Luật). Để hoạt động này được thực hiện khoa học hơn thì Trường cần xây dựng hoàn thiện quy định về đánh giá, kiểm định CTĐT đại học. Nội dung rà soát hoàn thiện gồm: Xác định mục tiêu của đánh giá, cải tiến CTĐT; thời gian thực hiện hoạt động đánh giá, cải tiến; quy trình thực hiện; trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện đánh giá, điều chỉnh; hệ thống các hồ sơ, biểu mẫu hỗ trợ... Quy định hoàn thiện này cần phải tiến hành lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan trước khi ký ban hành.

- Quy trình đánh giá, kiểm định CTĐT cần thực hiện theo các bước sau:

(1) Lập kế hoạch đánh giá, kiểm định CTĐT;

(2) Thành lập Tổ đánh giá và kiểm định CTĐT.;

(3) Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Trường về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTĐT; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...);

(4) Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển CTĐT và mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT;

(5) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Hội đồng

khoa học và đào tạo Khoa xem xét thông qua lần 1;

(6) Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT được đánh giá, kiểm định. Tiến hành hoàn chỉnh CTĐT và trình Hội đồng Khoa học Đào tạo Khoa thông qua;

- Tiến hành đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm quá trình đánh giá, kiểm định CTĐT. Tổng kết, rút kinh nghiệm cho quá trình đánh giá, kiểm định CTĐT cần phải quan tâm thực hiện để đánh giá lại những ưu điểm, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện. Đồng thời chia sẻ những kinh nghiệm giữa các Khoa về đánh giá, kiểm định CTĐT. Thông qua hoạt động này để động viên, khen thưởng những đơn vị, cá nhân thực hiện tốt quá trình điều chỉnh CTĐT.

2. Đánh giá rủi ro, giải pháp phòng ngừa và xử lý

2.1. Phân tích đánh giá rủi ro

Về khách quan: Hiện nay đã có một số trường Đại học trên cả nước đào tạo đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. Trên địa bàn, tại các trường Đại học khác trên địa bàn Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh chưa có trường nào đào tạo đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. Các rủi ro khách quan của ngành về các yếu tố tình hình kinh tế, xã hội địa phương, yêu cầu về tinh giảm bộ máy chính quyền, hệ thống chính trị, tác động các quy luật của nền kinh tế thị trường, việc làm, tiền lương, xu hướng phân luồng trong công tác đào tạo nguồn nhân lực,... nằm chung trong bối cảnh của Trường Đại học Vinh.

Về chủ quan: các khả năng rủi ro về chủ quan của Khoa Luật học, của Trường Khoa học xã hội nhân văn, như: năng lực đội ngũ giảng viên, kinh nghiệm trong công tác xây dựng CTĐT, các mối quan hệ phát triển của khoa, khả năng truyền thông, điều kiện tài chính của đơn vị,... đã được chúng tôi đánh giá, có báo cáo riêng, trong báo cáo khảo sát nhu cầu mở ngành.

2.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và khắc phục rủi ro khi mở ngành

Về khách quan: các rủi ro khách quan của ngành đã được phân tích chỉ rõ ở trên nằm chung trong bối cảnh của Trường Đại học Vinh hiện nay. Khoa Luật học, Trường Khoa học xã hội nhân văn sẽ nỗ lực thực hiện các giải pháp chung của Trường Đại học Vinh và những giải pháp đặc thù trong điều kiện của đơn vị. Trong đó khoa sẽ đầu tư, tập trung xây dựng chuẩn CTĐT, tìm phương án tối ưu trong vận hành tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo.

Về chủ quan: Để khắc phục những khó khăn, rủi ro chủ quan nêu trên chúng tôi tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau:

- Yêu cầu mỗi giảng viên có kế hoạch riêng cho tự bồi dưỡng chuyên môn để đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình của ngành đào tạo mới. Trong đó khuyến khích, có cơ chế phù hợp để giảng viên chủ động tham gia các lớp đào tạo chuyên

môn, nghiệp vụ ngắn hạn, tham gia các hội nghị, hội thảo có chuyên môn sâu về ngành (Tổ chức bộ máy nhà nước, quyền con người, cải cách hành chính...).

- Tăng cường những công trình nghiên cứu khoa học về pháp luật hiến pháp và hành chính phục vụ cho đào tạo ngành. Trong đó khuyến khích giảng viên thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật hiến pháp, hành chính; tiếp cận các đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ về lĩnh vực đào tạo chuyên ngành.

- Ngay sau khi được Nhà trường cho phép mở mã ngành, chúng tôi có kế hoạch, lộ trình quảng bá tuyển sinh với nhiều phương án khác nhau ở các địa phương, trong đó tập trung vào các tỉnh Bắc trung bộ.

- Khoa sẽ có những biện pháp phù hợp hơn trong điều kiện hiện nay để chăm sóc, hỗ trợ người học. Trong đó đặc biệt quan tâm đến hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kết nối với các đơn vị tuyển dụng để định hướng, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên.

- Trong trường hợp rủi ro bị đình chỉ hoạt động, có thể xử lý theo các hướng như sau:

Đối với đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên khoa Khoa Luật học và Luật kinh tế hiện nay đang tham gia giảng dạy các học phần cho chương trình đào tạo bậc Đại học ngành Luật, Luật Kinh tế, một số học phần chung như Luật Kinh tế cho các nhóm ngành bậc đại học của Trường Kinh tế và học phần Pháp luật Việt Nam của một số ngành như Giáo dục Chính trị, Quản lý hành chính nhà nước... Bên cạnh đó, cán bộ giảng dạy đồng thời tham gia giảng dạy chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lịch sử và Lý luận Nhà nước pháp luật, nên việc đình chỉ tuyển sinh của 1 ngành (nếu có) không ảnh hưởng nhiều đến định mức lao động, giờ dạy của giảng viên;

Đối với chương trình đào tạo: Ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính có thể phát triển, điều chỉnh sang các ngành gần, như Luật, Quản lý nhà nước. Các ngành này hiện đang được đào tạo tại Trường Khoa học xã hội nhân văn, Trường Đại học Vinh, có nhu cầu cao trong xã hội hiện đại và hàng năm đều tuyển sinh vượt chỉ tiêu.

3. Cam kết của cơ sở đào tạo

3.1 Cam kết về chất lượng

Chúng tôi cam kết có chất lượng và hiệu quả đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường Đại học Vinh và nhu cầu nguồn nhân sự pháp lý của xã hội.

3.2. Cam kết

Cơ sở vật chất của trường hiện có hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu cơ bản của việc giảng dạy và nghiên cứu, học tập, thực hành của học viên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. Bên cạnh các điều kiện cơ vật chất như thư viện, phòng thực hành máy tính,... người học được cấp tài khoản sử dụng phần mềm đào tạo trực tuyến để

quản lý quá trình học tập, tự tra cứu tiến độ, kế hoạch học tập, học phí, bảng biểu mẫu, các yêu cầu đối với từng cá nhân, và được hỗ trợ khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các hoạt động như Hội thảo khoa học.

Các chế độ, chính sách đối với người học được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định; tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành đúng quy chế.

Khoa Luật học kính đề nghị Trường Đại học Vinh cho phép Khoa được mở ngành đào tạo Luật Hiến pháp và Luật Hành chính trình độ đại học từ năm học 2024 - 2025 với chỉ tiêu đào tạo ban đầu là 30 sinh viên.

4. Dự toán kinh phí đào tạo

Mức học phí và lộ trình tăng học phí được thực hiện tương đương với mức học phí quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Trên cơ sở đó quy đổi từ học phí theo niên chế sang học phí thu theo tín chỉ của Trường Đại học Vinh quy định tại Quyết định Số 945/QĐ-ĐHV ngày 16 tháng 8 năm 2016 Ban hành khung học phí đại học chính quy thu theo hình thức tín chỉ của các khối ngành từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 (chương trình đào tạo đại trà). Chúng tôi tạm tính theo quy định trên là bởi hiện tại ta chưa có quy định mới từ Chính phủ, Bộ GD&ĐT áp dụng cho các năm học 2021-2022 trở đi. Cụ thể đối với năm học 2020-2021 là 390.000 đồng/tín chỉ và các năm học tiếp theo học phí được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ kế hoạch và Đầu tư thông báo và mức lương cơ bản theo quy định của Nhà nước để điều chỉnh mức học phí với dự kiến khoảng 10%/năm.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Học phí thu được (Mỗi lớp bình quân 35 sinh viên, mỗi năm 10 tháng)	SV/ lớp/ năm	35	12.870	450.450
B	Các nội dung chi	Lớp/năm	1		651.749
I	Các khoản tiền lương tiền công				312.677
1	Các khoản tiền lương tiền, công giảng viên (bình quân 2 giảng viên/lớp) và đóng góp theo lương				234.508

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.1	Lương cơ bản chưa trừ các khoản phải đóng theo lương bình quân của các giảng viên có 15 năm công tác hệ số lương 3,99	Người	2,0	76.608	153.216
1.2	Phụ cấp đứng lớp 25% lương cơ bản	Người	2,0	15.561	31.122
1.3	Phụ cấp thâm niên bình quân 15 năm công tác là 15% lương cơ bản	Người	2,0	9.337	18.674
1.4	Các khoản đóng góp theo lương do Trường học đóng 22% x (1,1+1,3)	Người	2,0	15.748	31.496
2	Các khoản tiền lương tiền công cán bộ quản lý và khối hành chính xác định bằng 25% tổng chi phí chi trả cho cán bộ, giảng viên của toàn Trường (Tức bằng 1/3 kinh phí trả cho khối giảng viên)	Lớp/năm	1,0	78.169	78.169
II	Các khoản kinh phí thu nhập tăng thêm, phúc lợi, lễ tết				93.656
1	Thu nhập tăng thêm hàng tháng của giảng viên bằng 20% lương đóng BHXH (1,1+1,3)	Lớp/năm	1,0	22.781	22.781
2	Thu nhập tăng thêm hàng tháng của cán bộ quản lý, khối hành chính bằng 1/3 khối giảng viên	Lớp/năm	1,0	7.594	7.594
3	Thu nhập tăng thêm cuối năm khối giảng viên tính bình quân 3 tháng lương cơ bản (1,1)	Lớp/năm	1,0	28.477	28.477
4	Thu nhập tăng thêm cuối năm của cán bộ quản lý, khối hành chính bằng 1/3 khối giảng viên	Lớp/năm	1,0	9.492	9.492
5	Các khoản phúc lợi khác và ngày lễ, tết tính của khối giảng viên bằng 02 tháng lương cơ bản/năm	Lớp/năm	1,0	18.984	18.984

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
6	Các khoản phúc lợi khác và ngày lễ, tết tính của cán bộ quản lý, khối hành chính bằng 1/3 khối giảng viên	Lớp/năm	1,0	6.328	6.328
III	Các khoản chi quản lý khác	Lớp/năm	1,0	34.471	34.471
IV	Các khoản chi thường xuyên như: tiền điện, nước sinh hoạt, nước uống (Có máy lọc nước), văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, báo chi truyền thông, tiếp khách, khánh tiết,....				160.945
1	Tiền VPP cho giảng viên (định mức 50.000 đồng/tháng/giảng viên, năm tính 10 tháng)	Người	2,0	500	1.000
2	Tiền văn phòng phẩm, vật rẻ tiền mau hỏng, vật tư tiêu hao trong giảng dạy (gồm cả dạy lý thuyết, dạy thực hành và thí nghiệm) cho lớp học 2.000.000 đồng/tháng/lớp	Lớp/năm	1,0	20.000	20.000
3	Tiền văn phòng phẩm cho cán bộ quản lý, khối hành chính và sinh hoạt chung toàn Trường phân bổ cho các lớp mỗi tháng tính bình quân 500.000 đồng, năm 12 tháng	Lớp/năm	1,0	6.000	6.000
4	Tiền nước mỗi ngày tính 1 lớp 01m ³ , tháng 26 m ³ , năm 10 tháng. Đơn giá 10.000 đ/m ³	m ³	260	10	2.600
5	Tiền điện bình quân mỗi lớp ngày tiêu thụ 25 KW, tháng 26 ngày, năm 10 tháng, đơn giá 2.200 đồng/Kw	Kw	6.500	2,2	14.300
6	Chi các ngày lễ, ngày hội (Khai giảng, bế giảng, ngày 20/11,...) mỗi năm bình quân 10.000.000 đồng/lớp	Lớp/năm	1,0	10.000	10.000
7	Chi hội nghị, hội thảo,... mỗi năm phân bổ bình quân 5.000.000 đồng/lớp	Lớp/năm	1,0	5.000	5.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
8	Chi khánh tiết mỗi năm phân bổ bình quân 5.000.000 đồng/lớp	Lớp/năm	1,0	5.000	5.000
9	Chi tiếp khách mỗi năm phân bổ bình quân 5.000.000 đồng/lớp	Lớp/năm	1,0	5.000	5.000
10	Chi thông tin liên lạc mỗi năm phân bổ bình quân 5.000.000 đồng/lớp	Lớp/năm	1,0	5.000	5.000
11	Tiền điện, nước sinh hoạt chung toàn trường phân bổ cho mỗi lớp 2.000.000 đồng/tháng	Lớp/năm	1,0	2.000	2.000
12	Tiền công tác phí, nghiệp vụ chuyên môn ngành của toàn Trường phân bổ mỗi lớp 5.000.000 đồng/năm	Lớp/năm	1,0	5.000	5.000
13	Tiền học bổng khuyến khích học tập chiếm 8% thu học phí	Lớp/năm	1,0	36.036	36.036
14	Tiền miễn giảm học phí chi bằng định mức học phí tính bằng 2% tổng học phí thu được		1,0	9.009	9.009
15	Chi khác mỗi năm bình quân phân bổ 5.000.000 đồng/lớp	Lớp/năm	1,0	5.000	5.000
16	Kinh phí trải nghiệm thực tế sáng tạo (mỗi tháng 01 đến 02 lần, Nhà trường chi bổ sung 3.000.000 đồng/lớp)	Lớp/năm	1,0	30.000	30.000
V	Chi Khấu hao tài sản, máy móc thiết bị				50.000
1	Khấu hao phòng học mỗi phòng rộng 80 đến 100 m ² giá trị xây dựng tính 500 triệu đồng/phòng khấu hao 20 năm	Lớp	1,0	25.000	25.000
2	Khấu hao máy móc, thiết bị, bàn ghế của phòng học tính giá trị tương đương 100 triệu đồng khấu hao 05 năm		1,0	20.000	20.000
3	Khấu hao tài sản dùng chung toàn Trường (Sân bãi, khu vực vệ sinh, hành	Lớp	1,0	5.000	5.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	lang, sân bãi TDDT,...) phân bổ cho 1 lớp tương đương 20% phòng học (=V.1 x 20%)				

5. Kiến nghị đề xuất

Toàn bộ nội dung hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo đã được đưa lên trang website của nhà trường tại địa chỉ: www.vinhuni.edu.vn

Đối chiếu với Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường KHXH&NV đã có đủ điều kiện để đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính.

Kính đề nghị Trường Đại học Vinh cho phép Trường KHXH&NV đào tạo ngành Luật Hiến pháp và Luật hành chính, trình độ đại học, mã số: **7380102**.

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHXH&NV

TM.TỔ SOẠN THẢO
TỔ TRƯỞNG

TS. Đinh Ngọc Thắng

TS. Nguyễn Văn Đại

PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TS. Hoàng Vĩnh Phú

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
LĨNH VỰC NGÀNH ĐỀ XUẤT

Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ được đội ngũ giảng viên khoa Luật học và Luật Kinh tế thực hiện song song cùng với nhiệm vụ giảng dạy. Giảng viên, nhà khoa học thuộc hai khoa đã chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Trường. Nhiều công trình nghiên cứu của các giảng viên được công bố khoa học trên các tạp chí nước ngoài và các tạp chí có uy tín trong nước thuộc lĩnh vực ngành đề xuất.

Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện

TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phân/môn học được phân công)	Ghi chú
1.	Mã số: B2019	Đề tài cấp bộ	Trợ giúp pháp lý cho người nghèo thuộc vùng 30a ở các tỉnh Bắc Trung Bộ: Thực trạng và giải pháp	TS. Đinh Ngọc Thắng					
2.	Mã số: T2018-30TĐ	Đề tài cấp trường	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức kỹ năng ngành Luật học theo tiếp cận CDIO	TS. Đinh Văn Liêm					
3.	Mã số: B2015 - 27 - 16	Đề tài cấp bộ	Giải pháp nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp dưới góc độ bảo vệ quyền của người lao động.	TS. Phạm Thị Huyền Sang					

4.	Mã số: T2014-37	Đề tài cấp trường	Chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên từ thực tiễn thực hiện tại Trường Đại học Vinh	TS. Nguyễn Văn Đại					
5.	Mã số: T2017- 44TĐ	Đề tài cấp trường	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Lý luận về Nhà nước và pháp luật tiếp cận CDIO”	TS. Nguyễn Văn Đại					
6.	Mã số: T2018- 29TĐ	Đề tài cấp trường	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Luật dân sự theo tiếp cận CDIO	TS. Phạm Thị Thuý Liểu					
7.	Mã số:T2019- 40TĐ	Đề tài cấp trường	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Luật kinh tế - quốc tế theo tiếp cận CDIO	TS. Phạm Thị Huyền Sang					
8.	Mã số: T2021- 12TĐ	Đề tài cấp trường	Nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Luật học theo tiếp cận CDIO	TS. Đinh Văn Liên					
9.	Mã số T2021	Đề tài cấp trường	“Nghiên cứu rà soát cập nhật CTĐT ngành Luật Kinh tế theo tiếp cận CDIO”	TS. Phạm Thị Huyền Sang					
10.	Mã số: T2017-	Đề tài cấp	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương	ThS. Ngô Thị					

	43TĐ	trương	pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Tự chọn 1 (Khoa học Xã hội nhân văn & Pháp luật): Pháp luật đại cương tiếp cận CDIO Mã số: T2017-43TĐ	Thu Hoài					
11.	Mã số: T2017-45TĐ	Đề tài cấp trương	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Kỹ thuật Xây dựng Văn bản hành chính thông dụng tiếp cận CDIO”.Mã số: T2017-45TĐ	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung					
12.		Đề tài cấp trương	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Chuyên ngành Luật kinh tế theo tiếp cận CDIO	ThS. Trần Thị Vân Trà					
13.	Mã số: T2016-33	Đề tài cấp trường	Hoạt động áp dụng biện pháp phòng ngừa hành chính trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	Số 1261/QĐ-ĐHV	12/12/2016	Tốt	ThS. Hồ Thị Nga TS. Tăng Thị Thanh Sang	

Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
SÁCH, GIÁO TRÌNH		
1.	Nguyễn Thị Bích Ngọc (Chủ biên), <i>Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng</i> , 2019, NXB Đại học Vinh, Nghệ An.	
2.	Nguyễn Thị Bích Ngọc (Chủ biên), <i>Lý luận và thực tiễn biện pháp phòng ngừa hành chính theo pháp luật Việt Nam</i> , Sách chuyên khảo, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2019	
3.	PGS.TS. Vũ Công Giao, TS. Đinh Ngọc Thắng (đồng chủ biên), <i>Sách Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tổ tụng</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội 2019.	
4.	Đinh Văn Liêm (Chủ biên), <i>Giáo trình “Luật Hiến pháp Việt Nam”</i> , NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2021.	
5.	TS. Đinh Văn Liêm (Chủ biên), <i>“Tổ chức và hoạt động chính quyền thành phố thuộc tỉnh ở Việt Nam”</i> , Hà Nội 2021.	
6.	TS. Nguyễn Văn Đại (chủ biên), <i>Giáo trình “Pháp luật và sự phát triển bền vững”</i> , NXB Trường Đại học Vinh, Nghệ An 2021.	
7.	TS. Hà Thị Thuý (chủ biên), TS. Phạm Thị Huyền Sang, <i>Giải thích hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam – Nghiên cứu so sánh</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội 2021	
8.	TS. Nguyễn Văn Đại (chủ biên), <i>Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã ở Việt Nam hiện nay</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2021.	
9.	TS. Hà Thị Thuý (Chủ biên), ThS. Nguyễn Văn Chiến, TS. Lê Hồng Hạnh, ThS. Nguyễn Mai Ly, TS. Nguyễn Thị Thanh Trâm <i>Phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi phía tây tỉnh Nghệ An</i> , NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2022	
10.	Phạm Thị Huyền Sang (Chủ biên), <i>Pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em và phòng, chống bạo lực học đường</i> , NXB Đại học Vinh Nghệ An, 2022	
11.	TS. Hồ Thị Hải (Chủ biên), <i>Giáo trình Luật Tài chính Việt Nam</i> , NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2023	
12.	TS. Phạm Thị Huyền Sang (Chủ biên), <i>Giáo trình Luật Kinh tế</i> , NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2023	

13.	TS. Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên), <i>Giáo trình Luật tố tụng hình sự</i> , NXB Đại học Vinh, 2023	
-----	---	--

Công bố khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước:

1.	Nguyễn Thị Thuỳ Dung (2019), “ <i>Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính</i> ”, Tạp chí Dân chủ pháp luật	Tạp chí trong nước
2.	Nguyễn Thị Thuỳ Dung (2019), <i>Bàn về khái niệm “ Biện pháp ngăn chặn hành chính”</i> , Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội	Tạp chí trong nước
3.	Hồ Thị Hải (2019), <i>Vai trò của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Dân chủ và pháp luật	Tạp chí trong nước
4.	Hồ Thị Duyên, Hồ Thị Hải (2019); <i>Đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về quy trình giám sát doanh nghiệp nhà nước với các khuyến nghị của OECD và một số đề xuất</i> , Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu	Tạp chí trong nước
5.	Hồ Thị Hải (2019), <i>Thẩm quyền giám sát vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo pháp luật Việt Nam</i> , Tạp chí Công thương	Tạp chí trong nước
6.	Lê Hồng Hạnh (2019), <i>Giao đất xây dựng nhà ở thương mại – Một số bất cập về căn cứ giao đất, điều kiện giao đất</i> , Tạp chí Nhà nước và Pháp luật.	Tạp chí trong nước
7.	Lê Hồng Hạnh (2019), <i>Các phương thức giao đất để đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của Pháp Luật Việt Nam</i> ,Tạp chí Tòa án	Tạp chí trong nước
8.	Hồ Trọng Hữu (2019), <i>Nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội theo Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015</i> , Tạp chí Giáo dục và Xã hội	Tạp chí trong nước
9.	Ngô Thị Thu Hoài (2019), <i>Quyền sống trong pháp luật phong kiến Việt Nam</i> ,Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội	Tạp chí trong nước
10.	Phan Nữ Hiền Oanh (2019), <i>Vận dụng các nguyên tắc IRC vào việc hoàn thiện pháp luật về bảo toàn tài sản doanh nghiệp mất khả năng thanh toán</i> , Tạp chí Pháp luật và phát triển	Tạp chí trong nước
11.	Ngũ Thị Như Hoa, Nguyễn Thị Phương Thảo (2019), <i>Xác định bị đơn trong trường hợp người chưa thành niên gây ra thiệt hại</i> , Tạp chí Công thương	Tạp chí trong nước
12.	Nguyễn Văn Đại (2019), <i>Áp dụng án lệ trong xét xử các vụ án dân sự, tư thực tiễn của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai</i> , Tạp chí Tòa án nhân dân Điện tử	Tạp chí trong nước
13.	Nguyễn Thị Phương Thảo (2019), <i>Rủi ro pháp lý đối với góp vốn thành lập công ty bằng quyền sở hữu trí tuệ và giải pháp phòng ngừa</i> , Tạp chí Dân chủ và Pháp Luật	Tạp chí trong nước

14.	Trần Thị Vân Trà (2019), <i>Quy định về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và giải pháp hoàn thiện</i> , Tạp chí dân chủ và pháp luật	Tạp chí trong nước
15.	Trần Thị Vân Trà (2019), <i>Trách nhiệm hình sự do vi phạm pháp luật về kiểm dịch động, thực vật</i> , Tạp chí Tòa án nhân dân	Tạp chí trong nước
16.	Nguyễn Thị Thanh Trâm (2019), <i>Bàn về khái niệm quyền con người trong thi hành án phạt tù</i> , Tạp chí nhân lực khoa học xã hội	Tạp chí trong nước
17.	Nguyễn Thị Thanh Trâm (2019), <i>Bảo đảm quyền con người trong thi hành hình phạt tù thông qua hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát</i> , Tạp chí Công thương	Tạp chí trong nước
18.	Cao Thị Ngọc Yến (2020), <i>Ảnh hưởng của phương tiện truyền thông đại chúng trong kiểm soát quyền lực Nhà nước ở Việt Nam</i> , Tạp chí Công thương	Tạp chí trong nước
19.	Đinh Thị Mai; Đinh Ngọc Thắng ; Bùi Phương Quỳnh; Nguyễn Anh Đức (2020), “ <i>Corporate criminal liability on environmental crimes in Vietnam</i> ”, Corporate Criminal liability, E3S Web of Conferences 203,03014 (2020)	Tạp chí nước ngoài
20.	Phạm Thị Huyền Sang Nguyen Thi Minh Phuong, Nguyen Van Song, Tran Quang Bach (2020), <i>Impacts of corporate social responsibility toward employees on employee motivation in enterprises: A case study in Vietnam</i> , Management Science Letters Vol 10 Issue 11, Pg 2543-2552. DOI: 10.5267/j.msl.2020.3. 041 (Scopus Q2),ISSN 1923-9343	Tạp chí nước ngoài
21.	Phạm Thị Huyền Sang , Nguyen Van Song, Nguyen Thi Minh Phuong, Tran Thi Hoang Mai, Nguyen Thi Hai Yen (2020), <i>Livelihood Capital And Poverty Of The Regional People. Depending On Forestry: Experimental Research In Vietnam</i> , LAP LAMBERT academic publishing, ISBN-13:978-620-2-79873-0, ISBN-10:6202798734, EAN: 9786202798730;	Tạp chí nước ngoài
22.	Phạm Thị Huyền Sang , Võ Thành Đạt (2020), <i>Private Economy Development in Vietnam: Strengthening Corporate Competitiveness through Corporate Social Responsibility performance</i> , E3S Web of Conferences (Vol. 210, p. 13015), EDP Sciences, 2020 (Scopus Q3);	Tạp chí nước ngoài
23.	Phạm Thị Huyền Sang , Đỗ Thị Tươi (2020), <i>The Impact of</i>	Tạp chí nước

	<i>Collective Bargaining on the Income of Employees: An Empirical Study in Vietnam</i> , The Journal of Asian Finance, Economics and Business 8.5(2021): 873-884. (Scopus Q2)	ngoài
24.	Nguyễn Thị Thanh Trâm (2020), <i>Chế độ lao động, học nghề của phạm nhân theo pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Dân chủ và pháp luật	Tạp chí trong nước
25.	Phan Nữ Hiền Oanh (2020), <i>Xử lý hợp đồng đang có hiệu lực của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán theo pháp luật phá sản</i> , Tạp chí Dân chủ & Pháp luật	Tạp chí trong nước
26.	Nguyễn Thị Mai Trang (2020), <i>Quyền tự do ngôn luận – Một số vấn đề cần quan tâm về hành vi vi phạm an ninh mạng trong thời gian dịch bệnh Covid -19</i> , Tạp chí công thương	Tạp chí trong nước
27.	Bùi Hạnh Phúc (2020), <i>Bảo đảm quyền của bị can chưa thành niên trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự</i> , Tạp chí công thương	Tạp chí trong nước
28.	Hà Thị Thúy (2020), <i>Đánh giá và đề xuất diễn giải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về giao kết, thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng</i> , Tạp chí Nhà nước và pháp luật	Tạp chí trong nước
29.	Nguyễn Văn Đại (2020), <i>Tư duy đào tạo cư dân luật: Thực trạng và tiếp tục đổi mới</i> , Tạp chí khoa học - Trường Đại học Vinh	Tạp chí trong nước
30.	Đinh Văn Liêm (2020), <i>Mô hình phân cấp, phân quyền ở một số nước Châu Âu và kinh nghiệm ở Việt Nam</i> , Tạp chí Giáo dục và Xã hội.	Tạp chí trong nước
31.	Đinh Văn Liêm (2020), <i>“Vận dụng tư tưởng Hồ chí minh về giáo dục và phổ biến pháp luật trong tình hình hiện nay”</i> , Tạp chí Giáo dục và Xã hội	Tạp chí trong nước
32.	Nguyễn Thị Hà, Đoàn Minh Trang (2020), <i>Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng hành chính</i> , Tạp chí Tòa án nhân dân.	Tạp chí trong nước
33.	Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Vân Quỳnh (2020), <i>Mô hình thừa phát lại một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam</i> , Tạp chí Tòa án nhân dân.	Tạp chí trong nước
34.	Nguyễn Thị Mai Anh, Nguyễn Văn Đại (2020), <i>“Phân cấp quản lý nhà nước giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương”</i> , Tạp chí công thương.	Tạp chí trong nước
35.	Đinh Ngọc Thắng (2020), <i>Đổi mới phương pháp đào tạo cư dân luật theo hướng tiếp cận năng lực</i> , Tạp chí Khoa học	Tạp chí trong nước

	trường Đại học Vinh.	
36.	Nguyễn Văn Dũng (2021), <i>Right to a fair trial in criminal and some solutions to ensure the right to a fair proceedings trial in Vietnam today</i> , Tạp chí pháp luật quốc tế/ Gupta/ Australia	Tạp chí nước ngoài
37.	Nguyễn Văn Dũng; Đinh Ngọc Thắng (2021), <i>The equal rights of the accused persons of the court and shall be judged by the independent court no bias, public disclosure of law and practice in Vietnam</i> , Tạp chí pháp luật quốc tế/ Gupta/ Australia	Tạp chí nước ngoài
38.	Đinh Văn Liêm (2021), Some models of constitutional review in the world and suggestions of new model of constitutional review in Vietnam, Domestic jurisprudence № 2 (46), 2021	Tạp chí nước ngoài
39.	Đặng Thị Phương Linh (2021), <i>Prostitution-Related crimes in Vietnam: Current situation, causes and solutions</i> , European Journal of Humanities and Social Sciences	Tạp chí nước ngoài
40.	Đặng Thị Phương Linh (2021), <i>Some issues on prevention of the prostitution crimes in Vietnam from the perspective of criminology</i> , European Journal of Law and Political Science	Tạp chí nước ngoài
41.	Nguyễn Văn Đại (2021), <i>Guaranteeing of children's rights in family culture in Vietnam</i> , Humanitarian scientific bulletin. 2021. №5. Pp. 189-198. ISSN 2541- 7509. DOI: 10.5281/zenodo.4782 949. 2021	Tạp chí nước ngoài
42.	Hồ Thị Nga (2021), Mô hình chính quyền đô thị ở một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm, giải pháp hoàn thiện chính quyền đô thị ở Việt Nam, Tạp chí nhân lực khoa học xã hội.	Tạp chí trong nước
43.	Ngũ Thị Như Hoa (2021), <i>Bàn về hướng xử lý trong trường hợp không xác định được địa chỉ của bị đơn trong vụ án dân sự</i> , Tạp chí công thương	Tạp chí trong nước
44.	Nguyễn Thị Thanh Trâm (2021), <i>Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thi hành án phạt tù ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí công thương	Tạp chí trong nước
45.	Phan Nữ Hiền Oanh (2021), <i>Tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết yêu cầu doanh nghiệp mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo pháp luật hiện hành</i> , Tạp chí Nhà nước và pháp luật	Tạp chí trong nước
46.	Nguyễn Thị Mai Trang (2021), <i>Bàn về án lệ và nguồn quy định tội phạm của pháp luật hình sự Việt Nam</i> , Tạp chí công thương	Tạp chí trong nước

47.	Bùi Hạnh Phúc, Nguyễn Thị Thanh Trâm (2021), <i>Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thi hành án phạt tù ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí công thương.	Tạp chí trong nước
48.	Nguyễn Thị Phương Thảo (2021), <i>Bàn về các trường hợp Nhà nước thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai</i> , Tạp chí công thương.	Tạp chí trong nước
49.	Hồ Trọng Hữu (2021), <i>Đặc điểm nhận dạng tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Giáo dục và Xã hội	Tạp chí trong nước
50.	Hồ Trọng Hữu (2021), <i>Tội phạm đánh bạc trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Một số nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa</i> , Tạp chí Giáo dục và Xã hội.	Tạp chí trong nước
51.	Nguyễn Thị Hà (2021), <i>Một vài ý kiến tăng cường năng lực giảng viên trong việc đào tạo cư dân luật có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xã hội và thị trường lao động</i> , Tạp chí Công thương	Tạp chí trong nước
52.	Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn Phương (2021), <i>Một số giải pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn thông tin và kỹ năng sử dụng mạng xã hội cho học sinh, sinh viên hiện nay</i> , Tạp chí công thương.	Tạp chí trong nước
53.	Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Hải, Trương Minh Hoàng (2021), <i>Đảm bảo an toàn thông tin cá nhân trong môi trường mạng xã hội đối với giới trẻ ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Giáo dục và xã hội.	Tạp chí trong nước
54.	Nguyễn Thị Hà (2021), <i>Một số giải pháp đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy Luật hành chính đáp ứng yêu cầu xã hội và bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay</i> , Tạp chí khoa học - Trường Đại học Vinh.	Tạp chí trong nước
55.	Nguyễn Thị Hà (2021), <i>Bàn về một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính</i> , Tạp chí công thương.	Tạp chí trong nước
56.	Đặng Thị Phương Linh (2021), <i>Một số vấn đề về phòng ngừa các tội phạm về mại dâm dưới góc độ tội phạm học</i> , Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội.	Tạp chí trong nước
57.	Đặng Thị Phương Linh (2021), <i>Thực trạng tội phạm về mại dâm ở Việt Nam và giải pháp phòng ngừa</i> , Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.	Tạp chí trong nước
58.	Hồ Thị Hải (2021), <i>“Mô hình giám sát sử dụng vốn nhà nước</i>	Tạp chí trong

	<i>đầu tư vào doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam</i> ”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật.	nước
59.	Đinh Ngọc Thắng, Hồ Thị Hải (2021), <i>Những điểm mới của Bộ luật Lao động năm 2019 về quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và những tác động đến quan hệ lao động</i> , Tạp chí Luật sư Việt Nam.	Tạp chí trong nước
60.	Nguyễn Thị Hồng Nhật (2021), <i>Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới và những tác động tới pháp luật Việt Nam</i> , Tạp chí Châu Âu.	Tạp chí trong nước
61.	Nguyễn Thị Hồng Nhật (2021), <i>Nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam</i> , Tạp chí Dân chủ và pháp luật	Tạp chí trong nước
62.	Nguyễn Văn Đại (2021), <i>Bảo đảm quyền trẻ em trong trong điều tra các vụ án xâm hại tình dục, từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa</i> , Tạp chí Pháp luật về quyền con người.	Tạp chí trong nước
63.	Nguyễn Văn Đại, Nguyễn Thị Mai Anh (2021), <i>Bảo đảm quyền trẻ em trong thiết chế văn hóa gia đình ở Việt Nam</i> , Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh	Tạp chí trong nước
64.	Nguyễn Bích Ngọc (2021), <i>Bảo đảm nguyên tắc công bằng trong pháp luật tố tụng hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp</i> , Tạp chí nhân lực Khoa học xã hội.	Tạp chí trong nước
65.	Nguyễn Văn Quân; Đinh Ngọc Thắng; Vũ Công Giao; Vũ Thành Cư (2022), <i>Good Governance as a Premise for Crisis Governance: An Analysis from Vietnam's Current Efforts to Cope with the Covid-19 Pandemic</i> , Journal of Legal, Ethical and Regulatory Issues 25(3) ISSN: 1544-0036 2022	Tạp chí nước ngoài
66.	Đinh Ngọc Thắng (2022), <i>Giáo dục pháp luật thực hành và mô hình phổ biến, giáo dục quyền con người cho cộng đồng yếu thế từ thực tiễn đào tạo cử nhân luật ở Trường Đại học Vinh</i> , Tạp chí Pháp luật về Quyền con người.	Tạp chí trong nước
67.	Ngô Thị Thu Hoài, Ngũ Thị Như Hoa (2022), <i>Bảo đảm quyền được khai sinh của trẻ em thông qua công tác đăng ký hộ tịch</i> , Tạp chí Công thương.	Tạp chí trong nước
68.	Nguyễn Thị Hà (2022), <i>Bàn về các giải pháp nâng cao kỹ năng tư pháp của sinh viên ngành Luật đáp ứng yêu cầu đào tạo trong bối cảnh hội nhập</i> , Tạp chí Công thương.	Tạp chí trong nước
69.	Nguyễn Thị Phương Thảo (2022), <i>Hoàn thiện pháp luật về góp vốn thành lập công ty bằng quyền sở hữu trí tuệ</i> , Tạp chí Công thương	Tạp chí trong nước

70.	Bùi Thị Phương Quỳnh (2022) “ <i>Một số nội dung cải cách tư pháp hướng tới nền tư pháp độc lập</i> ”, tạp chí công thương số 24, tr.69 - 75	Tạp chí trong nước
71.	Hà Thị Thuý (2022), <i>Mô hình giáo dục quyền con người thông qua hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của Trung tâm Tư vấn pháp luật Đại học Vinh</i> , Tạp chí Pháp luật về Quyền con người, số chuyên đề 2022 (26), tr. 92 - 99.	Tạp chí trong nước
72.	Hồ Thị Hải (2022), <i>Giáo dục quyền trẻ em trong đào tạo Luật tại Trường Đại học Vinh</i> , Tạp chí Pháp luật về quyền con người.	Tạp chí trong nước
73.	Hồ Thị Hải (2022), <i>Cơ chế bảo đảm quyền lợi của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động tại doanh nghiệp trong bối cảnh Covid-19 ở Việt Nam</i> , Tạp chí Công thương.	Tạp chí trong nước
74.	Nguyễn Thị Thanh (2022), <i>Bảo vệ người thứ ba ngay tình trong các giao dịch với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trong pháp luật doanh nghiệp Việt Nam</i> , Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam số tháng 8/2022	Tạp chí trong nước
75.	Nguyễn Văn Dũng (2022), <i>Nâng cao hiệu quả giảng dạy chuyên đề quyền con người trong đào tạo trình độ thạc sĩ</i> , Tạp chí Pháp luật về quyền con người	Tạp chí trong nước
76.	Nguyễn Thị Thanh Trâm (2022), <i>Pháp luật về biện pháp ngăn chặn hành chính</i> , Tạp chí Công thương.	Tạp chí trong nước
77.	Nguyễn Văn Đại (2022), <i>Quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất của UBND tỉnh Kiên Giang</i> , Tạp chí Công thương Số 16, 6/2022; Trang 187-193	Tạp chí trong nước
78.	Nguyễn Văn Đại (2022), <i>Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục pháp luật về quyền con người ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Pháp luật về quyền con người	Tạp chí trong nước
79.	Nguyễn Văn Đại (2023), <i>Hoàn thiện thể chế chính quyền địa phương từ việc nghiên cứu mô hình tổ chức chính quyền đô thị thuộc tỉnh</i> , Tạp chí Công thương số 17, 8/2023; Trang 78-83	Tạp chí trong nước
80.	Nguyễn Văn Đại (2023), <i>Nhận diện, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch về thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i> , Tạp chí pháp luật về quyền con người số 4 (32)-2023	Tạp chí trong nước
81.	Ngô Thị Thu Hoài (2023), <i>Nhận diện quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử qua một số quy định trong pháp luật phong kiến Việt Nam</i> , Tạp chí Pháp luật về quyền con người.	Tạp chí trong nước
82.	Ngô Thị Thu Hoài (2023), <i>Bàn về việc xác định “đối tượng tranh chấp là bất động sản” trên thực tế</i> , Tạp chí Công thương.	Tạp chí trong nước

83.	Đặng Thị Phương Linh (2023), <i>Bảo đảm nguyên tắc độc lập tư pháp trong xét xử vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Công thương.	Tạp chí trong nước
84.	Hồ Thị Nga (2023), <i>Những vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</i> , Tạp chí Công thương.	Tạp chí trong nước
85.	Nguyễn Thị Phương Thảo (2023), <i>Tước quyền của cha mẹ - Vấn đề pháp lý cần đặt ra trong pháp luật Hôn nhân và gia đình ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Công thương.	Tạp chí trong nước
86.	Đặng Thị Phương Linh (2023), <i>Bảo đảm nguyên tắc độc lập tư pháp trong xét xử vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay</i> , Tạp chí Công thương	Tạp chí trong nước

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO KHẢO SÁT NHU CẦU XÃ HỘI

VỀ ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH

1. Mục đích khảo sát

Khảo sát sự cần thiết mở ngành đào tạo Luật Hiến pháp và Luật Hành chính và nhu cầu nhân lực ngành trong giai đoạn sắp tới nhằm phục vụ Đề án mở ngành đào tạo ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính trình độ đại học tại Trường KHXHNV, Trường Đại học Vinh. Khảo sát này nhằm thu thập thông tin về nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trong tại các cơ quan, doanh nghiệp; mức độ đáp ứng kiến thức, kỹ năng được đào tạo so với yêu cầu công việc; góp ý của các cơ quan, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo sinh viên cũng như nhu cầu đào tạo theo ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính của học sinh trung học phổ thông đang chuẩn bị vào học bậc đại học. Dựa trên cơ sở khảo sát, Trường KHXHNV, Trường Đại học Vinh xây dựng khung chương trình đào tạo ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính phù hợp, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp nhu cầu của xã hội trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

2. Đối tượng khảo sát

- Các cá nhân làm việc, công tác tại các cơ quan, doanh nghiệp, chủ yếu là các cá nhân lãnh đạo và cá nhân có nhiệm vụ tuyển dụng nhân lực (nhà tuyển dụng);
- Các cán bộ quản lý đang làm việc tại các cơ quan Đảng, Tổ chức chính trị - xã hội; quản lý của Nhà nước thuộc các Bộ/Ban/Ngành liên quan đến lĩnh vực pháp luật;
- Các nhà quản lý khoa học, nhà khoa học, giảng viên làm việc tại các Viện nghiên cứu hay các trường đại học;
- Các chuyên gia lập pháp, chuyên gia pháp lý ở Việt Nam.
- Các học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An và lân cận.

3. Hình thức khảo sát

- Khảo sát thông qua Google biểu mẫu.

Nhóm khảo sát sử dụng Phiếu khảo sát cho các chuyên gia/nhà tuyển dụng với các câu hỏi về các vấn đề liên quan đến tình trạng sử dụng nhân lực, đúng vị trí chuyên môn, mức độ phù hợp của kiến thức và kỹ năng được trang bị so với yêu cầu làm việc. Mỗi câu hỏi được thiết kế theo hướng câu hỏi một hoặc nhiều lựa chọn. Phiếu khảo sát cho học sinh THPT tập trung vào sự quan tâm và nhu cầu học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính trong tương lai.

Thời gian khảo sát:

- Thời gian khảo sát: 10/11/2023 - 28/11/2023

- Xử lý số liệu: 10/12/2023 - 25/12/2023.

4. Kết quả khảo sát

4.1. Khảo sát về nhu cầu ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Trường Đại học Vinh đã tiến hành khảo sát 300 đối tượng thuộc các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và một số tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng 1, cho thấy:

Thứ nhất, xu thế lựa chọn nghề nghiệp tương lai của học sinh, sinh viên hiện nay đã có nhiều thay đổi theo hướng thực tế, coi trọng nhu cầu của thị trường lao động. Khi lựa chọn ngành nghề và trường theo học, hầu hết học sinh căn cứ dựa trên khả năng tìm kiếm việc làm sau khi ra trường (36%), yêu cầu của gia đình (25%). Tiếp đó là dựa trên xu hướng của xã hội; nâng cao năng lực, trình độ; theo nhóm bạn thân.

Thứ hai, nhu cầu đối với việc được đào tạo chính quy, bài bản đối với ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính trong học sinh là khá cao (chiếm hơn 70%). Hầu hết các ý kiến được khảo sát đều cho rằng với xu thế toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính là một ngành đầy hứa hẹn.

Thứ ba, phần lớn ý kiến được khảo sát đều mong muốn được học tập trong một môi trường năng động, được thực hành các kiến thức lý thuyết (hơn 80%), được đào tạo và rèn luyện không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn là các kiến thức về Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, các kỹ năng mềm cũng như tư duy sáng tạo.

Bảng 1. Kết quả khảo sát nhu cầu mở đào tạo bậc đại học ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính (mẫu quan sát: 300)

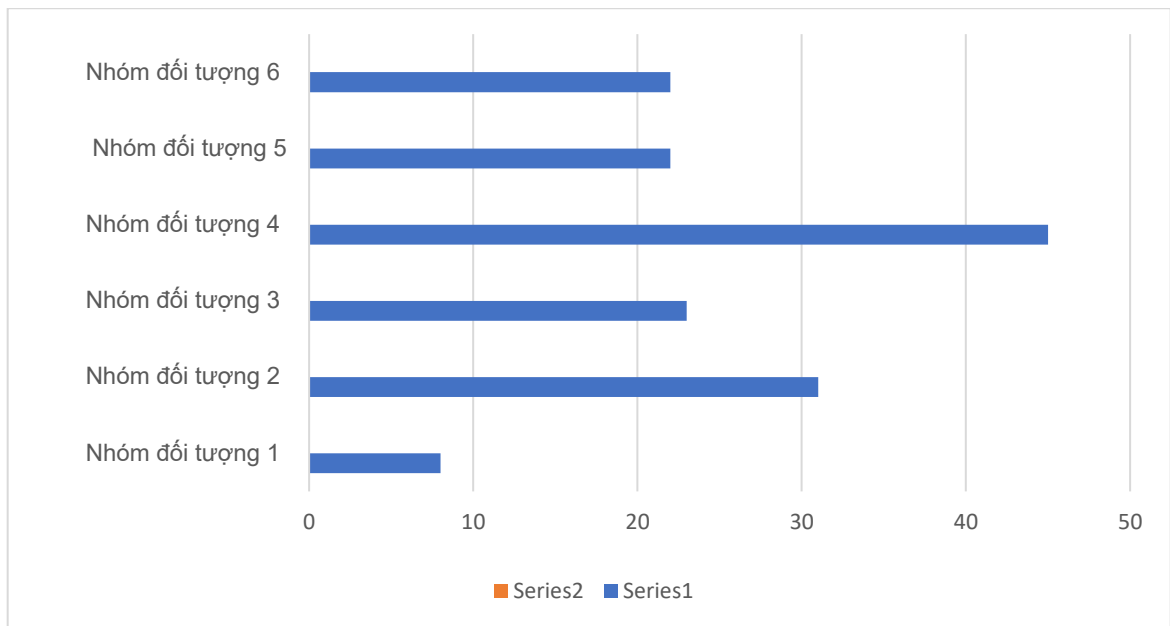
STT	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ (%)
1	Có ý định lựa chọn ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính để theo học trong tương lai	70.5
2	Cơ sở lựa chọn học ngành Đại học Luật Hiến pháp và Luật Hành chính là: - Tìm công việc làm tốt - Theo yêu cầu bố mẹ - Theo xu hướng của xã hội - Nâng cao năng lực trình độ - Theo nhóm bạn thân	36 25 18 13 8
3	Mong muốn học tập ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính theo hướng - Học và thực hành tại lớp	16 35

	- Học và thực hành tại các tổ chức, doanh nghiệp - Học và thực hành tại các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội	49
4	Nhu cầu được đào tạo sâu trong CTĐT ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính - Kiến thức cơ bản, cơ sở ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính - Kỹ năng mềm liên quan tới ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính Tư duy sáng tạo liên quan tới ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	85 83 79

4.2. Khảo sát về Mục tiêu, CDR chương trình đào tạo ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Bảng 2. Số liệu về vị trí công tác của đối tượng khảo sát

Đối tượng	Số lượng	Tỷ lệ %
Nhóm đối tượng 1 (Sinh viên)	8	5,30
Nhóm đối tượng 2 (Cựu sinh viên)	31	20,53
Nhóm đối tượng 3 (Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia)	23	15,23
Nhóm đối tượng 4 (Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở sản xuất)	45	29,80
Nhóm đối tượng 5 (Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật)	22	14,57
Nhóm đối tượng 6 (Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng LĐ)	22	14,57
Tổng	151	100%

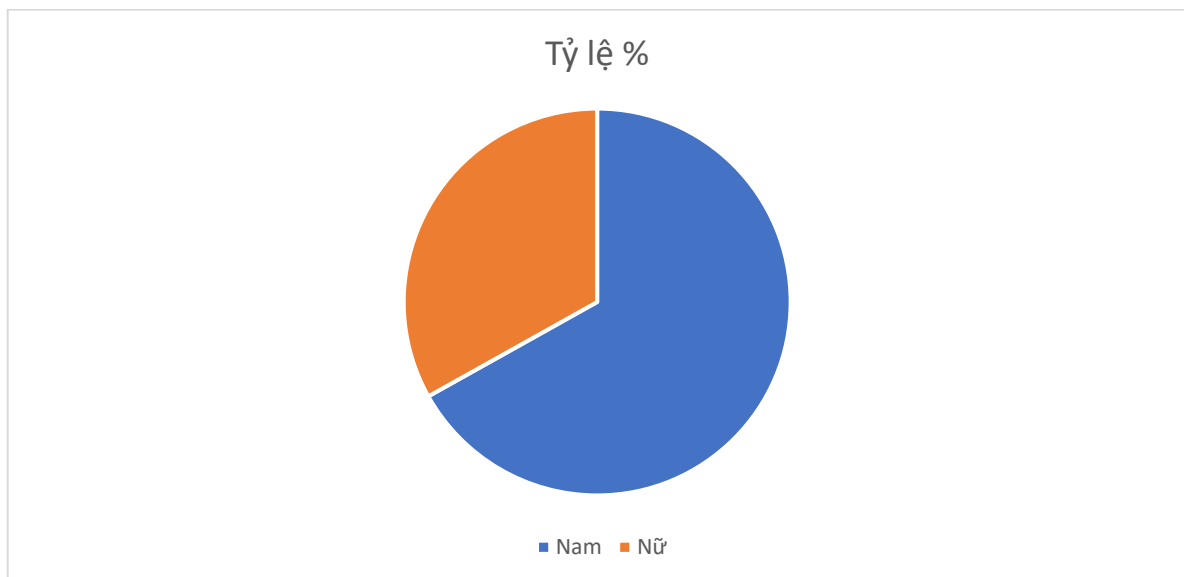


Hình 1. Biểu đồ phân bố vị trí công tác của đối tượng khảo sát

Giới tính của đối tượng khảo sát

Bảng 3. Số liệu về giới tính của đối tượng khảo sát

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ %
Nam	101	66,89
Nữ	50	33,11
Tổng	151	100



Hình 2. Biểu đồ phân bố giới tính của đối tượng khảo sát

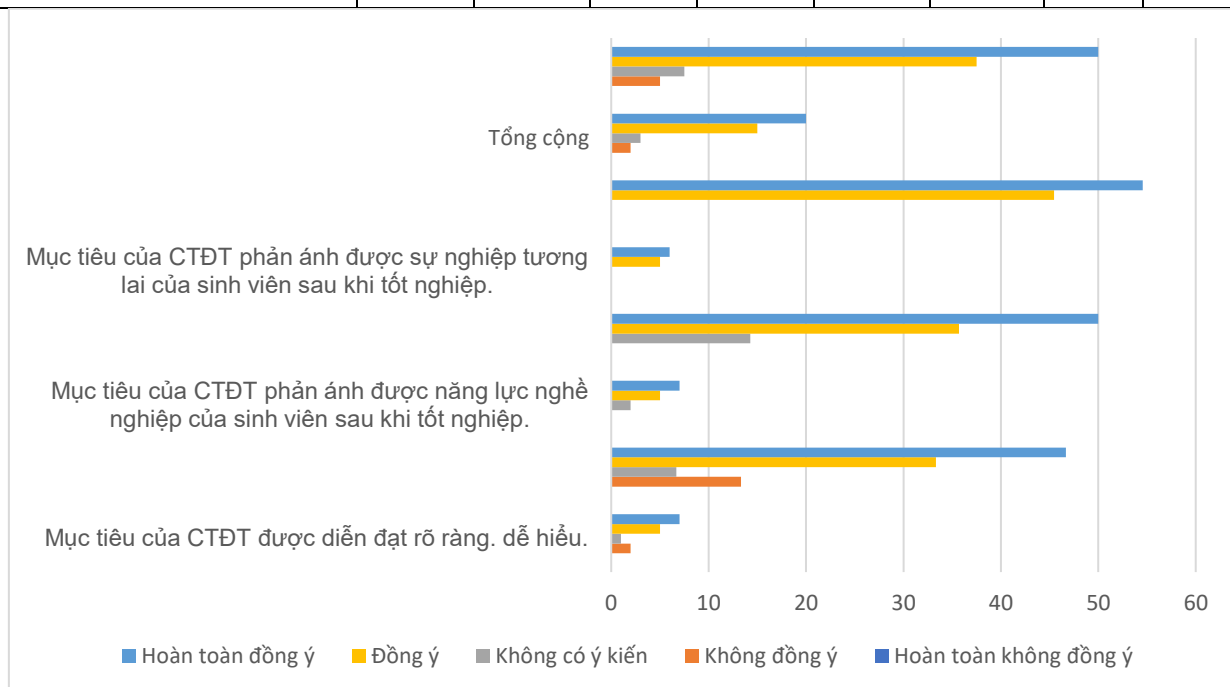
Phân tích kết quả khảo sát

Đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo

1. Đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

Bảng 4. Số liệu về đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

Ý kiến	Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu.		Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp		Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp.		Tổng cộng	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0	0	0	0	0	0
Không đồng ý	2	13,33	0	0	0	0	2	5,00
Không có ý kiến	1	6,67	2	14,29	0	0	3	7,50
Đồng ý	5	33,33	5	35,71	5	45,45	15	37,50
Hoàn toàn đồng ý	7	46,67	7	50	6	54,55	20	50,00
Tổng	15	100	14	100	11	100	40	100



Hình 3. Biểu đồ đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

2. Ý kiến góp ý khác về mục tiêu của chương trình đào tạo

Câu hỏi: Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô, mục tiêu CTĐT ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính cần bổ sung thêm những nội dung nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

Ý kiến góp ý:

- Thêm phần năng lực tin học và ngoại ngữ

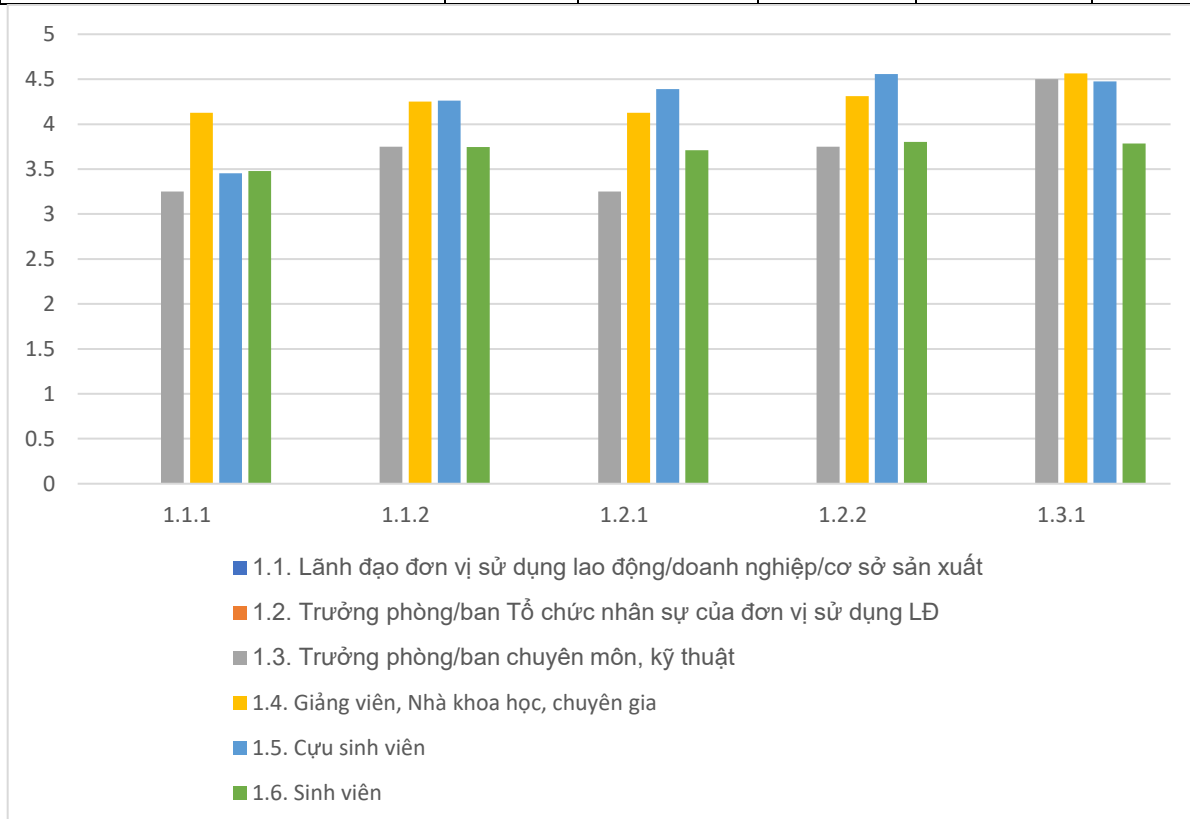
Nhận xét:

2.2.2. Đánh giá chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo

2.2.2.1. Đánh giá về mức độ cần thiết

Bảng 5. Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng

	1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.3.1
1.1. Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở sản xuất	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000
1.2. Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng LĐ	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000
1.3. Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật	3.250	3.750	3.250	3.750	4.500
1.4. Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	4.125	4.250	4.125	4.313	4.563
1.5. Cựu sinh viên	3.455	4.263	4.389	4.556	4.474
1.6. Sinh viên	3.480	3.745	3.711	3.802	3.784

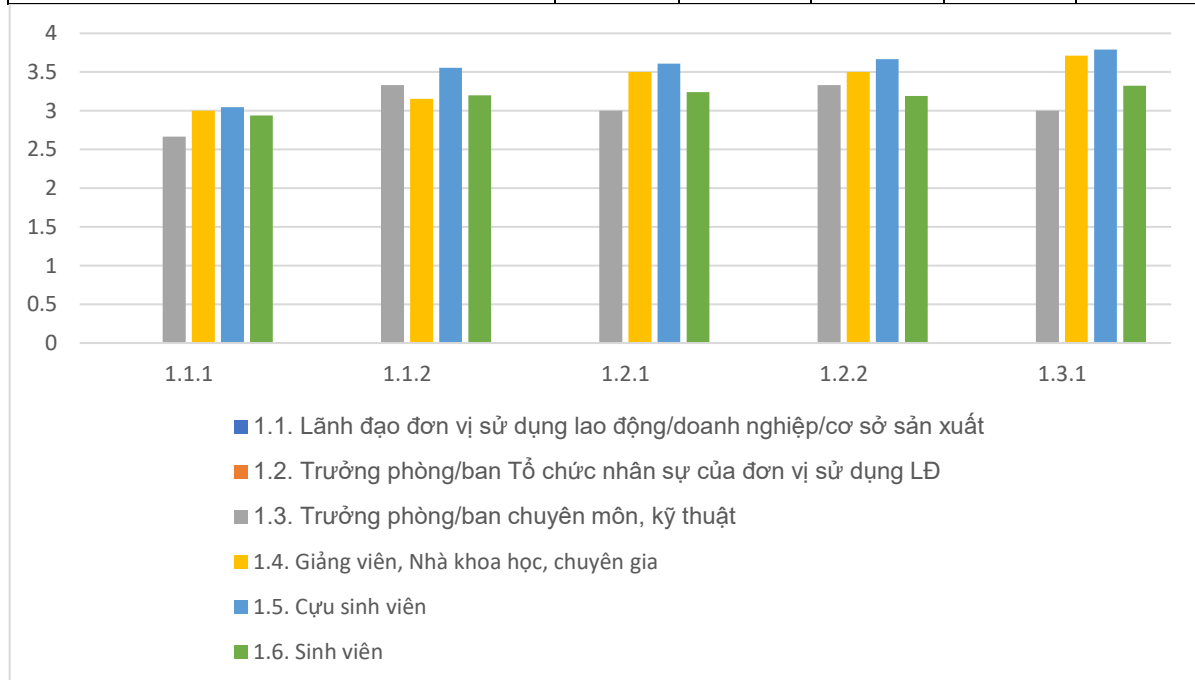


Hình 4. Biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng

2.2.2.2. Đánh giá về mức độ nên đạt được

Bảng 6. Số liệu đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng

	1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.3.1
1.1. Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở sản xuất	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000
1.2. Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng LĐ	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000
1.3. Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật	2.667	3.333	3.000	3.333	3.000
1.4. Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	3.000	3.154	3.500	3.500	3.714
1.5. Cựu sinh viên	3.045	3.556	3.611	3.667	3.789
1.6. Sinh viên	2.940	3.201	3.240	3.193	3.324

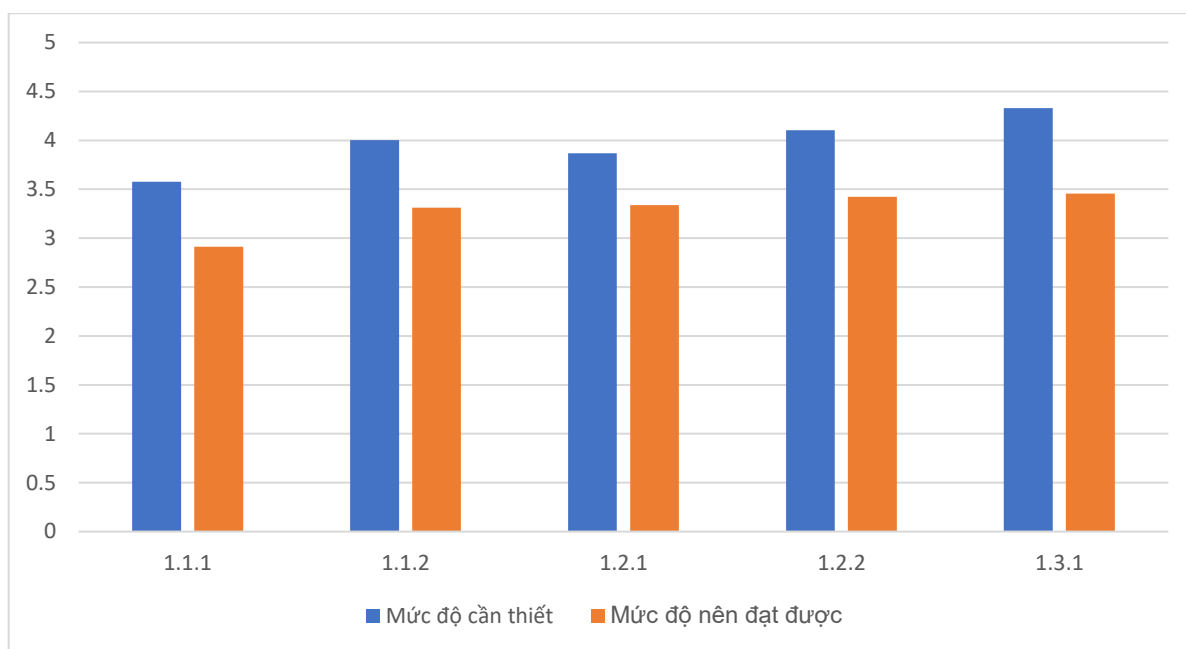


Hình 5. Biểu đồ đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng

2.2.2.3. Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức

Bảng 7. Số liệu đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức

	1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.3.1
Mức độ cần thiết	3.577	4.002	3.869	4.105	4.330
Mức độ nên đạt được	2.913	3.311	3.338	3.423	3.457



Hình 6. Biểu đồ đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức

4. Đề nghị của nhóm nghiên cứu

Qua kết quả khảo sát, các nghiên cứu thứ cấp và sơ cấp, chúng tôi đã báo cáo chi tiết ở các phần trên cho thấy, hiện thị trường lao động đang có nhu cầu lớn đối với nguồn nhân lực được đào tạo trong lĩnh vực pháp luật. Đề nghị trường Đại học Vinh nghiên cứu mở đào tạo ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. Nhà trường cần thiết kế chương trình đào tạo theo hướng gần gũi thực tiễn, chú trọng các kỹ năng về chuyên môn đáp ứng nhu cầu xã hội như: Kỹ năng vận dụng thành thạo về công nghệ thông tin và công nghệ số nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc, kỹ năng tổ chức và điều hành công việc,... để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó cũng cần chú ý đào tạo một số kỹ năng khác như: Ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Tham khảo và lựa chọn các môn học nào đáp ứng được nhiều các kỹ năng trên và phù hợp với phương pháp tổ chức chương trình đào tạo của trường. Khi đào tạo chuyên ngành này cần thiết kế các học phần cung cấp kiến thức ngành, chuyên ngành mà được nhiều trường uy tín trong và ngoài nước giảng dạy. Nhà trường cũng nên nghiên cứu có nhiều những môn tự chọn để sinh viên linh hoạt lựa chọn phù hợp khả năng của họ và đáp ứng nhu cầu của xã hội.